

CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ: KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI VÀ CHẾ BIẾN
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG,
TẬN THU ĐÁ KHỐI ĐỂ XỬ**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ YÊN LÂM VÀ XÃ YÊN TÂM,
HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

CHỦ CƠ SỞ



[Handwritten signature]
GIÁM ĐỐC
Đỗ Chi Phương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



[Handwritten signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị En Ny

Thanh Hoá, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VẼ	4
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1.1. Tên chủ cơ sở:.....	5
1.2. Tên cơ sở:	5
1.2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở.....	7
1.2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần.....	8
1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí về đầu tư công).....	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	8
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	8
1.3.2.1. Công nghệ (quy trình) khai thác	8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	14
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cấp điện, nước của cơ sở.....	14
1.4.1. Nhu cầu về sử dụng nước	14
1.4.2. Nhu cầu về sử dụng điện	15
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu và hóa chất	15
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	15
1.5.1. Tóm tắt về quá trình hoạt động của khu mỏ	15
1.5.2. Vốn đầu tư của cơ sở.....	16
1.5.3. Hiện trạng khu mỏ.....	16
1.5.4. Về hiện trạng khai thác và sản xuất tại mỏ	17
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	19
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	19
2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia	19
2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	20
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	22
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	22
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	22
1.2.1. Lưu lượng và các loại nước thải phát sinh tại nhà máy	22
1.2.2. Công trình thu gom và thoát nước:	23
1.3. Xử lý nước thải	30
1.3.1. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt	30
1.3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:	32
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	32
2.5. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục	36
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	36
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	36
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	37
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	38
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.	40
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	42
8.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt	42
8.2. Kế hoạch thực hiện	43
8.3. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường	43
8.4. Tình hình thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường.....	44
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	45
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	46
Trong quá trình hoạt động của Nhà máy không phát sinh khí thải nên không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.	46
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	46
4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải.....	47
4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:	47
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:	47
4.3. Chuyển giao chất thải	48
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	49
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ với nước thải	49
2. Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với bụi và khí thải.	49
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	52

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

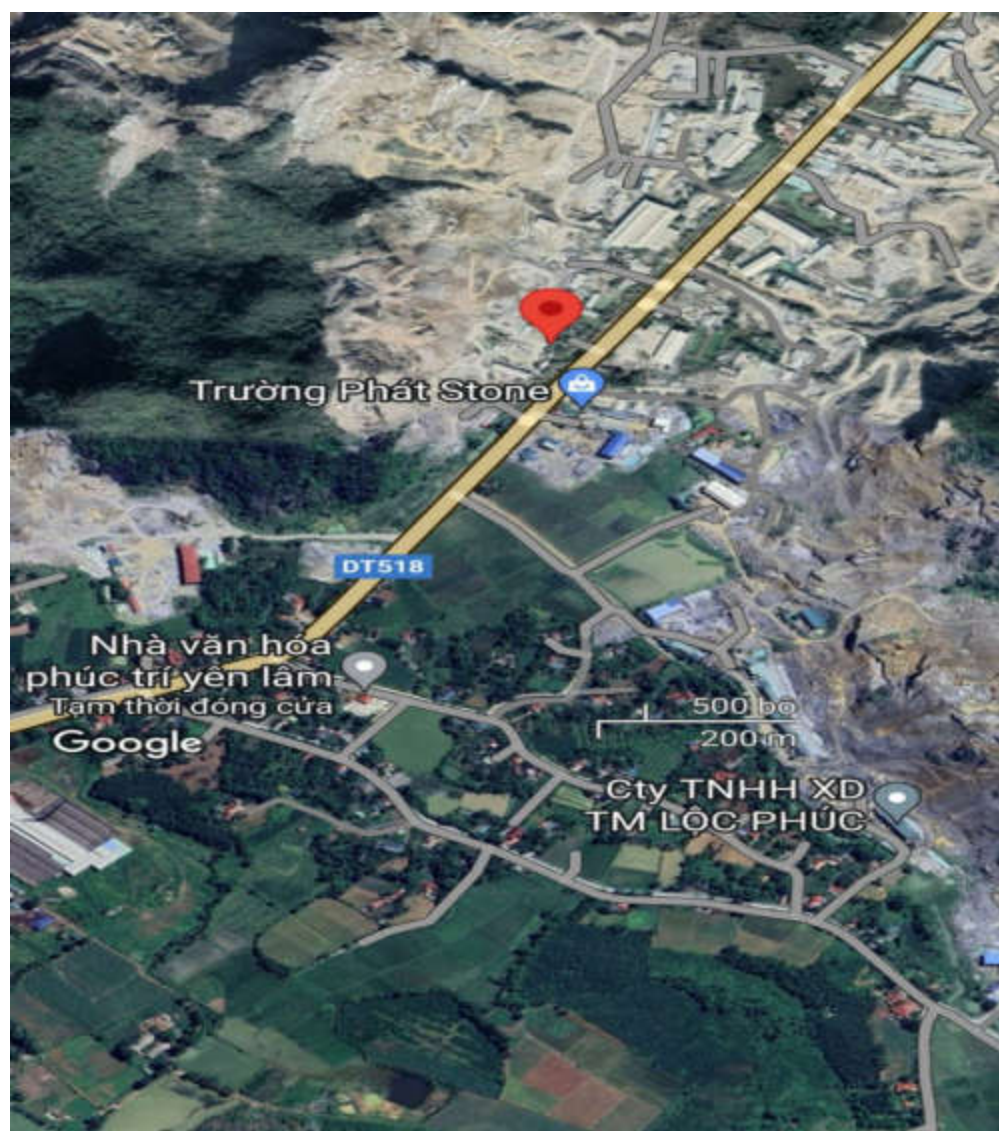
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban Nhân dân
BQLKKT	: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
TB	: Thông báo
CTR	: Chất thải rắn
VLXDTT	: Vật liệu xây dựng thông thường
KCN	: Khu Công nghiệp
CP	: Cổ phần
SCN	: Sân công nghiệp
VLNCN	: Vật liệu nổ công nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Tọa độ giới hạn của khu vực cơ sở	5
Bảng 1.3: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác	9
Bảng 1.4: Lượng nước cấp cho sinh hoạt của cơ sở.....	14
Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất cho cơ sở	15
Bảng 3.1: Bảng thông kê thông số kỹ thuật và chiều dài tuyến thu gom nước thải.....	30
Bảng 3.2: Tổng hợp các công trình bề tự hoại đã xây dựng	31
Bảng 3.3: Tổng hợp các công trình bề lắng đã xây dựng	32
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi tại khu vực nghiền sàng.....	33
Bảng 3.5. Nhu cầu trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân	34
Bảng 3.6. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại.....	37
Bảng 3.7: Tổng hợp các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	41
Bảng 3.8: Bảng tổng hợp phương án và kinh phí phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở	42
Bảng 3.9. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường	43
Bảng 4.1. Bảng thông số, nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải.....	45
Bảng 5.1: Kết quả phân tích và đánh giá chất lượng nước thải.	49
Hình 1.1. Vị trí khu mỏ trên Goole map	6
Sơ đồ 1.1. Quy trình khai thác của cơ sở	9
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ công nghệ chế biến đá xây dựng.....	12
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ công nghệ chế biến đá ốp lát	13
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ cấu tạo bề tự hoại 3 ngăn.....	31
Hình 3.1. Hệ thống phun sương dập bụi tại khu vực nghiền sàng.....	34

Khu vực khai trường	1	2217 317,4	554 990,5
	2	2217 331,1	555 003,7
	3	2217 316,5	555 023,9
	4	2217 378,7	555 068,5
	5	2217 354,2	555 113,3
	6	2217 254,1	555 049,6

(Nguồn: Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang)



Hình 1.1. Vị trí khu mỏ trên Goole map

- Diện tích mỏ là: 23.144,3 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 16.664,3 m² được giới hạn bởi các điểm góc 6,7,8,9,10,11,12 và 1; diện tích khu vực khai trường là 6.480 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1,2,3,4,5 và 6.

1.2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở.

Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp phép khai thác cho Xí nghiệp Tự Lập (nay là Công ty TNHH Tự Lập) từ năm 2014 theo Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014; từ năm 2018 do không còn nhu cầu tiếp tục khai thác nên Công ty TNHH Tự Lập đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang để tiếp tục đầu tư khai thác và được UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho phép chuyển nhượng tại Công văn số 2340/UBND-CN ngày 01/3/2019, vì vậy các Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở cấp cho Công ty TNHH Tự Lập và cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang như sau:

- Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD TT xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (cấp cho Xí nghiệp Tự Lập khai thác);

- Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh cấp cho Xí nghiệp Tự Lập tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

- Công văn số 2340/UBND-CN của UBND tỉnh Thanh Hóa ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Tự Lập được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định (khu mỏ được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014) cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang;

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi làm VLXD thông thường xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định;

- Hợp đồng thuê đất số 163/HĐTĐ ngày 30/7/2019 của Sở TN&MT cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang thuê đất;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 635365 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/12/2019 cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8801002716 chứng nhận lần đầu ngày 31/10/2019; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 24/02/2022.

1.2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần

- Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Cơ sở khai thác đá vôi làm VLXD tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định của Xí nghiệp Tự Lập.

1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư 13,7 tỷ đồng thuộc nhóm C (Cơ sở có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng). Cơ sở thuộc loại hình khai thác chế biến khoáng sản do đó không thuộc đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất khai thác: 15.000m³/năm (đá khối)
- + Đá làm VLXD thông thường chiếm 93% tương đương: 13.950m³/năm.
- + Đá khối tận thu làm đá ốp lát chiếm 7% tương đương 1.050m³/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quá trình “sản xuất” của Mỏ Khu mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa gồm 2 “Công nghệ” là **Khai thác** và **Chế biến**.

1.3.2.1. Công nghệ (quy trình) khai thác

Công nghệ (Quy trình) khai thác đá tại mỏ gồm các bước sau:

(1). Mở vỉa

Công tác mở vỉa khai thác bao gồm: cải tạo mặt bằng tuyến tiếp nhận, xây dựng tuyến đường công vụ, xây dựng hào di chuyển. Đường hào chỉ cần đủ điều kiện bảo đảm cho người mang thiết bị khoan tay lên tầng làm việc, đường mở rộng 1,0 m độ dốc trung bình $\leq 40^{\circ}$ đảm bảo việc đi lại dễ dàng cho người và vận chuyển thiết bị khai thác cũng như an toàn trong quá trình sản xuất, đường phải được mở rộng và phát triển theo sườn núi.

(2). Trình tự khai thác

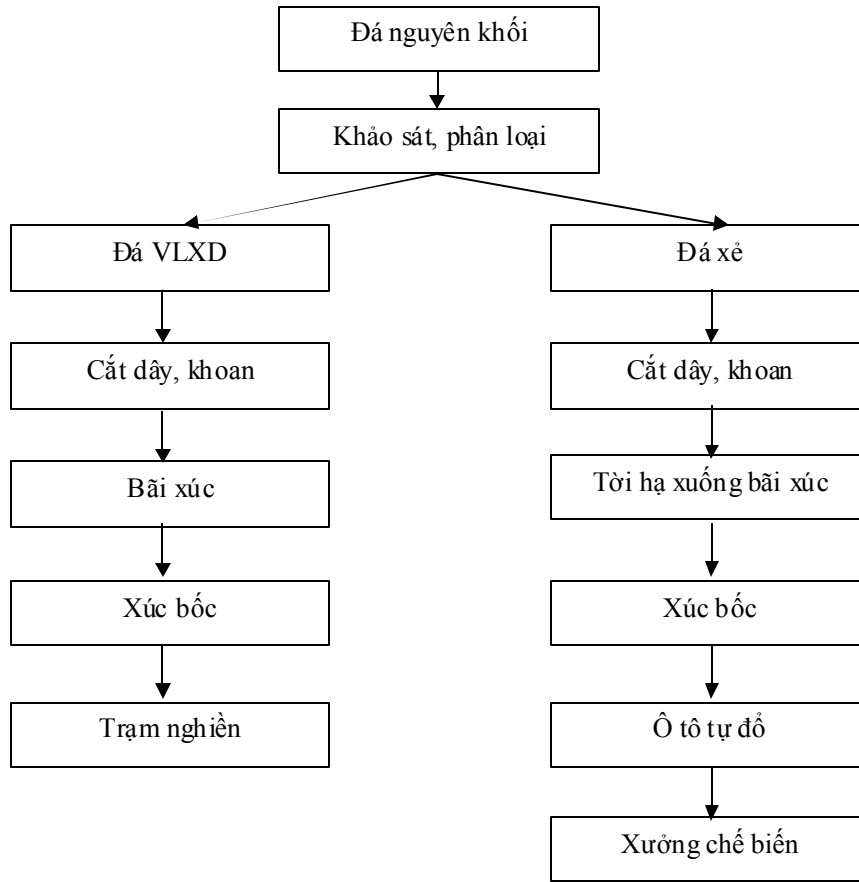
Căn cứ theo đặc điểm của mỏ, công suất khai thác và hệ thống khai thác, trình tự khai thác của mỏ được tiến hành như sau:

- Tiến hành khai thác theo trật tự từ trên xuống dưới, hết lớp ngoài đến lớp trong;

- Sử dụng phương pháp khai thác bằng cắt dây kim cương thay cho nổ mìn, rồi vận chuyển về xưởng chế biến;

(3). Hệ thống khai thác

Áp dụng hệ thống khai thác theo lớp đứng, cắt tầng nhỏ chuyển tải bằng cắt dây, sơ đồ hệ thống khai thác như sau:



Sơ đồ 1.1. Quy trình khai thác của cơ sở

Hệ thống khai thác theo lớp đứng cắt tầng nhỏ chuyển tải bằng cắt dây đối với đá VLXD. Tại bãi xúc đá vật liệu xây dựng được máy xúc đổ trực tiếp vào trạm nghiền. Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác:

Bảng 1.3: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H_t	m	5
2	Chiều cao phân tầng khai thác	H_p	m	2,5
3	Chiều cao tầng kết thúc khai thác	H_{kt}	m	10
4	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α_t	độ	75
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_{kt}	độ	70
6	Góc nghiêng bờ mỏ kết thúc	γ_{kt}	độ	60

7	Bề rộng mặt tầng kết thúc	bkt	m	3,5
8	Chiều rộng đai bảo vệ	Bv	m	1,5-2
9	Chiều rộng mặt tầng	Bmin	m	3,5
10	Chiều rộng dải khẩu	A	m	1,5
11	Chiều dài tuyến công tác	Lct	m	70

(4). Công tác khoan.

Sử dụng khoan con loại YT27, sau khi đánh rạch tạo hào chuẩn bị sử dụng máy khoan con tiến hành khoan tách các khối đá.

(5). Công tác cắt dây

Khai thác đá bằng máy cắt dây kim cương không gây ra tình trạng khói bụi, tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của công nhân và người dân sống quanh khu vực.

Máy cắt dây kim cương được điều khiển bởi tần kép và PLC(thiết bị điều chỉnh được lập trình) làm căng dây cắt kim cương liên tục trong quá trình điều khiển tự động, hệ thống đáng tin cậy và độ chính xác cao.

Máy cắt dây kim cương có các chức năng dễ dàng hoạt động, thao tác vận hành, di chuyển ngang và di chuyển nhanh hiệu quả cao cho công việc.

Máy tách đá thủy lực được sử dụng để phân tách và chỉnh hình tảng đá trong thời gian rất ngắn. Dùng công nghệ tách đá, phá bê tông bằng máy tách đá thủy lực không dùng chấn động lớn và sức mạnh để phá vỡ liên kết của khối đá.

Bước đầu tiên là tìm ra tấm đá hoàn hảo tối ưu về màu sắc, hoa văn và thành phần.

Sau khi tìm kiếm được mẫu đá ưng ý, dùng các thiết bị khai thác như máy cắt dây kim cương, kính thủy lực, máy đào... để lật khối đá ra khỏi mỏ

Bước tiếp theo sau khi lật được khối đá ra ngoài, tiếp tục sử dụng máy cắt dây cắt nhỏ các khối đá theo hình dạng, kích thước như mong muốn để tiện cho quá trình vận chuyển và sử dụng.

Cuối cùng sử dụng kết hợp các thiết bị cắt dây kim cương, kính thủy lực, máy đào, di chuyển khối đá, dùng cầu 3 chân Derrick cố định tại mỏ để bốc lên xe vận tải đưa đến nơi chế biến.

(6). Công tác gạt.

Khối lượng cần san gạt ở mỏ là rất nhỏ, chủ yếu là công tác san gạt đường xá. Vì vậy, sử dụng lao động thủ công không đầu tư máy gạt.

(7). Công tác xúc bốc.

Dùng máy xúc PC 200 -3 có dung tích gầu 0,7m³.

(8). Công tác vận tải.

- Công tác vận tải trong mỏ:

+ Đá khai khi khai thác tại khai trường được vận chuyển về khu chế biến bằng ô

tô tự đổ loại 3,5 tấn. Do khu chế biến nằm gần khai trường, công tác vận tải đá từ khai trường về trạm nghiền và xưởng xẻ đá diễn ra trong nội bộ khu mỏ với chiều dài tuyến đường trung bình khoảng 130m, chiều rộng mặt đường 3-4m.

+ Để đảm bảo tính cơ động, điều hòa được khâu vận tải trong quá trình khai thác, khắc phục được điều kiện địa hình, cơ sở sử dụng ô tô vận tải đá tới trạm đá nghiền.

+ Vận tải đá xẻ có kích thước lớn từ khai trường về bãi xúc chân tuyến sử dụng dụng cụ hệ thống cầu, tời kéo cáp JM12.

- Công tác vận tải ngoài mỏ:

+ Công tác vận tải đá thành phẩm được thực hiện theo yêu cầu của đơn vị tiêu thụ sản phẩm. Hiện tại, tuyến đường giao thông trong khu vực vẫn đảm bảo cho công tác vận chuyển đá thành phẩm đi tiêu thụ.

+ Đường giao thông ngoài mỏ đoạn từ mỏ đến UBND xã Yên Lâm là đường cấp phối, bề rộng mặt đường 6-8m, đoạn từ UBND xã Yên Lâm đi Kiều và thị trấn Quán Lào là đường nhựa chất lượng tương đối tốt rất thuận lợi cho vận chuyển lưu thông hàng hóa.

(9). Công tác đổ thải

Theo báo cáo thăm dò mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định thì khối lượng lớp đá phong hóa bóc bỏ trên bề mặt là khoảng 3% năm tổng trữ lượng của mỏ, thành phần chủ yếu là đá phong hóa, đá kẹp. Với công suất khai thác của mỏ là 15.000 m³/năm thì lượng đất đá đổ thải khoảng 15.000x3% = 450m³/năm. Khối lượng đá thải này được tận dụng làm mặt đường của mỏ và dải nền sân các công trình trong mỏ, phần đất thải còn lại được tích trữ để hoàn phục môi trường sau khi kết thúc khai thác. Đơn vị sử dụng một diện tích khoảng 1.000 m², sức chứa Q = 3.500 m³ tại phía Đông Nam khai trường để làm công tác chứa đất thải, để cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

Để đảm bảo vệ sinh môi trường và tránh tình trạng rơi vãi vật liệu và nước mưa chảy tràn qua bãi chứa làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Chủ cơ sở xây dựng hệ thống tường kè bằng đá hộc xung quanh bãi thải (kích thước tường kè 70mx 0,3mx2m). Khi mưa thì lượng nước mưa chảy tràn qua bãi chứa được dẫn xuống hệ thống rãnh xung quanh bãi chứa dẫn về rãnh thu nước dọc đường vận tải chung sau đó thu về hồ chứa nước của khu mỏ.

Để tận dụng diện tích bãi thải trong quá trình khai thác, do hiện nay khối lượng đất thải chưa lớn nên bãi thải xây dựng với diện tích 200 m² và mở rộng diện tích trong quá trình khai thác tại các năm tiếp theo.

(10). Công tác thoát nước mỏ

Mỏ sử dụng phương pháp khai thác lộ thiên hoàn toàn, trình tự khai thác từ trên xuống, không hình thành lòng moong. Cốt cao đáy mỏ ở mức +10 m cao hơn mức xâm

thực địa phương do vậy mỏ được thoát nước theo phương pháp tự chảy.

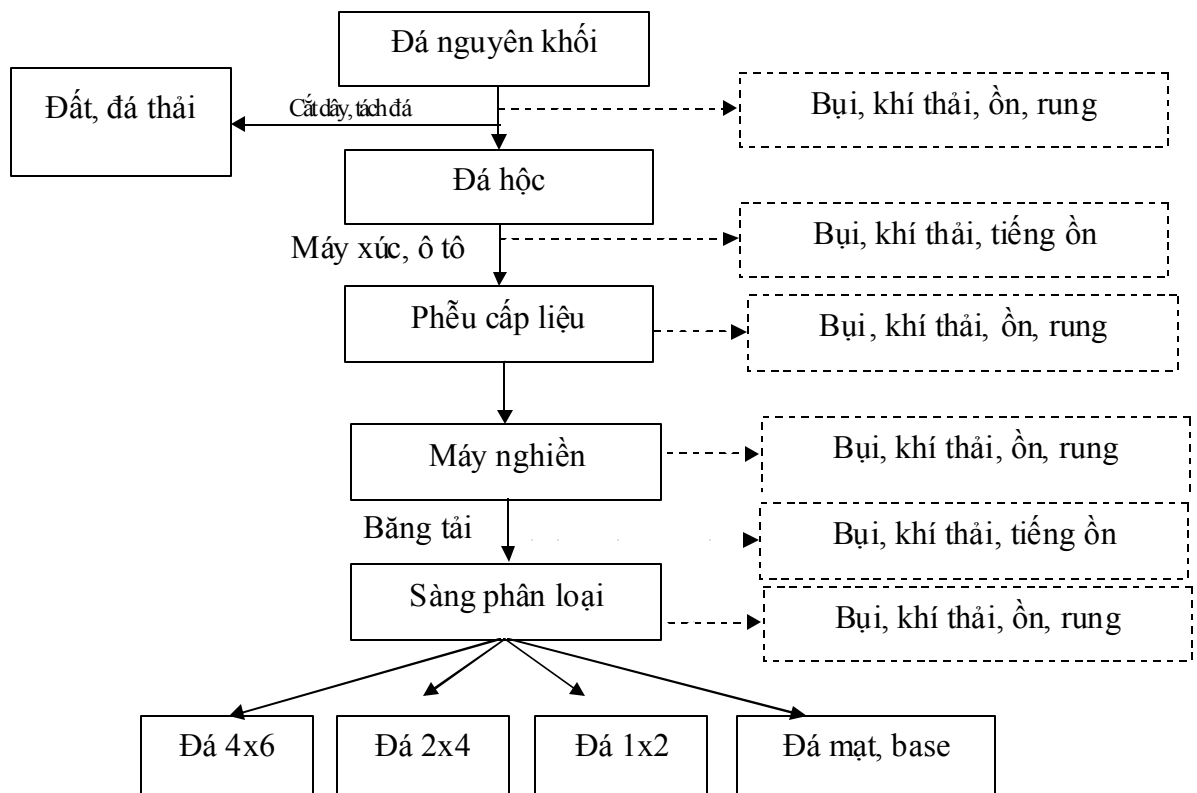
Các công trình thoát nước chủ yếu là các rãnh và mương thoát nước sao cho lượng nước chảy không quá lớn để tránh gây ra xói lở.

1.3.2.2. Công nghệ chế biến đá

Sau quá trình khai thác đá, sẽ thu được đá nguyên khối, đá nguyên khối sẽ được phân loại sau khi khai thác, với những khối có độ đồng đặc cao, không nứt nẻ (thường chiếm tỷ lệ thấp) sẽ được dùng để sản xuất đá xẻ; các loại đá có chất lượng không đảm bảo (đá học) được chế biến thành đá VLXD.

a. Công nghệ chế biến đá VLXD:

- Sơ đồ công nghệ chế biến đá VLXD



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ công nghệ chế biến đá xây dựng

- Thuyết minh sơ đồ:

Đá nguyên khối sau khi khai thác được phân loại, xúc bốc, vận chuyển về trạm nghiền sàng để chế biến đá xây dựng. Tại đây sẽ tổ chức phân bổ thành đá học sau đó được chuyển đến tổ hợp nghiền sàng để sản xuất ra các loại đá 4x6, đá 1x2, đá 0,5x1 đồng thời kết hợp với đất đá thải làm đá base.

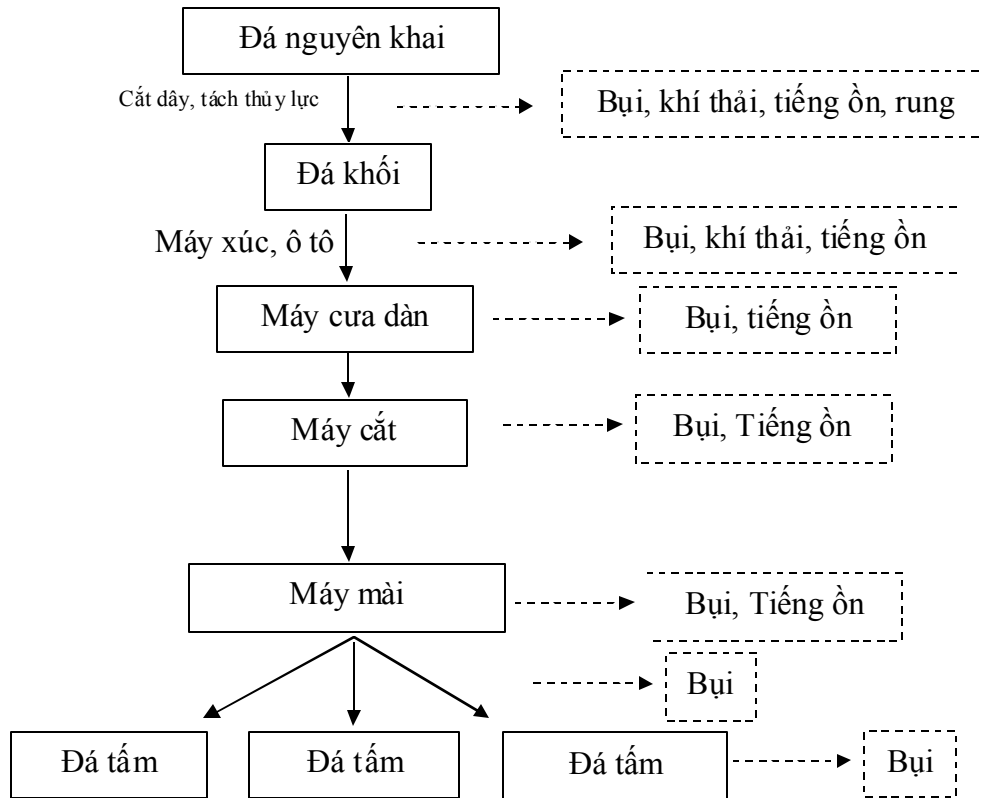
Đá từ phễu cấp liệu rung chuyển vào máy nghiền kẹp hàm nghiền thô theo tốc độ bình quân, tiếp đó vật liệu đá bằng băng tải cao su vận chuyển đến máy nghiền tác động nghiền một lần nữa, sau khi nghiền mịn sẽ từ băng tải cao su chuyển vào sàng rung, sàng phân loại ra các cỡ đá khác nhau, để phù hợp yêu cầu cỡ hạt, sau khi sản xuất

thành phẩm thì băng tải cao su chuyển đến đồng vật liệu thành phẩm; nếu chưa đạt yêu cầu thì băng tải cao su sẽ chuyển đến máy nghiền tác động nghiền lại, như vậy trở thành một tuần hoàn mạch kín nhiều lần.

Cơ cấu sản phẩm các loại đá phụ thuộc theo nhu cầu của thị trường và các cơ sở khác trong khu vực;

b. Công nghệ sản xuất đá ốp lát:

- Sơ đồ công nghệ



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ công nghệ chế biến đá ốp lát

- Thuyết minh sơ đồ:

Sau khi khai thác, những khối đá có kích thước lớn sẽ dùng máy ủi, tời kéo tập trung vào khu vực riêng. Tại đây đá được phân loại, kiểm tra kích thước, các khối có thể dùng ngay sẽ được chuyển về xưởng chế biến đá xẻ của Công ty.

Trước khi đưa vào dây chuyền xẻ được chọn chiều xẻ thích hợp để có thể lấy sản phẩm theo yêu cầu hiệu quả nhất. Sau đó đá khối được máy cưa dàn bở thành từng tấm với kích thước thành phẩm theo yêu cầu. Sau đó được cắt cạnh và mài nhẵn (qua công đoạn mài nhẵn thô và mài nhẵn tinh), nhập kho xuất bán.

Bìai thải loại phát sinh trong công đoạn xẻ đá khối, được tận dụng chuyển sang dây chuyền nghiền sàng để sản xuất đá vật liệu xây dựng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

- 15.000m³/năm (đá khối)
- + Đá làm VLXD thông thường chiếm 93% tương đương: 13.950m³/năm.
- + Đá khối tận thu làm đá ốp lát chiếm 7% tương đương 1.050m³/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu về sử dụng nước

a. Nước cấp cho sinh hoạt

+ Công nhân làm việc 8 giờ/ngày, số lượng cán bộ, công nhân theo báo cáo của chủ cơ sở thời điểm lớn nhất là 35 người, chủ yếu là người địa phương, sinh hoạt tại gia đình sau mỗi buổi làm việc và không ở lại mỏ (chỉ có 01 người bảo vệ ở lại mỏ) nên nhu cầu cấp nước thực tế cho sinh hoạt của cơ sở như sau:

Bảng 1.4: Lượng nước cấp cho sinh hoạt của cơ sở

Đối tượng sử dụng	Định mức sử dụng	Quy mô tính toán	Khối lượng (m ³ /ngày)
Cán bộ công nhân viên			
- Ở lại thường xuyên	100 lít	01	0,1
- Không ở lại thường xuyên	50 lít	35	1,75
Cộng			1,85

(Nguồn: Theo thực tế sử dụng)

- + Nguồn cung cấp: Nước cấp cho sinh hoạt lấy từ giếng khoan tại mỏ.

b. Nước cấp cho sản xuất

Sản phẩm của Công ty bao gồm: Đá vật liệu xây dựng thông thường (đá hộc, đá 4x6; đá 2x4; đá 1x2; đá 1x0,5; đá bẫy; đá mặt, đá xẻ, đá lát); nên nước phục vụ sản xuất bao gồm: nước phun chống bụi tại khu vực sản xuất, dây chuyền nghiền sàng, dây chuyền cắt, xẻ đá và làm ẩm đường. Nguồn nước được lấy từ giếng khoan trong khuôn viên Công ty và ao lắng tại mỏ.

- + Nước cho hoạt động phun nước chống bụi: Nước sử dụng cho hoạt động phun nước chống bụi tại khu vực nghiền sàng với lượng nước khoảng 3 m³/ ngày.

- + Nước cho khu chế biến đá:

Nước cấp cho hoạt động xẻ đá được cấp liên tục trong thời gian làm việc. Theo thống kê thực tế sản xuất của cơ sở thì lượng nước cấp cho hoạt động xẻ đá là khoảng 20 m³/ngày. Tuy nhiên trong quá trình chế biến đá hầu hết nước được tuần hoàn tái sử dụng. Hàng ngày, chỉ bổ sung lượng nước hao hụt khoảng 20% = 4 m³/ngày.

- + Nước cho tưới cây, tưới đường: 1 m³;

- Nhu cầu nước cho PCCC: 108 m³;

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước cấp thường xuyên tại Công ty (không tính nước

cứu hỏa) là: $1,85 \text{ m}^3 + 3 \text{ m}^3 + 4 \text{ m}^3 + 1 \text{ m}^3 = 9,85 \text{ m}^3$.

1.4.2. Nhu cầu về sử dụng điện

Bao gồm điện năng cho thắp sáng, điện văn phòng, kho bãi, bảo vệ, bơm cấp nước, dây chuyền sản xuất đá VLXD và đá xẻ, lượng điện năng là 870 KWh/ngày (theo báo cáo của chủ cơ sở).

- Nguồn cung cấp: Được lấy từ mạng lưới điện quốc gia trên địa bàn xã Yên Lâm về trạm biến áp 450 KVA của mỏ. Sau đó, theo mạng lưới điện nội bộ của mỏ phân phối điện về khu văn phòng, khu xưởng chế biến....

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu và hóa chất

a. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu và hóa chất

Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu và hóa chất được tổng hợp trong bảng 1.6.

Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất cho cơ sở

TT	Danh mục	Đơn vị	Nhu cầu/tháng
5	Xăng	lít	700
6	Dầu thủy lực + dầu mỡ bôi trơn	kg	300
7	Dầu Diesel	kg	150
8	Vật liệu khác		400

(Nguồn: Theo thực tế sử dụng)

b. Nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu và hóa chất cho cơ sở

Nguồn cung cấp nguyên, nhiên liệu, vật tư và dầu mỡ bôi trơn cho các thiết bị mỏ hoạt động được lấy từ các nguồn cung cấp trên địa bàn tỉnh.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Tóm tắt về quá trình hoạt động của khu mỏ

Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp phép khai thác cho Xí nghiệp Tự Lập (nay là Công ty TNHH Tự Lập) từ năm 2014 theo Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014; Diện tích 23.144,3m², thời hạn khai thác 19 năm 6 tháng. Theo báo cáo của đơn vị, sau khi được UBND tỉnh cấp phép, đơn vị đã hoàn thiện các thủ tục liên quan và tổ chức khai thác theo quy định. Do hoạt động trên nhiều lĩnh vực, không còn nhu cầu khai thác tại mỏ, nên đơn vị đã ký hợp đồng mua bán tài sản số 01/2018/HĐMBTS/NG-TL ngày 20/8/2018 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 01/HĐKT-KTKS ngày 03/01/2019 để chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và hạ tầng đã đầu tư của Dự án cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang.

Tại thời điểm ký hợp đồng mua bán, Công ty TNHH Tự Lập đã đầu tư xây dựng cơ bản và đưa mỏ vào hoạt động; vị trí mong đang khai thác từ điểm mốc số 6 đến số

7 thuộc địa bàn xã Yên Lâm; đã cắm mốc giới mỏ, san lấp mặt bằng khai trường, làm đường lên núi, xây dựng nhà điều hành, nhà ăn, nhà bếp, trạm điện....

Sau khi được chấp thuận chủ trương chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang đã tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định và được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang đã ký Hợp đồng thuê đất số 163/HĐTD ngày 30/7/2019 với Sở TN&MT và được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 635365 cấp ngày 16/12/2019

Thực hiện Luật BVMT năm 2020, Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang lập báo cáo đề xuất cấp GPMT đối với cơ sở đang hoạt động trình UBND phê duyệt.

1.5.2. Vốn đầu tư của cơ sở

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là: 13,7 đồng (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8801002716 chứng nhận lần đầu ngày 31/10/2019; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 24/02/2022).

1.5.3. Hiện trạng khu mỏ

- Về tài nguyên khoáng sản: Trong những năm trước đây, mỏ đã được Công ty TNHH Tự Lập khai thác một phần trữ lượng, sau khi bàn giao lại cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang tiếp tục khai thác từ năm 2019. Tuy nhiên chỉ khai thác ở quy mô nhỏ lẻ trữ lượng khai thác không lớn. Trữ lượng tại mỏ đá vôi làm VLXD TT tại núi Chùa, TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, khu vực xin cấp phép khai thác, theo Giấy phép khai thác số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang thì trữ lượng khoáng sản tại mỏ như sau:

+ Trữ lượng địa chất là 332.356 m³ đá vôi làm VLXD thông thường, trong đó 23.265 m³ đá khối để xẻ;

+ Trữ lượng được khai thác: 225.000m³ đá vôi làm VLXD thông thường, trong đó có 15.750m³ đá khối để xẻ.

Diện tích khai khu vực thác 16.664,3m²; mức sâu khai thác đến cos +23 m. Thời hạn khai thác đến hết ngày 25/6/2034.

- Hiện trạng các công trình xây dựng: Các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên đã được xây dựng gồm: xây dựng nhà điều hành, nhà ăn, nhà bếp, trạm điện.... các công trình này đều được xây dựng bởi Công ty TNHH Tự Lập, sau khi bàn giao mỏ cho, do các công trình còn tốt nên trong giai đoạn khai thác sau, Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang vẫn tiếp tục sử dụng các công trình này để phục vụ khai thác đủ đáp ứng được cho đến hết cơ sở và xây dựng mới một số công trình phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến đá của Công ty.

- Về giao thông: Hệ thống giao thông được nối liền với đường liên xã thuận lợi cho việc tổ chức đầu tư xây dựng công trình, bố trí mặt bằng mỏ và công tác khai thác, chế biến khoáng sản.

+ Đường giao thông nội mỏ đã được xây dựng.

+ Đường giao thông ngoài mỏ là đường cấp phối, bề rộng mặt đường 5-6 m nên việc vận chuyển sản phẩm từ mỏ đi tiêu thụ rất thuận lợi.

+ Đường vào mỏ là đường cấp phối có rải đá, xe tải trọng 15 tấn có thể đi lại vào các mùa dễ dàng.

+ Tuyến đường liên xã đến trung tâm UBND xã Yên Lâm là đường nhựa chất lượng khá tốt.

+ Tuyến đường từ UBND xã Yên Lâm theo quốc lộ 45 về thành Phố Thanh Hóa đã được trải nhựa chất lượng tốt.

- Về đất đai: Khu vực mỏ đã được Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang đã ký Hợp đồng thuê đất số 163/HĐTĐ ngày 30/7/2019 với Sở TN&MT và được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 635365 cấp ngày 16/12/2019

- Tình hình dân cư: Trong khu vực không có dân cư sinh sống, khu dân cư gần nhất cách cơ sở khoảng 700 m về phía Tây Nam. Dân cư trong vùng chủ yếu là người kinh có trình độ dân trí cao, trật tự an ninh tốt, lực lượng lao động dồi dào.

- Về sông suối: Khu vực khai thác không có sông suối chảy qua, tại chân núi và trên sườn núi tồn tại một số rãnh cạn dạng mương xói, các khe cạn này hầu như không có nước chảy thường xuyên mà đóng vai trò thoát nước cho mỏ khi có mưa.

- Cấp điện: Tại khu vực thực hiện cơ sở đã có mạng lưới cấp điện đầy đủ, đã có trạm biến áp 450 KVA.

- Cấp nước: Cấp nước sinh hoạt khu vực hiện nay là nước giếng đào và nước mưa. Trong khu vực hiện chưa có mạng lưới cấp nước sạch.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực khá phát triển, phủ sóng di động đến trung tâm các xã và khu vực khai thác mỏ.

1.5.4. Về hiện trạng khai thác và sản xuất tại mỏ

a. Lao động làm việc tại mỏ

Hiện tại, tổng số lượng lao động tại mỏ là 36 người, làm việc theo ca (8h/ngày). Có 01 bảo vệ ở lại trông coi mỏ vào ban đêm.

b. Các công trình đã xây dựng

Các công trình đã xây dựng tại mỏ được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.5. Hiện trạng các công trình tại mỏ

STT	Công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kích thước DxRx C (m)
1	Nhà điều hành	m ²	72	12x6x3,1
2	Nhà bếp + WC	m ²	60	10x6x3,1
3	Trạm biến áp	KVA	630	DT 30m ²
4	Xưởng xe	m ²	720	60x12x11,54
5	Trạm cân	Tấn	80	DT 60m ²
6	Xưởng gia công đá	m ²	224	32x7x4,5
7	Kho đá thành phẩm	m ²	360	30x12x4,5
8	Trạm nghiền	Tấn/giờ	50	DT 1000m ²
9	Hố lắng 1	m ²	110	60x5
10	Hố lắng 2	m ²	270	27x10
11	Bãi thải	m ²	315	45x7
12	Rãnh thoát nước	m	65	65x0,8x0,6
13	Đường hào vận tải	m	205	205x6

b. Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại mỏ**- Máy móc, thiết bị tại trạm nghiền đá VLXD**

- + Số lượng 1 trạm;
- + Công suất: 50 tấn/h;
- + Sơ đồ bố trí trạm nghiền công suất 50 tấn/giờ;

- Máy móc, thiết bị tại xưởng sản xuất đá xẻ

- + Máy xẻ: 2 máy;
- + Máy cắt cạnh: 8 cái;
- + Máy mài: 5 cái;

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Ngày 13/4/2022, Phó Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 450/QĐ-TTg phê duyệt “*Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” đề ra các định hướng toàn diện, tổng thể về bảo vệ môi trường (BVMT) của đất nước. Trong thời gian qua, công tác BVMT đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nhận thức về BVMT đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, BVMT ngày càng được coi trọng, thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Môi trường được coi là yếu tố nền tảng, điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, xã hội bền vững. Chính phủ và các địa phương kiên quyết không hy sinh môi trường vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đánh giá, phân tích sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với “*Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” như sau:

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong Chiến lược đã được ra mục tiêu đến năm 2050 như sau: “... *Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cac-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước...*”. cơ sở Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang với mục tiêu khai thác đá vôi làm vật liệu thông thường, tận thu đá khối để xẻ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2802145638 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 03 năm 2014; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26 tháng 04 năm 2014 nên xét về mặt tổng thể thì cơ sở là phù hợp với mục tiêu của Chiến lược.

- Sự phù hợp về các biện pháp bảo vệ môi trường của Chiến lược: Trong Chiến lược đã đưa ra các biện pháp tổng thể bảo vệ môi trường như sau: *Kiểm soát các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi; tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi*

khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; “Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường như phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường; chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu; chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường”. Cơ sở Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang đã đầu tư xây dựng, lắp đặt đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường bao gồm: Xử lý nước thải sinh hoạt, biện pháp ứng phó PCCC,... nên phù hợp với biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra.

2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Dự án phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 (tại số thứ tự 82 phụ lục bảng danh sách chi tiết các vị trí được quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030).

- Phù hợp với Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 7/2/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Yên Định.

Do đó Cơ sở Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang là hoàn toàn phù hợp quy hoạch của tỉnh.

Khi kết thúc khai thác, Công ty thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và hoàn trả lại mặt bằng theo đúng quy định.

Khi cơ sở đi vào hoạt động sẽ giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận lao động thường xuyên, trong đó ưu tiên tuyển lao động tại địa phương, từ đó góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp ở địa phương, người dân có công ăn việc làm ổn định, tăng nguồn thu nhập cho người dân trong vùng và các khu vực lân cận.

Mỏ đá nằm tại khu vực đồi núi, không có công trình văn hóa, di tích lịch sử. Trong diện tích cơ sở không có dân cư sinh sống, cách xa khu dân cư, xa các công trình công nghiệp, dân dụng. Xung quanh khu vực cơ sở chủ yếu là các núi đá vôi đã cấp phép cho các tổ chức khai thác chế biến khoáng sản, đất đồi núi chưa sử dụng và một số ít đất trồng cây nông nghiệp hàng năm và lâu năm của người dân. Trong diện tích khu vực cơ sở không có dân cư sinh sống, khu dân cư gần nhất cách ranh giới khu vực

cơ sở 423 m. Do đó, vị trí cơ sở cũng như loại hình ngành nghề đầu tư phù hợp với danh mục được phép đầu tư cũng như địa điểm đầu tư cơ sở xây dựng.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định tại điểm a, d, khoản 3 điều 8 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại điểm e, khoản 1 điều 42 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020. Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, tỉnh Thanh Hóa chưa ban hành khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải của dự án. Do vậy, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở chưa đề cập đến nội dung này.

Mặt khác, Cơ sở Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại TT Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang là loại hình sản xuất đá và các sản phẩm khác từ đá.

Trong quá trình hoạt động tại mỏ sẽ phát sinh lượng bụi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn ra môi trường tiếp nhận chất thải.

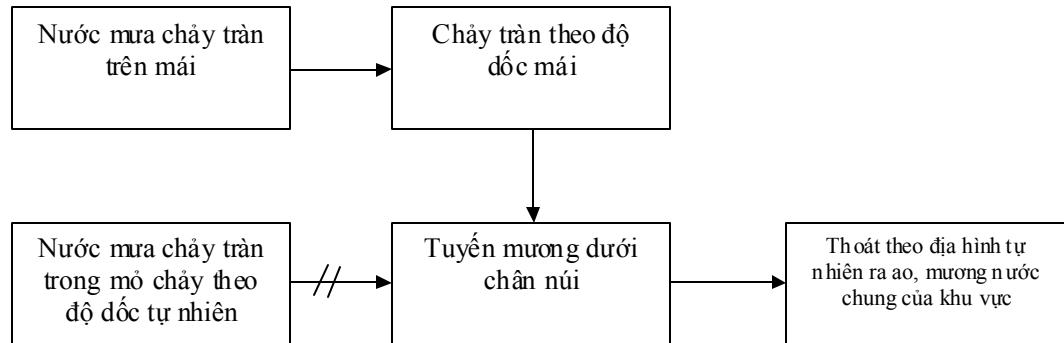
Tuy nhiên, lưu lượng phát sinh của bụi, nước thải, chất thải rắn không lớn và được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường nhằm giảm thiểu các tác động đến môi trường và hệ sinh thái; Do vậy môi trường tiếp nhận chất thải hoàn toàn có khả năng tiếp nhận chất thải (kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành).

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở như sau:



Do độ cao và mặt bằng của công trường khai thác đá thay đổi liên tục nên chủ đầu tư áp dụng hệ thống thoát nước tự chảy xuống phía dưới chân núi. Từ đây, chảy qua mặt bằng sân công nghiệp ra mương thoát nước chung của khu vực.

b. Hướng thoát nước và điểm xả

- Nước mưa được thoát theo hướng dồn về phía ao cá (gần khu bể lắng nước xả đá) và các bể lắng, khi đầy sẽ chảy tràn ra mương tiêu thoát nước của khu vực.

- Số lượng điểm thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn theo địa hình và độ dốc tự nhiên nên không xác định số lượng điểm thoát.

- Hình thức: tự chảy

1.2. Thu gom, thoát nước thải.

1.2.1. Lưu lượng và các loại nước thải phát sinh tại nhà máy

a. Lưu lượng phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở có lưu lượng là $1,85\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (bằng 100% lượng nước cấp). Bao gồm:

+ Nước rửa tay chân (chiếm 40%): $0,74\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Nước dội nhà vệ sinh (30%): $0,555\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn (30%): $0,555\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nước thải sản xuất:

+ Tại trạm nghiền sàng, lưu lượng nước sử dụng rất nhỏ và sử dụng dưới dạng phun sương, toàn bộ lượng nước được hấp thụ hoàn toàn trên bề mặt đá. Do đó hầu như không phát sinh nước thải;

+ Nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải từ khu vực xẻ đá, lưu lượng nước cấp cho hoạt động này là $20\text{m}^3/\text{ngày}$; trong đó khoảng 4m^3 bị tiêu hao do thất thoát trong quá trình sản xuất, còn lại khoảng 16m^3 thải ra ngoài. Nước thải sản xuất ($16\text{m}^3/\text{ngày}$) có thành phần chủ yếu là bột đá, không chứa các chất độc hại nên được cơ sở thực hiện các biện pháp lắng cặn để tái sử dụng lại. Do đó hầu như không phát sinh nước thải.

Như vậy, cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng $1,85\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

b. Thành phần đặc trưng của nước thải

Do đặc thù hoạt động sản xuất của mỏ không làm phát sinh nước thải sản xuất (nước thải từ xưởng xẻ đá được tái sử dụng hoàn toàn) nước thải phát sinh tại mỏ trong quá trình hoạt động là nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay chân, nấu ăn, sử dụng nhà vệ sinh của lao động làm việc tại mỏ. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là $1,85\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, trong đó:

+ Nước thải rửa tay chân: $0,74\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Đặc trưng của nguồn nước thải này chứa nhiều chất hoạt động bề mặt, chất rắn lơ lửng và các hợp chất hữu cơ khác. Ảnh hưởng lớn nhất do nguồn thải này gây ra là sự có mặt của các chất hoạt động bề mặt làm ức chế hoạt động có lợi của vi sinh vật trong môi trường nước, giảm khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận.

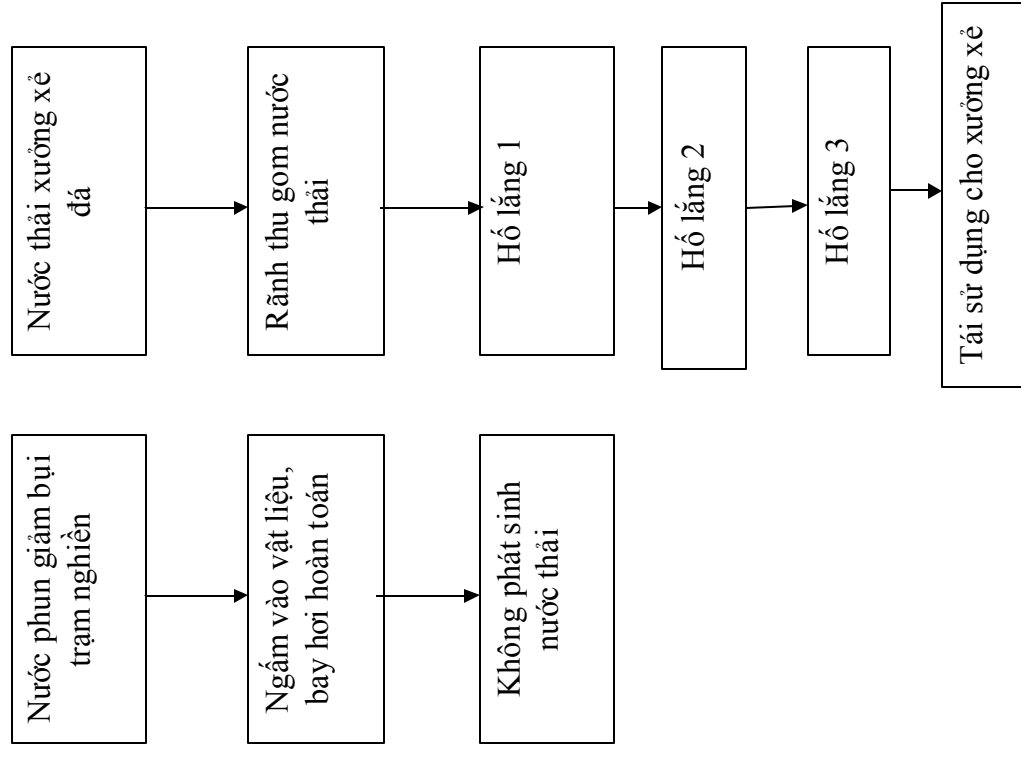
+ Nước thải nhà vệ sinh: $0,555\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (hồ tiêu, hố tiêu). Nước thải này có chứa nhiều chất dinh dưỡng, hàm lượng BOD, hàm lượng Nitơ, chất hữu cơ cao.

+ Nước thải nhà ăn: $0,555\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải nhà ăn, nhà bếp chủ yếu chứa nhiều dầu mỡ. Do hoạt động nấu nướng và vệ sinh các dụng cụ nhà bếp và khu vực nấu. Ngoài ra, trong nước thải nhà ăn còn chứa nhiều chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng như Nitơ, photpho

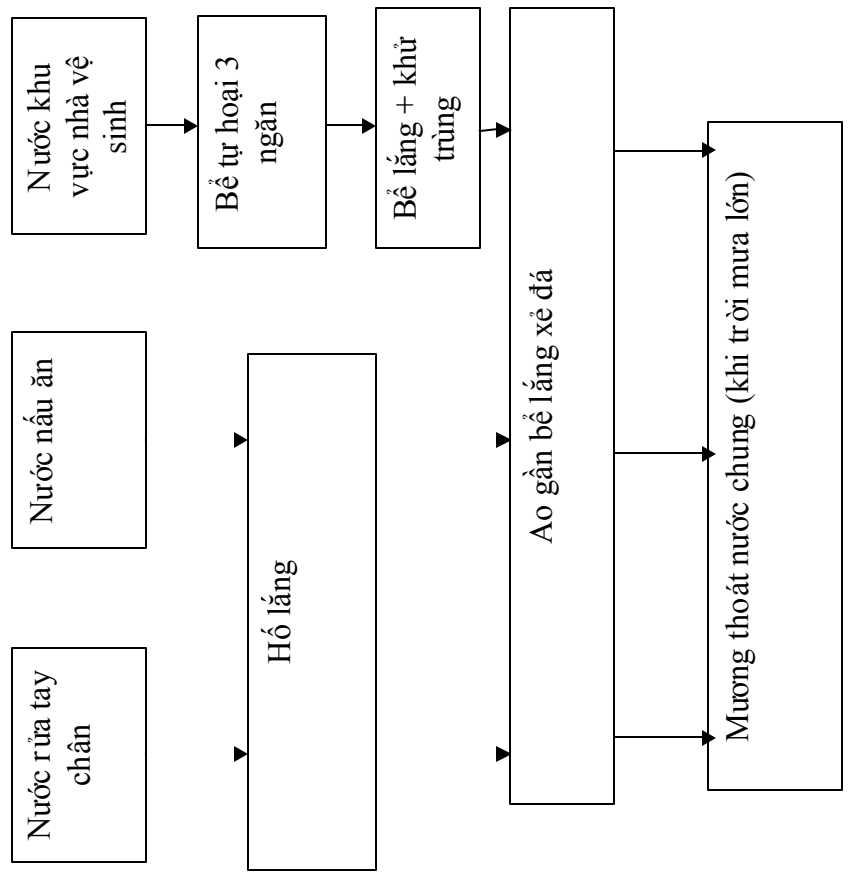
1.2.2. Công trình thu gom và thoát nước:

a. Sơ đồ thu gom nước thải

Đối với nước thải sản xuất



Đối với nước thải sinh hoạt



b. Thuyết minh sơ đồ

Có 2 tuyến thu gom nước thải:

+ Tuyến thu gom số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành ((gồm: nước rửa tay, xử lý sơ bộ qua song chắn rác và nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn) → đường ống uPVC D90→ ao gần bể lắng khu xẻ đá → khi trời mưa lớn quá sức chứa của ao sẽ thoát ra môi trường (mương thoát nước chung của khu vực).

+ Tuyến thu gom số 02: Nước thải sản xuất từ khu vực xưởng xẻ đá → rãnh thu gom→ Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể lắng 3 → Tái sử dụng. Bột đá lắng tại các hố lắng được định kỳ được nạo vét 1 lần/tháng, bằng máy xúc hoặc thủ công.

Bảng 3.1: Bảng thông kê thông số kỹ thuật và chiều dài tuyến thu gom nước thải

TT	Hạng mục	Chiều dài (m)	Chức năng
1	Khu nhà điều hành		
-	Ống thoát nước thải sinh hoạt uPVC D90	50	Thu gom nước thải từ công trình nhà vệ sinh ra suối phía Đông
2	Khu sản xuất		
-	Rãnh thoát nước rộng 80cm, sâu 60cm	65m	Thu gom nước thải từ xưởng xẻ về hố lắng

c. Công trình thoát nước thải và điểm xả

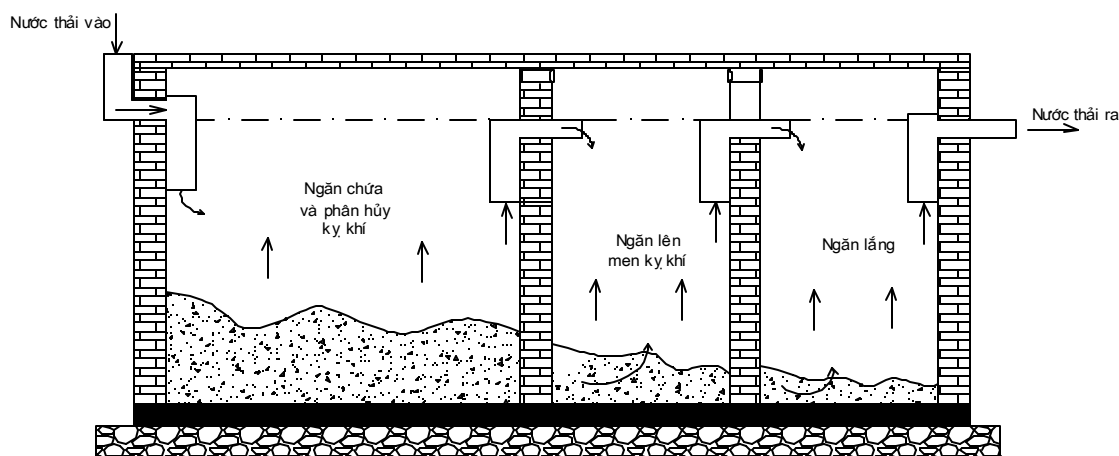
Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn được thoát vào ao gần mỏ, khi mưa lớn ao tràn ra mương thoát nước chung của khu vực.

Vị trí điểm xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° , múi chiều 3°): X = 2217 357; Y = 555 115

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt

1.3.1.1. Công trình bể tự hoại 03 ngăn:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại là công trình thực hiện đồng thời 02 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể có vai trò làm ngăn lắng, lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa. Ngăn thứ ba là ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải. Bể tự hoại 03 ngăn cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm.

Để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh, Chủ cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn ở khu nhà điều hành. Đáy bể bằng bê tông cốt thép dày 220cm, vữa xi măng mác 75; tường xây bằng gạch tuynel dày 220mm, vữa xi măng mác 75; Nắp bể bằng bê tông cốt thép dày 200mm, vữa xi măng mác 150.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được dẫn qua hố lắng + khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với K=1) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

Thông số kỹ thuật công trình bể tự hoại đã xây dựng được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.2: Tổng hợp các công trình bể tự hoại đã xây dựng

STT	Vị trí	Số lượng	Dung tích (m ³ /bể)	Tổng dung tích (m ³)	Kích thước (DxRxC)
1	Khu vệ sinh mở	01	8	8	2m x 2m x 2m
Tổng		01		8	

1.3.1.2. Bể lắng

Bể lắng có tác dụng tách cặn từ quá trình xẻ đá hòa lẫn trong nước. Nước thải qua bể lắng có hàm lượng cặn giảm đến 80. Bọt đá lắng tại các hố lắng được định kỳ được nạo vét 1 lần/tháng, bằng máy xúc hoặc thủ công.

- Số lượng: 02 bể.

- Thể tích: $V1 = 650 \text{ m}^3$, kích thước $D \times R \times H \text{ (m)} = 65\text{m} \times 5\text{m} \times 2\text{m}$; $V2 = 540 \text{ m}^3$, kích thước $D \times R \times H \text{ (m)} = 27\text{m} \times 10\text{m} \times 2\text{m}$

- Vị trí: Khu vực xưởng xẻ đá

Bảng 3.3: Tổng hợp các công trình bể lắng đã xây dựng

STT	Vị trí	Tổng dung tích (m ³)	Kích thước (DxRxH)
	Khu xưởng xẻ		
1	Bể lắng 1	650	65m x 5m x 2m
2	Bể lắng 2	540	27m x 10m x 2m
Tổng		1.190	

1.3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là từ các hoạt động khai thác đá, chế biến đá (hoạt động nghiền sàng, xẻ đá). Do vậy các công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải được áp dụng tại cơ sở như sau:

a. Xử lý bụi tại công đoạn khai thác đá

- Công ty thay thế phương án khai thác nổ mìn bằng cắt dây. Việc khai thác đá bằng máy cắt kim cương, máy tách thủy lực và máy đào không gây ra tình trạng khói bụi nên rất thân thiện với môi trường. Đồng thời, việc không gây những tác động mạnh đến đất đá, cũng giúp hạn chế tình trạng sạt lở, sụt lún ảnh hưởng nhiều tới môi trường và cuộc sống con người.

- Trang bị bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay... cho công nhân lao động. Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động để đảm bảo sức khỏe trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ cho công nhân vận hành như quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, găng tay, mũ nhựa cứng, kính bảo hộ lao động...

b. Xử lý bụi tại khu vực nghiền sàng

Bụi phát sinh từ công đoạn đập nghiền chủ yếu là các hạt có kích thước lớn, dễ

lắng đọng, khả năng phát tán ra ngoài môi trường là không cao. Để hạn chế ảnh hưởng của loại bụi này đến môi trường xung quanh chủ dự án đã bố trí tại khu vực nghiền sàng hệ thống phun sương dập bụi.

❖ **Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý**

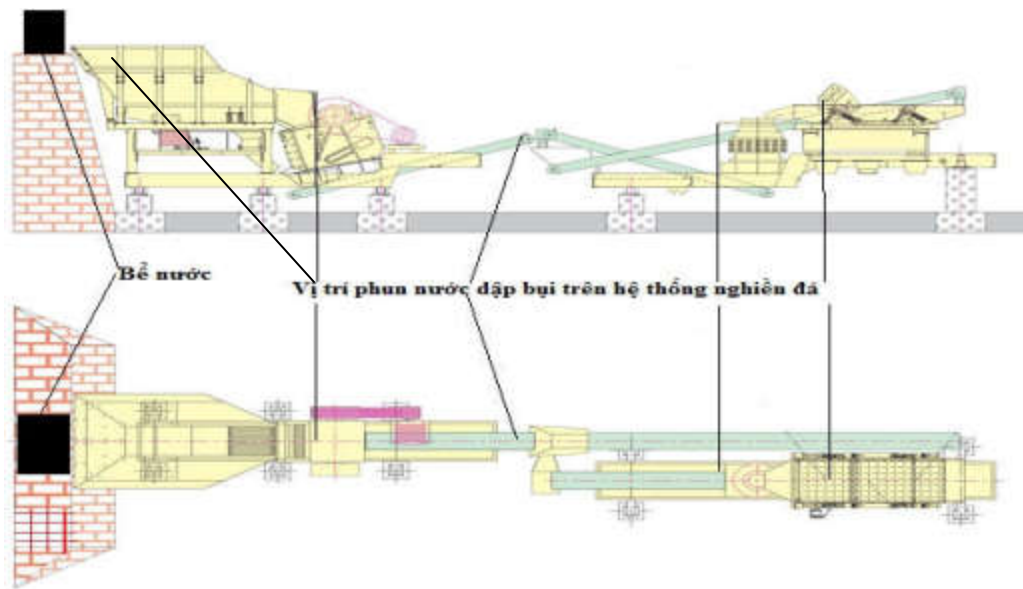
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi tại khu vực nghiền sàng

TT	Thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Máy bơm	02	- Công suất máy: 1HP/380V/50Hz; - Lưu lượng: 9m ³ /h; - Thời gian thi công xây dựng: năm 2014; - Đơn vị tự thi công lắp đặt;
2	Bể chứa nước	01	- Kích thước: BxLxH = 1,5x1x1,5m - Vật liệu: Tường gạch, BTCT - Hình dáng: Hình chữ nhật - Thời gian thi công xây dựng: năm 2014; - Đơn vị tự thi công xây dựng;
3	Giàn phun sương	02	- Kích thước: xL = 30mm×20m - Vật liệu: composit - Màu sắc: Da cam - Lỗ phun sương: 4 lỗ phun - Thời gian thi công xây dựng: năm 2014; - Đơn vị tự thi công lắp đặt;

❖ **Nguyên lý hoạt động**

- Nước phun sương dập bụi tại khu vực nghiền sàng được khai thác từ nước giếng khoan tại mỏ. Nước được bơm bằng máy bơm 1HP/380V/50Hz có công suất 3kw lên hệ thống bể chứa có kích thước: 1,5mx1mx1,5m để chứa. Máy bơm cấp nước hoạt động theo tín hiệu của phao báo mức đặt trong bể chứa nước, tự động bơm nước khi phao báo cạn và tự động ngắt khi phao báo mức đầy. Hệ thống cầu dao của hệ thống phun sương dập bụi được đấu nối trực tiếp cầu dao của máy nghiền sàng đồng nghĩa khi máy nghiền sàng hoạt động hệ thống phun sương dập bụi sẽ hoạt động (thông thường tần suất phun nước giảm bụi khoảng 8h/ngày). Nước tại bể chứa nước sẽ theo đường ống composit có kích thước dài x đường kính= 20m x 30mm được lắp chạy dọc theo thân máy phun trực tiếp nước lên các vị trí phê tiếp liệu, kẹp hàm, búa, băng tải thành phẩm, đầu rót sản phẩm (được thể hiện cụ thể trên hình vẽ) nhằm giảm thiểu bụi tại nguồn phát sinh. Tại vị trí phun dập bụi sẽ sử dụng ống phun nước áp lực cao, kích thước lỗ phun nhỏ, nước thoát ra ngoài dạng sương;

- Lưu lượng phun Q= 10 - 15 l/h; Cột áp P = 2-2,5atm). Lưu lượng nước sử dụng: 80-120l/ngày.



Hình 3.1. Hệ thống phun sương dập bụi tại khu vực nghiền sàng

Nguồn nước: Được lấy từ nước giếng tại khu vực mỏ.

c. Các công trình xây lắp khác nhằm xử lý bụi, khí thải tại khu vực mỏ

- **Trồng cây xanh:** Công ty đã trồng các loại cây xanh như: keo, cây cảnh dọc tuyến đường vận chuyển nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm thiểu sự phát tán bụi và khí thải ra môi trường xung quanh.

- Trang bị thiết bị bảo hộ cho công nhân khu mỏ

Mỗi công nhân vào làm việc tại khu vực mỏ sẽ được phát đồng phục lao động bao gồm: Khẩu trang chống bụi 3 lớp, mũ nhựa cứng, kính bảo hộ lao động, quần áo, găng tay vải...

Số lượng, chủng loại các trang thiết bị bảo hộ cho 1 lao động thể hiện bảng sau:

Bảng 3.5. Nhu cầu trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân

TT	Tên thiết bị bảo hộ	Số lượng
1	Quần áo bảo hộ lao động	2bộ/người/năm
2	Giày vải	2 đôi/ người/năm
3	Găng tay vải	8 đôi/ người/năm
4	Khẩu trang chống bụi	12 cái/ người/năm
5	Nút tai chống ồn	2 bộ/ người/năm
6	Mũ cứng	2 cái/ người/năm
7	Kính bảo hộ	2 cái/ người/năm
8	Các loại dây an toàn	2 dây/ người/năm

- Nâng cấp tuyến đường nội mở:

Đá thải trong quá trình khai thác và chế biến hàng năm đều được chủ đầu tư tận dụng để gia cố các tuyến đường giao thông nội mỏ đảm bảo chất lượng cho các tuyến đường giao thông. Việc phát sinh bụi phụ thuộc rất lớn vào chất lượng đường. Hoạt động đầm nén, khắc phục ổ gà, ổ voi, giảm sự xuất hiện ổ gà, ổ voi trên đường không những làm giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh do xe vận chuyển mà còn tiết kiệm nhiên liệu cho xe vận chuyển, đảm bảo chất lượng phương tiện. Hiện tại phần lớn tuyến đường nội mỏ đã được công ty nâng cấp cải tạo làm đường cấp phối, đường bê tông; thường xuyên phun nước để làm ẩm tuyến đường để giảm thiểu bụi trong quá trình lưu thông, vận chuyển.

- Tuyên truyền giải pháp an toàn lao động, bảo vệ môi trường, áp dụng nội quy bảo vệ môi trường trong khu vực mỏ

Công ty đề ra các bảng nội quy về an toàn lao động, an toàn trong quá trình làm việc trên cao, nội quy bảo vệ môi trường tại các khu vực sản xuất, khu văn phòng, các khu vực thường xuyên xảy ra tai nạn lao động cụ thể:

- Lập và niêm yết các bảng nội quy, quy trình vận hành máy móc đặt tại khu vực trạm nghiền sàng, trạm trộn bê tông;

- Lập và niêm yết các bảng nội quy an toàn lao động tại khu vực sản xuất, khu vực khai thác, khu vực chế biến....

- Lập và niêm yết các nội quy bảo vệ môi trường tại khu mỏ như:

+ Xe chở sản phẩm ra khỏi khu vực cơ sở phải có bạt phủ kín, chở đúng trọng tải, không chở nguyên liệu vượt quá thành xe.

+ Nhân viên lái xe chở vật liệu ra khỏi khu vực cơ sở thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng xe và máy móc thiết bị, định kỳ đưa phương tiện tới khu vực gara sửa chữa mà công ty đã ký hợp đồng để duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng phương tiện vận chuyển.

+ Tổ chức thu gom rác thải liên tục không để lưu trữ trong các phòng làm việc và sinh hoạt của công nhân (1 ngày/lần).

+ Khai thông cống rãnh nhằm làm tăng khả năng thoát nước nhanh, giảm khả năng phân huỷ chất hữu cơ có trong nước thải trong thời gian lưu trữ trong cống thoát. Tần suất thực hiện: 2 tháng/1 lần.

+ Thực hiện đúng quy định kỹ thuật về vệ sinh ăn uống và trong lao động tại khu vực mỏ.

+ Tham gia đầy đủ buổi khám sức khỏe định kỳ do công ty tổ chức....

Công ty đã hợp đồng với Hợp tác xã Dịch vụ môi trường Yên Lâm thực hiện các công việc:

- Thu gom rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường Làng Nghề và tưới nước giảm bụi trên các trục chính Làng Nghề và tỉnh lộ 518 đoạn qua địa bàn thị trấn Yên

Lâm giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

+ Tiến hành thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh 05 lần/tháng; thực hiện việc phát dọn hàng lang các trục đường 01 tháng/lần; đồng thời thường xuyên kiểm tra không cho các doanh nghiệp lấn chiếm và đổ đất, đá thải, rác thải ra ngoài hàng lang đường giao thông.

+ Tiến hành tưới nước giảm bụi trục đường tỉnh lộ 518C từ Ngã ba Bưu điện đến ngã tư Làng Nghè đá; từ ngã ba cây xăng Thẩm bình đi các trục đường chính Làng nghề đá; đường tỉnh lộ 518 qua địa bàn thị trấn Yên Lâm; trục đường đôi trung tâm thị trấn, trục đường từ ngã ba Phong Mỹ đến ngã ba ông Đền, thực hiện tưới nước 02 lần/ngày vào các ngày thời tiết nắng, khô hanh để giảm bụi.

2.5. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với rác thải từ khu vực nhà điều hành: Công ty trang bị 2 thùng rác có thể tích 5 lít, có nắp đậy để thu gom rác;

- Đối với rác thải tại khu nhà ăn: Tại mỗi bàn ăn của công nhân công ty trang bị 01 sọt rác bằng nhựa có thể tích khoảng 5 lít để thu gom rác;

- Đối với rác thải từ nhà bếp: được thu gom vào xô nhựa 50 lít có nắp đậy để thu gom rác thải từ quá trình chế biến thức ăn;

Khu vực lưu chứa trong nhà: Không có (chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa, sau đó định kỳ 03 ngày/lần đơn vị thu gom vào vận chuyển đi xử lý).

b. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do CTR từ quá trình khai thác

- Lượng đất thải từ quá trình bóc tầng phủ và đất đá thải từ quá trình chế biến sẽ được thu gom, vận chuyển về bãi thải sau đó sẽ phối trộn với đá bẫy sử dụng để san lấp mặt bằng cho các công trình xây dựng của công ty và tại khu vực.

+ Lượng đất đá thải chỉ lưu trữ trong thời gian ngắn chờ xuất bán; Do vậy với diện tích của bãi thải đủ để chứa chất thải rắn tạm thời trong quá trình khai thác từ 1-2 tháng.

+ Phần đất đá thải để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ công ty dự kiến sẽ để lại phần đất bóc phủ và đất xen kẹp trong 2 năm cuối để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường. Nếu phần diện tích bãi thải vượt quá khả năng chứa đất đá thải, công ty sẽ sử dụng các bãi thải tạm tại các khu vực đã khai thác dưới chân núi để đổ thải.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại được phân loại và chứa vào các thùng có nắp đậy, dán nhãn mác sau đó chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại. Cụ thể:

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 33m²; Kho chứa có mái che, nền láng xi măng, có hồ thu và gờ chống tràn chất lỏng.

+ Đối với các chất thải nguy hại dạng rắn: Chủ đầu tư thu gom vào các thùng phuy riêng có dung tích 200 lít và dán nhãn theo từng mã hiệu chất thải nguy hại theo quy định; sau đó đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

+ Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng sẽ được lưu chứa trong thùng với dung tích 200 lít có dán nhãn mã hiệu chất thải nguy hại. Khu vực lưu chứa CTNH dạng lỏng được đặt trong khu vực có gờ bao quanh.

+ Công ty đã ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh để thu gom chất thải nguy hại tại Hợp đồng số 30240024 ngày 01 tháng 03 năm 2024.

Bảng 3.6. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	4
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	17 02 04	35
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 04	40
4	Pin, Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	3
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	19 06 01	25
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác)	Rắn	18 02 01	35
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH	Rắn	18 01 03	30
Tổng				172

(Nguồn: Theo biên bản bàn giao chất thải nguy hại năm 2023 của Chủ cơ sở)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, thiết bị đã qua đăng kiểm.
- Bố trí khu vực ăn ở, nghỉ ngơi của công nhân cách xa nguồn gây ồn.
- Không hoạt động trong giờ ăn, nghỉ ngơi và giờ cao điểm.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị làm việc tại khu khai thác: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, yêu cầu các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy

định; đảm bảo máy hoạt động vận hành êm.

- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của trạm nghiền sàng, khu xưởng xe đá

+ Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương án cách ly, cách âm, thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển đúng quy định; đảm bảo máy hoạt động vận hành êm; không vận hành quá tải máy móc thiết bị; các điểm tiếp xúc giữa máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và hạn chế độ rung.

+ Không phân công người bị tổn thương thính giác, suy nhược thần kinh, bệnh tim mạch làm việc tại các khu vực có nguồn ồn cao.

- Tuân thủ: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Các biện pháp an toàn lao động

Để đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác cần tuân thủ nghiêm ngặt Quy trình, quy phạm khai thác lộ thiên; quy phạm an toàn về vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; quy phạm an toàn lao động và phòng chống cháy.

Các phương án nhằm đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe công nhân tại khu vực mỏ cần áp dụng triệt để. Các phương pháp đó là:

a. An toàn về khâu xúc bốc:

Máy xúc hoạt động phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện đúng kế hoạch các thông số kỹ thuật của hộ chiếu xúc đã được phê duyệt Trong quá trình xúc nếu gặp sự cố vướng chân, sụt lở, lầy lún... nguy hiểm cho người và thiết bị, phải báo ngay cho các phòng ban liên quan, bàn biện pháp khắc phục đảm bảo tuyệt đối an toàn.

- Trường hợp khí xúc đá vôi ngay dưới chân bờ mỏ và có chiều cao, độ dốc lớn thì chỉ được xúc trong thời gian ban ngày và phải có cảnh giới.

- Khi xúc hết ca, trong thời gian bàn giao ca phải rút máy ra cách gương xúc một khoảng $\geq 30m$.

Ngoài ra, đối với khu vực bờ mỏ bị sụt lở, cần phải có giải pháp xúc bốc thích hợp mà không thuộc trong phạm vi của dự án này.

b. An toàn về khâu vận tải:

- Xe ô tô vận tải phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật an toàn qua từng kỳ kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất của cán bộ phụ trách theo quy định của cấp trên, Nhà nước mới được phép đưa ra sử dụng. Khi hoạt động, lái xe phải tuân thủ đúng luật lệ giao thông, hướng dẫn của tài xế máy xúc về hiệu lệnh còi vị trí đỗ, nhận tải...

- Đường vận tải phải đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật theo thiết kế và theo quy phạm an toàn khai thác mỏ đã được ban hành với các loại thiết bị vận tải sử dụng.

- Hệ thống đường vận tải phải có tường phòng hộ, có cọc, biển báo ở các đoạn nguy hiểm.

e. An toàn bảo hộ lao động:

Trong quá trình khai thác, điều khiển và di chuyển các thiết bị cũng như trong việc sử dụng, vận chuyển và bảo quản vật liệu nổ phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước Việt Nam.

Đồng thời để đảm bảo an toàn chung trong khu vực cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Phải có biện pháp quan trắc bờ mỏ theo quy định kỳ trong suốt thời gian tồn tại. Những quy định cụ thể đối với công nhân:

- Khi làm việc công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định an toàn nơi làm việc.

f. An toàn lao động đối với máy móc thiết bị

Để đảm bảo an toàn đối với máy móc thiết bị trong quá trình làm việc, công nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy định sau:

- Thực hiện đúng quy trình vận hành của từng loại máy móc thiết bị
- Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa đúng kỳ và hợp lý
- Tập kết máy, thiết bị đúng vị trí quy định sau giờ làm việc
- Máy xúc có tín hiệu (còi, đèn chiếu sáng), cấm người đứng trong phạm vi làm việc của máy. Khoảng cách giữa các máy xúc gần nhau không được nhỏ hơn tổng bán kính hoạt động lớn nhất của 2 máy cộng thêm 2m.

- Không bố trí máy xúc làm việc ở tầng trên và tầng dưới trên cùng hướng đá rơi.

- Bố trí mặt bằng nghiền sàng ở cuối hướng gió và có che chắn các khu vực phát sinh bụi để không ảnh hưởng tới khu văn phòng và nhà ở của công nhân. Bố trí bộ phận phun nước thường xuyên để hạn chế bụi trong nghiền sàng.

- Thường xuyên phun nước chống bụi trên các đường vận tải của mỏ, nơi nghiền sàng.

g. Phòng chống mưa bão thiên tai

- Có kế hoạch phòng chống bão lụt trong kế hoạch sản xuất kinh doanh và các phương án cụ thể.

- Kiểm tra hệ thống kênh mương thoát nước, hệ thống trạm bơm đường ống, hệ thống điện, thông tin liên lạc.

- Phương án giải quyết sự cố xảy ra: Công tác cứu hộ người, thiết bị và các công trình kiến trúc, hệ thống cung cấp điện và thông tin liên lạc dự phòng...

i. Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC)

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực.
- Luôn có các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc và được công an PCCC tình kiểm tra thường xuyên.
- Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.
- Thành lập bộ phận chuyên trách phòng ngừa và ứng cứu sự cố cháy nổ;
- Định kỳ tập huấn và diễn tập phòng chống, ứng cứu sự cố;
- Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc trong mỏ.

k. Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ moong trong quá trình khai thác

- Khi phát hiện bề mặt moong khai thác có dấu hiệu nứt nẻ nhiều (có thể do xói mòn) nguy cơ dẫn đến sạt lở bờ thì bộ phận khai thác sẽ điều động công nhân và máy móc, thiết bị đang hoạt động dưới khai trường đến nơi an toàn. Sau đó, tổ chức đánh sập các vị trí có nguy cơ sạt lở này;

- Trường hợp đã xảy ra sự cố sạt lở bờ moong thì tổ khai thác phải dọn dẹp gọn gàng khu vực sạt lở, cạy hết các khối đất, đá nứt nẻ còn sót lại trên bề mặt moong, cũng như các khối đá treo trên vách bờ moong để tránh nguy cơ chúng rơi xuống khai trường gây nguy hiểm cho người và thiết bị;

- Công ty sẽ quan tâm đến các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ, nhằm loại bỏ các nguy cơ gây sự cố nguy hiểm bất ngờ. Thường xuyên quan sát vách moong để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn để có biện pháp phòng tránh nguy cơ trượt lở bờ moong.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng ngay mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sạt lở và tiến hành gia cố lại bờ moong bị sạt lở.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Các nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt ĐTM được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3.7: Tổng hợp các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Hạng mục	Thông số theo ĐTM, Bản cam kết được duyệt	Thông số hiện tại	Nội dung thay đổi và lý do
1	Chủ cơ sở	Xí nghiệp Tự Lập (nay là Công ty TNHH Tự Lập)	Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang	Công ty TNHH Tự Lập không còn nhu cầu tiếp tục khai thác tại mỏ và đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang để tiếp tục đầu tư khai thác.
2	Tên dự án/cơ sở	Dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	Cơ sở Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ.	Từ thực tế sản xuất, Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang đã đề nghị điều chỉnh tên dự án/cơ sở.
	Số lao động làm việc tại mỏ	29 người	36 người	Số lượng lao động của mỏ lớn hơn dự kiến ban đầu do nhu cầu thực tế của cơ sở
	Nhu cầu cấp nước và nước thải	100 lít/người/ngày	50lít/người/ngày	Số liệu thay đổi do thực tế của mỏ lượng nước mỗi người dùng chỉ từ 30-50 lít/người/ngày
	Công trình	Có kho VLNCN	Kho VLNCN không sử dụng.	Do cơ sở không sử dụng phương án khai thác bằng phương pháp nổ mìn mà thay bằng phương pháp cắt dây

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

8.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt

Căn cứ theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định của Xí nghiệp Tự Lập, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bao gồm:

- Cải tạo mặt bằng khu vực moong khai thác để trồng cỏ.
- Cải tạo mặt bằng khu vực công nghiệp, tháo dỡ các công trình phụ trợ, san gạt mặt bằng và trồng cây keo lai.
- Kè chống sạt lở phía chân núi khu vực khai trường.

Khối lượng và chi phí tạm tính như sau:

Bảng 3.8: Bảng tổng hợp phương án và kinh phí phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở

TT	Nội dung công việc	Khối lượng	Số tiền (đồng)
I	Đối với khu vực khai thác		398.841.235
1	San gạt tạo mặt bằng	5.157m ³	4.375.542
2	Xây tường kè chống sạt lở	60 m ³	37.693.40
3	Cải tạo đất	17.190m ²	147.326.155
4	Trồng cỏ khu vực khai thác	17.190m ²	209.446.398
II	Đối với khu vực khai trường (khu sản xuất, chế biến)		213.091.400
1	Chi phí san gạt mặt bằng	20.205m ²	3.666.966
2	Chi phí cải tạo đất	20.205m ²	173.166.083
3	Trồng cây xanh	20.205m ²	18.520.509
4	Chi phí tháo dỡ các công trình liên quan	-	17.737.842
III	Chi phí tháo dỡ khu vực xung quanh		93.686.610
1	Nạo vét bùn thải từ hồ lắng	11,25m ³	299.985
2	Tháo dỡ các công trình		93.386.625
IV	Chi phí hành chính		54.426.262
V	Tổng		598.688.881

(Nguồn: Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án)

8.2. Kế hoạch thực hiện

- Đơn vị thực hiện: Trong suốt quá trình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khu vực mỏ; Công ty sẽ kết hợp với các cơ quan chức năng để được hướng dẫn thực hiện, đồng thời giám sát, kiểm tra tiến độ và chất lượng công việc.

- Sau khi hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường; chủ dự án sẽ tiến hành tổ chức giám định để kiểm tra khối lượng, chất lượng công việc đã thực hiện so với nội dung đã được phê duyệt, thành phần hội đồng giám định bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Định, UBND xã Yên Lâm, Yên Tâm. Kết quả giám định sẽ được thể hiện trong biên bản xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường làm cơ sở để thực hiện thanh quyết toán khoản tiền đã ký quỹ.

- Sau khi kiểm tra và xác nhận việc hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ cơ sở sẽ tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường các công trình theo quy định và bàn giao lại cho địa phương quản lý.

8.3. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của dự án được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3.9. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Khu vực khai thác		
1	Cạy gỡ đá treo	T5/2030	T6/2030
2	San gạt đất	T5/2030	T6/2030
3	Lắp đặt biển báo	T5/2030	T6/2030
4	Bổ sung đất màu	T5/2030	T6/2030
5	Trồng cỏ gừng	T5/2030	T6/2030
II	Khu vực khai trường		
1	Di dời máy móc, thiết bị	T6/2030	T6/2030
2	Hút và khử trùng các ao lắng	T5/2030	T6/2030
3	Tháo dỡ các hạng mục công trình; vận chuyển đất đá thải	T5/2030	T6/2030
4	San gạt đất	T5/2030	T6/2030
5	Cải tạo đất	T6/2030	T6/2030
6	Bổ sung đất màu vào hố trồng cây	T5/2030	T6/2030

7	Trồng cây keo tai tượng Úc	T5/2030	T6/2030
III	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét hệ thống thoát nước	T6/2030	Tháng 6 năm 2030
2	Cải tạo đường giao thông ngoài mỏ	T6/2030	

* Yêu cầu về bồi hoàn sinh học: Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

8.4. Tình hình thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường

Do tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp nên hiện nay công ty mới thực hiện công tác cạy gỡ đá treo phát sinh trong quá trình khai thác theo tiến độ cải tạo, hoàn phục môi trường đã được phê duyệt.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại cơ sở (bao gồm nước thải từ tắm, giặt, rửa tay chân, nước thải nhà ăn và nước thải từ các nhà vệ sinh), lưu lượng 1,85 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: Lưu lượng xả thải tối đa xin cấp phép 1,85m³/ngày đêm (24 giờ).

1.3. Dòng nước thải: Một (01) dòng nước thải sau xử lý qua đường ống công UPVC D90 ra môi trường.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải:

Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giá trị thông số các chất ô nhiễm không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Bảng thông số, nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: Nước thải sau xử lý được dẫn qua ống u PVC D90 xả thải ra ao gần mỏ, vị trí xả thải có tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°), như sau: X = 2217 357; Y = 555 115

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24h/ngày.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: ao gần mỏ, khi có mưa lớn nước trong ao chảy tràn ra mương thoát nước chung khu vực.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Trong quá trình hoạt động của mỏ không phát sinh khí thải nên không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại cơ sở gồm:

- Nguồn số 01: Khu vực trạm nghiền sàng;

- Nguồn số 02: Khu vực xe đá;

3.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung trong khuôn viên cơ sở tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, với tọa độ đại diện như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí đại diện: X= 2217 229 (m); Y= 554 969 (m)

- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí đại diện: X = 2217 318 (m); Y = 555 021 (m);

(theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

3.3. **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn phát sinh của các nguồn trên phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	75	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	4
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	17 02 04	35
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 04	40
4	Pin, Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	3
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	19 06 01	25
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác)	Rắn	18 02 01	35
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH	Rắn	18 01 03	30
Tổng				172

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh

TT	Tên nguyên liệu	Chất thải rắn phát sinh (kg/năm)
1	Đất đá thải	400.000
Tổng		400.000

4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6,6

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 200 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ

b. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 33 m² (BxL=6,6x5m); phân loại chất thải nguy hại theo mã để lưu chứa đúng quy định.

- Thiết kế, cấu tạo kho: Có tường gạch bao kín, mái che bằng BTXM, nền láng xi măng, có hố thu và gờ chống tràn chất lỏng.

- Trong kho có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng ngừa, chữa cháy.

Kho lưu chứa CTNH của cơ sở đáp ứng quy định tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất thông thường

a. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

b. Khu vực lưu chứa:

- Bãi thải có diện tích 315m²

- Thiết kế, cấu tạo: Nền đất đầm chặt san bằng phẳng.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng composit dung tích 5-50 lit tại các vị trí phát sinh như văn phòng làm việc, khu nhà ăn, nhà bếp;

- Khu lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa và lưu giữ tại

4.3. Chuyển giao chất thải

Đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý các loại chất thải phát sinh tại cơ sở.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2022 của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 5.1: Kết quả phân tích và đánh giá chất lượng nước thải.

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
			2022	2023		
1	pH	-	6,92	7,2	5,5 - 9	5-9
2	TSS	(mg/l)	48	46,8	100	100
3	COD	(mg/l)	46,6	32,8	50	50
4	BOD ₅	(mg/l)	32,8	40,6	50	50
5	NH ₄ ⁺	(mg/l)	5,24	4,9	10	10
6	Coliform	(MPN/ 100ml)	3800	3600	5.000	5.000

Ghi chú:

- NT: Nước thải chung thải ra môi trường;

Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy chất lượng nước thải đầu ra, luôn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN hiện hành. Từ đó cho thấy chủ đầu tư cơ sở luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải.

Hoạt động của cơ sở không làm phát sinh khí thải nên Nhà máy không thực hiện quan trắc môi trường khí thải

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư, chủ đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Cơ sở thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Căn cứ các quy định tại Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường; Điều 97, Điều 98, Phụ lục XXVIII và Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở trong 02 năm gần đây: Ngày 05/7/2022 Sở Xây dựng phối hợp cùng các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của các đơn vị khai thác chế biến đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh năm 2022 tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định *(có biên bản kiểm tra kèm theo đính kèm phụ lục báo cáo)*

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

+ Các số liệu, dữ liệu (như nguồn ô nhiễm, thông số ô nhiễm, tải lượng ô nhiễm,...). Chủ cơ sở dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu thống kê, đo đạc thực tế tại cơ sở trong thời gian hoạt động nên có độ tin cậy và độ chính xác cũng như phù hợp với cơ sở trong thời gian tới.

+ Có một số đánh giá tác động, nguồn thải của dự án mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin hoặc chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về tác động nguồn thải của dự án, đồng thời đề xuất, thực hiện các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Cam kết công khai giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

+ Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

+ Cam kết chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam nếu có vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh không để ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh, đảm bảo các giá trị các thông số cho phép của QCVN 05: 2023/BTNMT.

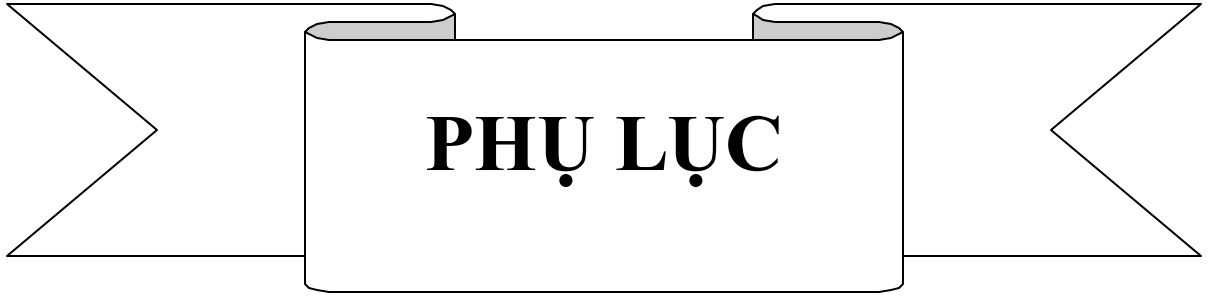
- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể khử trùng và các hồ lắng tại khai trường.

- Nước thải sản xuất: tuần hoàn tái sử dụng; hạn chế đến mức thấp nhất thải ra môi trường;

- Quản lý các hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung tại khu vực mỏ đá, đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT

- Thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.
- Hàng năm, thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.



PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2802145638

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 03 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ 1: ngày 26 tháng 04 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM GIANG NATURAL STONE
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAMGIANGSTONE CO.LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh
Thanh Hoá, Việt Nam

Điện thoại: 0373.911.658

Fax: 0373.911.379

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810 (Chính)
2	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm đá tự nhiên và vật liệu xây dựng	3290
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Xây dựng nhà các loại	4100
7	Xây dựng công trình công ích	4220
8	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác)	4659



STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt, bảo dưỡng công trình có sử dụng đá tự nhiên và vật liệu xây dựng khác	4290
13	Sản xuất, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, bao bì và các mặt hàng công ty kinh doanh	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng

Bảng chữ: Năm tỷ đồng

5. Vốn pháp định

6. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: **ĐỖ THỊ PHƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *05/10/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *172027969*

Ngày cấp: *07/02/2014*

Nơi cấp: *Công an Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **ĐỖ THỊ PHƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *05/10/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *172027969*

Ngày cấp: *07/02/2014*

Nơi cấp: *Công an Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

1. Tên địa điểm kinh doanh: NHÀ MÁY CHÈ BIÊN ĐÁ - CÔNG TY TNHH
ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Thôn Thịnh Vạn, Xã Quảng Thịnh, Thành phố
Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00001



Lôi Quang Vũ





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8801002716

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuế mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19 tháng 06 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang;

Xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang nộp ngày 18 tháng 10 năm 2019,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

Chứng nhận nhà đầu tư:

Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2802145638 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2014, thay đổi lần thứ 1 ngày 26/4/2014.

Vốn điều lệ: 5 tỷ đồng (năm tỷ đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà: Đỗ Thị Phương;

Sinh ngày: 05/10/1970;

Chứng minh nhân dân số:

Chức vụ: Giám đốc,

Quốc tịch: Việt Nam;

172027969.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Phương



Ngày cấp: 07/02/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Dùng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG, TẬN THU ĐÁ KHỐI SẢN XUẤT ĐÁ ỚP LÁT (ĐÁ XÂY DỰNG).

2. Mục tiêu dự án: Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để sản xuất đá ốp lát (đá xây dựng) cho các dự án xây dựng trong nước và xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Quy mô, công suất dự án: Nhà điều hành (diện tích xây dựng 72 m²); Nhà bảo vệ (16 m²); Nhà bếp + khu WC (72 m²); Kho vật tư (75 m²); Xưởng xe đá (900 m²); Nhà đặt trạm biến áp (16 m²); Hồ lắng xử lý nước (300 m²); Bãi thải (300 m²); Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp (42 m²) và các công trình, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

- Công suất khai thác: 15.000 m³/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 23.144,3 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: Khoảng 13,7 tỷ đồng (mười ba tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Nguồn vốn: Vốn tự có và các nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 25/6/2034 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được khai thác khoáng sản và thuê đất để thực hiện dự án).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công xây dựng: Quý III/2019;

- Hoàn thành đi vào hoạt động: Quý IV/2019.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát (đá xây dựng) tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định nếu nhà đầu tư thực hiện đúng với hồ sơ đăng ký, đảm bảo các quy định về sổ sách kế toán và các điều kiện có liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư năm 2014 và các quy định khác của pháp luật Việt Nam trong phạm vi có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư của dự án.

145638

CÔNG TY
TNHH
TỰ NHIÊN
NAM GIANG

YÊN LÂM

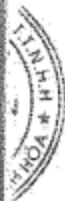
CS
HO
ĐÁI
HƯƠNG

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm bằng văn bản về tình hình thực hiện dự án đầu tư gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, sao gửi các sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện Yên Định và các đơn vị có liên quan để phối hợp theo dõi, quản lý theo lĩnh vực chuyên ngành./



Hoàng Văn Hùng





GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8801002716

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Chứng nhận thay đổi (hiệu đính) lần thứ 01: Ngày 24 tháng 02 năm 2022.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 953/BKHĐT-PC ngày 20/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện quy định của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 845/BTC-TCT ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc rà soát các quy định về thuế trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4345/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 19 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8801002716 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2019;

Căn cứ Văn bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang nộp ngày 21 tháng 02 năm 2022,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

Chứng nhận:

Dự án đầu tư KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
CÔNG THƯỜNG, TẬN THU ĐÁ KHỐI SẢN XUẤT ĐÁ ỐP LÁT (ĐÁ XÂY
G); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8801002716 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Thanh Hóa cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2019; được hiệu đính
Tên và mục tiêu đầu tư dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2802145638 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 04 năm 2014.

Địa chỉ trụ sở chính: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Họ và tên: Đỗ Thị Phương; Chức danh: Giám đốc; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 172027969 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07 tháng 02 năm 2014; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI VÀ CHẾ BIẾN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG, TẬN THU ĐÁ KHỐI ĐỂ XÈ.

2. Mục tiêu dự án: Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ cho các dự án xây dựng trong nước và xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Quy mô, công suất dự án:

- Quy mô dự án: Nhà điều hành (diện tích xây dựng 72 m²); Nhà bảo vệ (16 m²); Nhà bếp + khu WC (72 m²); Kho vật tư (75 m²); Xưởng xẻ đá (900 m²); Nhà đặt trạm biến áp (16 m²); Hồ lắng xử lý nước (300 m²); Bãi thải (300 m²); Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp (42 m²) và các công trình, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

- Công suất khai thác: 15.000 m³/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Diện tích sử dụng đất: 23.144,3 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: Khoảng 13,7 tỷ đồng. Nguồn vốn: Vốn tự có và các nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 25/6/2034 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được khai thác khoáng sản và thuê đất để thực hiện dự án).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Khởi công xây dựng: Quý III/2019;

- Hoàn thành đi vào hoạt động: Quý IV/2019.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án Khai thác mỏ đá vôi và chế biến làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối để xẻ tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định

nếu nhà đầu tư thực hiện đúng với hồ sơ đăng ký, đảm bảo các quy định về sổ sách kế toán và các điều kiện có liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung đã đăng ký; tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư và các quy định khác có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư của dự án.

- Chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện hoặc được cấp giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thuế, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư.

- Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp dự án chấm dứt hoạt động hoặc dự án phải dừng hoạt động do không đảm bảo đủ điều kiện theo quy định, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước không giải quyết tranh chấp giữa các Nhà đầu tư và tranh chấp giữa Nhà đầu tư với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8801002716 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

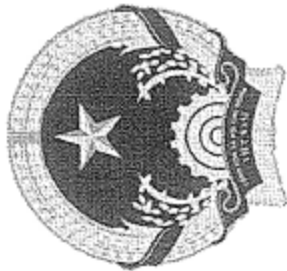
- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Sở: XD, TN&MT, CT, NN&PTNT;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND huyện Yên Định;
- Lưu: VT, KTĐN.



Nguyễn Thành Luân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2802145638, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/4/2014, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: SN 085/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CT 635365

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1 5 4 0 6 6 1 9 0 0 0 0 9 6

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

Tên thửa đất số	Địa chỉ	Diện tích xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
20/85	Mỹ Yên Tân, huyện Yên Sơn, tỉnh Thanh Hóa	10 645,4	Sử dụng nông	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	ĐX66 23/02/2004	Nhà nước cho thuê đất trả Lớn hàng năm
52/367	Số Yên Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0018,9				

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

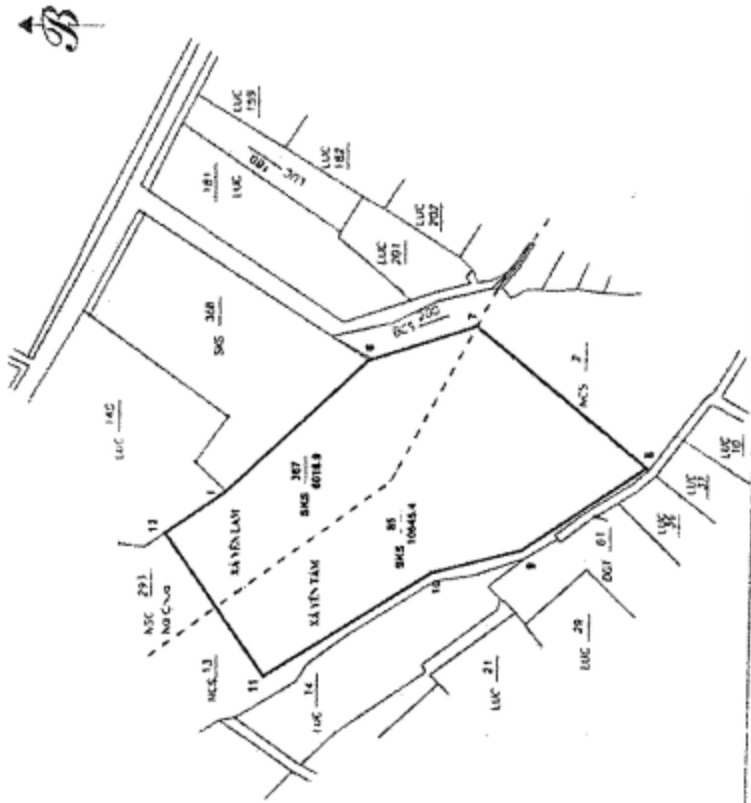
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: - Thửa 85 là thửa mới tạo thành theo Bản đồ Khu vực khai thác khoáng sản và thuê đất số 128/TLĐĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng ĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 21/3/2019.

- Thửa 367 là thửa mới tạo thành theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 801/TLĐĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 11/12/2019 (Trích lục từ thửa 366 tờ bản đồ số 52 trên Bản đồ Khu vực khai thác khoáng sản và thuê đất số 128/TLĐĐ, tỷ lệ 1/2000, do Văn phòng ĐKQSD đất lập ngày 21/3/2019.

- Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 98/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 12 năm 2019
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
 TU. CHỦ TỊCH
 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 KT. GIÁM ĐỐC



Lưu Trọng Quang

Số vào sổ cấp GCN: ...CT...10394

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1751 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng (VLXD) thông thường tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, của Xí nghiệp Tự Lập

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Xí nghiệp Tự Lập, họp ngày 01/4/2014 và nội dung Báo cáo ĐTM và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định họp ngày 01/4/2014;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 433/TTR-STNMT ngày 03/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Xí nghiệp Tự Lập.



Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng tại núi Chùa, xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Xí nghiệp Tự Lập với một số nội dung cụ thể sau:

2.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường bao gồm:

- Cải tạo mặt bằng khu vực moong khai thác để trồng cỏ.
- Cải tạo mặt bằng khu vực sân công nghiệp, tháo dỡ các công trình phụ trợ, san gạt mặt bằng và trồng cây keo lai.

- Kè chống sạt lở phía chân núi khu vực khai trường.

2.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường dự tính là: **531.257.717 đồng.**

Số lần ký quỹ 20 lần hoặc có thể lựa chọn việc ký quỹ một lần cho toàn bộ thời hạn khai thác khoáng sản là 20 năm.

- Số tiền ký quỹ lần đầu là: **79.688.657 đồng.** Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu tiên trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản 30 ngày;

- Số tiền ký quỹ của các lần tiếp theo là: **23.766.792 đồng.** Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Điều 3. Xí nghiệp Tự Lập có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đề án cải tạo phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

3.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

3.2. Khí thải và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.3. Nước thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 6. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung báo cáo ĐTM hoặc Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Xí nghiệp Tự Lập phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Điều 7. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 3 của Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Xí nghiệp Tự Lập và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TNMT (10 bản);
- Lưu: VT, Pg NN.

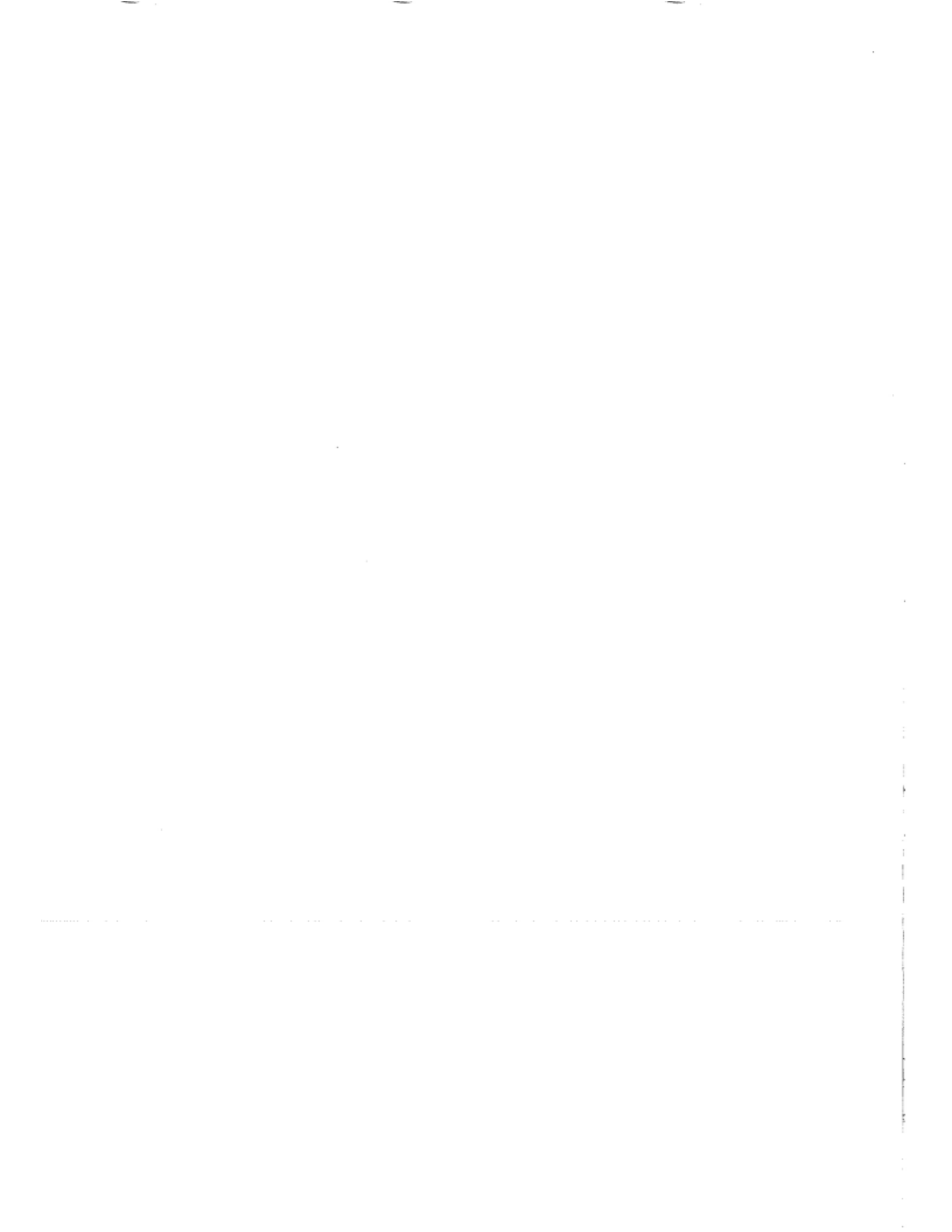
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phạm Đăng Quyền







**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2340**/UBND-CN

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 3 năm 2019

V/v chủ trương cho Công ty TNHH Tự
Lập chuyển nhượng quyền khai thác
khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây
dựng thông thường tại xã Yên Lâm,
huyện Yên Định.

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Tự Lập;
- Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang.

UBND tỉnh nhận được Đơn của Công ty TNHH Tự Lập (trước đây là Xi nghiệp tự Lập) đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định cho Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang; trên cơ sở báo cáo và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 905/STNMT-TNKS ngày 25/02/2019 (kèm Biên bản kiểm tra thực địa ngày 13/02/2019 và ý kiến tham gia của các sở, ngành, gồm: Sở Xây dựng tại Công văn số 786/SXD-VLXD ngày 15/02/2019, Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 659/CT-QLĐ ngày 20/02/2019, UBND huyện Yên Định tại Công văn số 291/UBND-TN&MT ngày 18/02/2019), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

- Đồng ý với đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Tự Lập được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định (khu mỏ UBND tỉnh cấp phép khai thác cho đơn vị tại Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014) cho Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang. Yêu cầu Công ty TNHH Tự Lập tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ đá trên, cho đến khi Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất.

Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Văn bản này có hiệu lực, nếu Công ty TNHH Tự Lập và Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang không hoàn thành đầy đủ thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản và gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, thì Văn bản này không còn giá trị pháp lý; các đơn vị không được bồi thường, hỗ trợ bất kỳ khoản chi phí nào đã đầu tư liên quan đến dự án.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các đơn vị lập thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định hiện hành của nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Yên Định;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT
Số: 163 /HĐTD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 7 năm 2019

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh.

Hôm nay, ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Thanh Hoá:

Do ông: Lưu Trọng Quang.

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá làm đại diện.

II. Bên thuê đất là Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang:

Trụ sở chính: Số nhà 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện: Bà Đỗ Thị Phương.

Chức vụ: Giám đốc.

Tài khoản: 50210000322669 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn Thanh Hóa.

III. Hai Bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 23.144,3 m² (Hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bốn phẩy ba mét vuông) tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các Trích lục bản đồ địa chính số 128/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá lập ngày 21/3/2019.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25/6/2034.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối để xẻ.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:



1. Đơn giá thuê đất: 699 đồng/m²/năm (Sáu trăm chín mươi chín đồng trên mét vuông trên năm) tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định; 631 đồng/m²/năm (Sáu trăm ba mươi một đồng trên mét vuông trên năm) tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định; thời gian ổn định đơn giá thuê đất là 05 năm tính từ ngày 19/6/2019 đến ngày 26/4/2024 theo Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 3297/TB-CT ngày 24/7/2019 của Cục Thuế Thanh Hóa.

Hết thời hạn trên, đơn giá thuê đất được tính lại theo quy định của pháp luật, Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang thực hiện nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và không phải điều chỉnh lại đơn giá thuê đất trong Hợp đồng thuê đất này.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước huyện Yên Định.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê, thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai;

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến Cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Hợp đồng số 22/HĐTD ngày 10/02/2015./.

Bên thuê đất
(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Chi Phương

Bên cho thuê đất
(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lưu Trọng Quang





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 96 /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 6 năm 2019

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chi thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định; Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 21/12/2012;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh cấp cho Xí nghiệp Tự Lập (nay là Công ty TNHH Tự Lập) tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định;

Căn cứ Công văn số 2340/UBND-CN ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Tự Lập chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Tự Lập và Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang tại Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 626/TTr-STNMT ngày 12/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang được khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, cụ thể như sau:

1. Về khoáng sản:

- Diện tích mỏ: 23.144,3 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 16.664,3 m², được giới hạn bởi các điểm góc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 1; diện tích khu vực khai trường là 6.480 m², được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 và 6 có toạ độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 332.356 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 23.265 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng khai thác: 225.000 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 15.750 m³ đá khối để xẻ.

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 15.000 m³/năm.

- Mức sâu khai thác: Đến cos +23m.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối để xẻ.

- Thời hạn khai thác: Đến ngày 25/6/2034.

2. Về đất đai:

- Thu hồi 23.144,3 m² đất tại xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định (khu đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH Tự Lập thuê theo Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014) và cho Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang thuê để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 128/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 21/3/2019;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;
- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25/6/2034.

Điều 2. Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang có trách nhiệm:

1. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường, nộp lệ phí chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cấm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đã được phê duyệt;

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

6. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; chấm dứt hiệu lực Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh.

1. Nguyễn Văn Tuấn

Hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Yên Định;
- UBND xã Yên Lâm;
- UBND xã Yên Tâm;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền



Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ ĐIỂM VÙNG MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI XÃ YÊN LÂM VÀ XÃ YÊN TÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 96 /GP-UBND
ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)
1	2217317.4	554990.5
2	2217331.1	555003.7
3	2217316.5	555023.9
4	2217378.7	555068.5
5	2217354.2	555113.3
6	2217254.1	555049.6
7	2217205.2	555065.0
8	2217127.5	555001.9
9	2217183.7	554964.7
10	2217224.5	554954.7
11	2217300.4	554907.4
12	2217344.7	554971.7





UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 487 /SXD-VLXD
V/v Thông báo kết quả thẩm định
điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển
khai sau thiết kế cơ sở công trình
khai thác mỏ đá vôi làm VLXD
thông thường tại thị trấn Yên Lâm và
xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang.

Sở Xây dựng nhận được hồ sơ kèm Tờ trình số 58/TTr-NG ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022, Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 và Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc phân cấp, phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định; căn cứ kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng số 01/TTr-TH ngày 02/01/2024 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng địa kỹ thuật và môi trường Thanh Hà;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

I. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh Thiết kế xây dựng



1. Văn bản pháp lý

- Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang được khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định;

- Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Chùa, thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

- Công văn số 9156/SXD-VLXD ngày 25/12/2023 của Sở Xây dựng về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD điều chỉnh dự án khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

2. Hồ sơ, tài liệu thăm dò, khảo sát, thiết kế, thẩm tra

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD điều chỉnh dự án được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 9156/SXD-VLXD ngày 25/12/2023;

- Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh, gồm Thuyết minh và tập bản vẽ thiết kế thi công;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng số 01/TTR-TH ngày 02/01/2024 do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng địa kỹ thuật và môi trường Thanh Hà thực hiện.

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập thiết kế xây dựng: Trung tâm tư vấn dịch vụ khoa học công nghệ mỏ địa chất và môi trường Thanh Hóa; chủ trì thiết kế là (ông) Trần Lương Kỳ;

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng địa kỹ thuật và môi trường Thanh Hà; chủ trì thẩm tra thiết kế là (ông) Trần Đình Tài.

II. Nội dung hồ sơ trình thẩm định

Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang lập điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định, như sau:

1. Điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản mỏ

- Mở vĩa bằng đào hào để ô tô vận tải trong đường hào từ cốt +20,0 m lên cốt +35,0 m, chiều dài 205 m, chiều rộng 6,0 m, độ dốc dọc trung bình 7,32%, kết cấu nền đá gốc, bề mặt đá dăm cấp phối (đã thi công);

- Các công trình phục vụ khai thác, chế biến đá trong phạm vi khai trường, gồm:

+ Nhà điều hành, quy mô 01 tầng, diện tích 72,0 m² có kích thước DxRxC = 12,0 m x 6,0 m x 3,1 m, móng đá hộc, tường xây gạch chịu lực, mái lợp tôn sóng 0,4 mm trên hệ thống xà gồ thép U (80x40x4,5) mm;

+ Nhà bếp + WC, quy mô 01 tầng, diện tích 60,0 m² có kích thước DxRxC = 10,0 m x 6,0 m x 3,1 m, móng đá hộc, tường xây gạch chịu lực, mái lợp tôn sóng 0,4 mm trên hệ thống xà gồ thép U (80x40x4,5) mm;

+ Xưởng gia công đá xẻ, quy mô 01 tầng, diện tích 224 m² có kích thước DxRxC = 32,0 m x 7,0 m x 4,5 m; móng đá hộc, xây dựng bằng khung thép I, mái lợp tôn sóng 0,45 mm trên hệ thống xà gồ thép U (80 x 40 x 4,5) mm;

+ Xưởng xẻ, quy mô 01 tầng, diện tích 720 m² có kích thước DxRxC = 60,0 m x 12,0 m x 11,45 m; móng đá hộc, xây dựng bằng khung thép I, mái lợp tôn sóng 0,45 mm trên hệ thống xà gồ thép U (80 x 40 x 4,5) mm;

+ Kho đá thành phẩm, quy mô 01 tầng, diện tích 360 m² có kích thước DxRxC = 30,0 m x 12,0 m x 4,5 m; móng đá hộc, xây dựng bằng khung thép I, mái lợp tôn sóng 0,45 mm trên hệ thống xà gồ thép U (80 x 40 x 4,5) mm;

+ Trạm biến áp công suất 630 KVA;

+ Trạm nghiền 50 tấn/giờ;

+ Trạm cân điện tử (80 tấn);

+ Hệ thống rãnh thoát nước, kích thước: dài 65,0 m x rộng 0,8 m x sâu 0,6. Kết cấu: Rãnh xây gạch chịu lực, độ mái dốc 1:1, độ dốc dọc rãnh $i = 5\%$;

+ Hồ lắng 1: Kích thước DxRxS = 65,0 x 5,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m; Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.

+ Hồ lắng 2: Kích thước DxRxS = 27,0 x 10,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m; Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.

2. Điều chỉnh Hệ thống khai thác

- Thiết kế hệ thống khai thác theo lớp bằng vận tải trực tiếp với các thông số kỹ thuật chính như sau:

STT	Các thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H_t	m	10,0
2	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α	độ	75^0
3	Chiều rộng mặt tầng công tác	B_{ct}	m	25,0
4	Chiều cao tầng kết thúc khai thác	H_{kt}	m	20,0
5	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	φ	độ	70^0
6	Chiều rộng mặt tầng kết thúc khai thác	B_v	m	0
7	Góc dốc bờ mỏ (bờ kết thúc)	γ	độ	60^0
8	Cao độ kết thúc khai thác	cốt	m	+23,0

3. Tổng mặt bằng mỏ và tổ chức xây dựng

Tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/1.000) có diện tích: 23.144,3 m²; được điều chỉnh như sau:

- Khu vực khai thác có diện tích là 16.664,3 m²; số tầng kết thúc khai thác là 01 tầng, với chiều cao tầng là 20,0 m; đáy moong có diện tích là 15.940 m², tại cốt +23,0 m;

- Khu vực khai trường có diện tích: 6.480 m² trong đó đầu tư các công trình phục vụ khai thác, chế biến đá gồm: Nhà điều hành (72,0 m²); nhà bếp + WC (60,0 m²); Xưởng gia công đá (224,0 m²); xưởng xe (720 m²); kho đá thành phẩm (360 m²); trạm biến áp 630 KVA; trạm nghiền 50 tấn/giờ; trạm cân điện tử (80 tấn); rãnh nước dài 65,0 m x rộng 0,8 m; 02 hồ lắng (1.190 m³); bãi thải (315 m²).

III. Kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng

- Nội dung thiết kế xây dựng được lập phù hợp theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; quy cách hồ sơ thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nội dung Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập thiết kế xây dựng: Trung tâm tư vấn dịch vụ khoa học công nghệ mỏ địa chất và môi trường Thanh Hóa, địa chỉ trụ sở tại số 14, đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa; Sở Xây dựng Hà Nội cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số hiệu HAN-00002839 ngày 08/02/2022 cấp kèm theo Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 28/01/2022, đủ điều kiện khảo sát xây dựng và thiết kế công trình khai thác mỏ vật liệu xây dựng, cấp II;

- Chủ trì thiết kế: (Ông) Trần Lương Kỳ, trình độ kỹ sư khai thác mỏ, có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình công nghiệp (Khai thác mỏ) số HAD-00101742 do Sở Xây dựng Hải Dương cấp ngày 27/8/2020, ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-SXD ngày 27/8/2020, còn hiệu lực;

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng địa kỹ thuật và môi trường Thanh Hà; địa chỉ trụ sở tại: Số 133 Hoàng Văn Thụ, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Sở Xây dựng Hải Phòng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số hiệu HAP-00039633 ngày 03/02/2021 cấp kèm theo Quyết định số 98/QĐ-SXD ngày 03/02/2021, đủ điều kiện thẩm tra thiết kế công trình khai thác mỏ vật liệu xây dựng, cấp II;

- Chủ trì thẩm tra thiết kế: (Ông) Trần Đình Tài, trình độ thạc sỹ - kỹ sư kỹ thuật mỏ, có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ số HAN-00014656 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 16/6/2020, ban hành theo Quyết định số 477/QĐ-SXD ngày 10/6/2020, còn hiệu lực.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định

Được Tư vấn thẩm tra đánh giá phù hợp với nội dung thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD điều chỉnh dự án được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 9156/SXD-VLXD ngày 25/12/2023.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng Tiêu chuẩn trong thiết kế

- Sự tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng Tiêu chuẩn trong thiết kế: được Nhà thầu thẩm tra đánh giá tại mục 2, phần V của Báo cáo kết quả thẩm tra;

- Việc đánh giá sự phù hợp của các giải pháp thiết kế xây dựng, mức độ an toàn công trình: được Nhà thầu thẩm tra kiểm tra và đánh giá tại mục 3, phần V của Báo cáo kết quả thẩm tra.

5. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

- Về phòng, chống cháy nổ: Theo báo cáo kết quả thẩm tra thì thiết kế đã đưa ra được các biện pháp phòng chống cháy, nổ trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; đề nghị Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang liên hệ với Sở Công thương để được hướng dẫn lập Phương án nổ mìn và cấp phép sử dụng vật liệu nổ theo quy định, sau đó mới thực hiện công tác nổ mìn phá đá;

- Về bảo vệ môi trường: Dự án này, được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 06/6/2014.

6. Tập bản vẽ Thiết kế: Các bản vẽ đã thể hiện đầy đủ các thông số thiết kế thi công theo yêu cầu.

IV. Kết luận và Kiến nghị

1. Hồ sơ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ đá với làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định do Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang làm chủ đầu tư đủ điều kiện để phê duyệt.

2. Yêu cầu khác đối với chủ đầu tư

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức liên quan, để làm cơ sở phê duyệt theo thẩm quyền được quy định tại khoản 8 Điều 82 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14;

GR
VG
HQA

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, thẩm tra chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ thiết kế thi công trình thẩm định;

- Trong quá trình hoạt động khoáng sản tại mỏ, đề nghị chủ đầu tư thực hiện đúng, đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường theo đúng thiết kế xây dựng được thẩm định, phê duyệt và các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh. Chủ đầu tư liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện việc cấp Giấy phép môi trường của dự án, theo đó cập nhật, bổ sung đầy đủ các công trình trong dự án điều chỉnh lần này theo quy định;

- Thực hiện nghiệm thu công trình trước khi tổ chức khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định tại Điều 24, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định với các nội dung nêu trên đề Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang được biết và thực hiện; đồng thời Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng.PDF) tài liệu thiết kế đã đóng dấu thẩm định về Sở Xây dựng để lưu trữ và quản lý theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu VT, VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Bá Hải

YÊN TÂM



HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Và

CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

Năm 2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * * * -----

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 30230059

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.;

- Căn cứ vào Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022 ngày 10/01/2022 về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực từ ngày 10/01/2022

- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022 ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, tại Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

Địa chỉ : SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 0373911658

Mã số thuế : 2802145638

Đại diện : **ĐỖ THỊ PHƯƠNG**

Chức vụ : Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Địa chỉ : Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

SĐT : 0222 3717286

Mã số thuế : 2300426314

Đại diện : **ĐỖ TUẤN ANH**

Chức vụ : Giám đốc Tài Chính

(Đại diện theo giấy ủy quyền số 06/MTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 03/01/2023).

Tài khoản VND : 118009309999

Tài khoản NH : Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng xử lý vận chuyển rác thải nguy hại với các điều kiện và điều khoản sau :

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau :

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo đúng các quy định pháp luật về quản lý chất thải liên quan của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương thức xử lý, phương tiện vận chuyển

2.1. Địa điểm giao chất thải: Kho chứa chất thải của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang tại địa chỉ: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2.1. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Tại Công ty CP Môi trường Thuận Thành, thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

3004
CỘNG
CỔ P
MÔI T
THUẬN
AN THÀ

2.2. Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép môi trường số 249 GPMT/ BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành.

2.3. Thời gian giao nhận chất thải: Chậm nhất sau 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật.

2.4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được Bộ TNMT cấp phép.

Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Dầu thải	Trộn gói	17 02 04	5.000.000/01 lần thu gom	Khối lượng thu gom trọn gói từ 01kg đến 500kg/lần thu gom.
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải		18 02 01		
3	Bóng đèn huỳnh quang		16 01 06		
4	Pin, ắc quy chì thải		19 06 01		
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại		18 01 02		
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại		18 01 01		
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH (vỏ thùng sơn)		18 01 03		

Ghi chú

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Nếu khối lượng thu gom trên 500kg/lần thu gom thì khối lượng vượt sẽ tính thêm là 8.000đ/kg.

3.1 Phương thức và thời gian thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả tiền thuế VAT) khi ký hợp đồng này. Số tiền tương đương là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên A không bàn giao chất thải cho bên B thì toàn bộ số tiền bên A đã thanh toán cho bên B sẽ không được hoàn lại.
- Sau 30 ngày kể từ ngày thu gom bên B sẽ bàn giao lại cho bên A bộ chứng từ nghiệm thu gồm các giấy tờ sau:
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.
 - + Chứng từ chất thải nguy hại
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ
 - + Giấy đề nghị thanh toán

Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

637
CÔNG TY
HẠN
LIÊN
THÀNH
PH. T.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm sau khi đã nhận chất thải từ bên A.. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

Điều 5: Điều khoản chung

- 5.1 Bảo mật: Các giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc sở hữu của các Bên và các Bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho người khác nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia.
- 5.2 Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.
- 5.3 Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.
- 5.4 Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- 6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2023 đến hết ngày 01/03/2024
- 6.2 Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 6.3 Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.
- 6.4 Hợp đồng này được hai bên cam kết thực hiện, trường hợp xảy ra tranh chấp hai bên sẽ cùng giải quyết thông qua đàm phán trên tinh thần hợp tác và xây dựng. Nếu không giải quyết được thông qua hình thức trên, tranh chấp sẽ được đưa lên Tòa án Tỉnh Thanh Hóa, phán quyết của tòa án sẽ có hiệu lực cuối cùng.
- 6.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.



BIÊN BẢN XÁC NHẬN VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ

Căn cứ vào về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG và Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

Căn cứ vào nhu cầu vận chuyển của CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG về việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại bằng xe chuyên dụng.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023 Tại văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành

I. Chúng tôi gồm:

1 Ông (Bà):

Chức vụ:

Đại diện cho: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG (Bên A)

Địa chỉ: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2802145638

2 Ông (Bà): Vũ Văn Cường

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Đại diện cho: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành (Bên B)

Địa chỉ: Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222 3 717 286

Tài khoản số: 118009309999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh

Mã số thuế: 2300426314

Cùng nhau lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải từ tháng

/2023 với khối lượng chất thải và kinh phí xử lý như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị	Tổng khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại năm 2023	Lần	1	5,000,000	5,000,000
Tổng					5,000,000
Thuế GTGT 8%					400,000
Tổng giá trị thanh toán:					5,400,000

II. Kinh phí thanh toán:

Tổng giá trị thanh toán bên A phải trả cho bên B:

5,400,000 VNĐ

Bằng chữ: Năm triệu, bốn trăm ngàn

Kinh phí trên được bên A chuyển trả cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần Môi trường Thuận Thành số: 118009309999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ./.

Biên bản này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý.



GIÁM ĐỐC
Đỗ Chí Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B



Người lập


Phòng Kế toán - Giám đốc tài chính



Đỗ Thùy Linh

Nguyễn Bảo Quân - Đỗ Tuấn Anh

TỈNH/ THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: /2023/249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH1: Công ty CP Môi trường Thuận Thành		Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Ngọc Khám, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223774998					
Địa chỉ cơ sở: Ngọc Khám, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223774998					
2. Chủ CS DV XL CTNH2:		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa		ĐT:					
4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bụi			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	4	Phá dỡ - HR
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		x		17 02 04	35	TC-TD-XLNT
3	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	40	TĐ-HR
4	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	3	AQ
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	25	Tẩy rửa - TC
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	35	TĐ-HR
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH	x			18 01 03	30	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Không		Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....			
Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 1733 8					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt Chủ CS DV XL CTNH1: Đỗ T. Thủy Linh		Ký:.....		Ngày: 10/11/2023			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt Chủ CS DV XL CTNH2:.....		Ký:.....		Ngày:.....			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH1 (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Thanh Hóa, ngày 10 tháng 11 năm 2023				Bắc Ninh, ngày tháng năm 20....			
 GIÁM ĐỐC (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) Đỗ Thị Phương				 TRỢ LÝ TỔNG GIÁM ĐỐC GIÁP THỊ HIÊN (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: - 2 - 3 - 4 -							

TỈNH/ THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỬ CHẤT THAI NGUY HẠI					
		Số:		/2023/249/GPMT-BTNMT			
1. Chủ CS DV XL CTNH1: Công ty CP Môi trường Thuận Thành		Số GPMT/Mã số QLCTNH: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Ngõ Khảm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223774998					
Địa chỉ cơ sở: Ngõ Khảm, Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh		ĐT: 02223774998					
2. Chủ CS DV XL CTNH2:		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG		Số GPMT/Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bụi			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thái	x			16 01 06	4	Phá dỡ - HR
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thái khác		x		17 02 04	35	TC-TD-XLNT
3	Bao bì mềm thái	x			18 01 01	40	TD-HR
4	Pin, ắc quy chì thái	x			19 06 01	3	AQ
5	Bao bì cứng thái bằng nhựa	x			18 01 03	25	Tẩy rửa - TC
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	35	TD-HR
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH	x			18 01 03	30	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoá); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Không		Nước nhập khẩu:.....			Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất cảng:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: <i>99C 17338</i>					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt Chủ CS DV XL CTNH1: <i>Đỗ Tấn Lợi</i> Ký:..... Ngày: <i>10/11/2023</i>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt Chủ CS DV XL CTNH2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Thanh Hóa, ngày <i>10</i> tháng <i>11</i> năm 2023		8. Chủ CS DV XL CTNH1 (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bắc Ninh, ngàytháng.....năm 20....					
 GIÁM ĐỐC (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)		(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)					
Liên số: 1" - 2" - 3" - 4"							



Công ty cổ phần Môi Trường
Thuận Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:...../NKVC

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Bên giao: **CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG**
Địa chỉ văn phòng: SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ giao nhận: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bên nhận: **CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**
Địa chỉ: Thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

TT	Mã CTNH	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng	Biển số xe	Ghi chú
1	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	4	99C17338	
2	17 02 04	Các loại đầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Kg	35		
3	18 01 01	Bao bì mềm thải	Kg	40.0		
4	19 06 01	Pin, ắc quy chì thải	Kg	3.0		
4	18 01 03	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	25		
5	18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ	Kg	35		
6	18 01 03	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH	Kg	30		

Chủ nguồn thải chịu trách nhiệm về tất cả các chủng loại chất thải bàn giao trên

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Phương

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ T. Thùy Linh

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

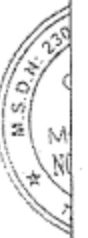
Giữa

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

và

CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

Năm 2024



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 30240024

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.;

- Căn cứ vào Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022 ngày 10/01/2022 về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực từ ngày 10/01/2022

- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022 ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại Công ty TNHH Đá tự nhiên Nam Giang chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

Địa chỉ : SN 08/171 đường Lê Thánh Tông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 0373911658

Mã số thuế : 2802145638

Đại diện : **ĐỖ THỊ PHƯƠNG**

Chức vụ : Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Địa chỉ : Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

SĐT : 0222 3717286

Mã số thuế : 2300970940

Đại diện : **VŨ VĂN CƯỜNG**

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Tài khoản VND : 113002866088

Tài khoản NH : Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng xử lý vận chuyển rác thải nguy hại với các điều kiện và điều khoản sau

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau :

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo đúng các quy định pháp luật về quản lý chất thải liên quan của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương thức xử lý, phương tiện vận chuyển

2.1. Địa điểm giao chất thải: Kho chứa chất thải của Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang tại địa chỉ: Mỏ đá thuộc Núi Chùa, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Tại CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH, thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

2.3. Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép trong Giấy phép Môi trường 176 GPMT/ BTNMT của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh.

2.4. Thời gian giao nhận chất thải: Chậm nhất sau 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật.

197094

CÔNG
TY TNHH
MÔI TRƯỜNG
NGÔI SAO XANH

CHỖ ĐÓNG CHỮ

2.4. Thời gian giao nhận chất thải: Chậm nhất sau 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được Bộ TNMT cấp phép.

Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Dầu thải	Trộn gói	17 02 04	5.000.000/01 lần thu gom	Khối lượng thu gom trọn gói từ 01kg đến 500kg/lần thu gom.
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải		18 02 01		
3	Bóng đèn huỳnh quang		16 01 06		
4	Pin, ắc quy chì thải		19 06 01		
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại		18 01 02		
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại		18 01 01		
7	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH (vỏ thùng sơn)		18 01 03		

Ghi chú

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Nếu khối lượng thu gom trên 500kg/lần thu gom thì khối lượng vượt sẽ tính thêm là 8.000đ/kg.

3.1 Phương thức và thời gian thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% tổng giá trị hợp đồng (bao gồm cả tiền thuế VAT) khi ký hợp đồng này.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên A không bàn giao chất thải cho bên B thì toàn bộ số tiền bên A đã thanh toán cho bên B sẽ không được hoàn lại.
- Sau 30 ngày kể từ ngày thu gom bên B sẽ bàn giao lại cho bên A bộ chứng từ nghiệm thu gồm các giấy tờ sau:
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.
 - + Chứng từ chất thải nguy hại
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ
 - + Giấy đề nghị thanh toán

Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

0-1
TY
'NG
ANH
JINH

4.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm sau khi đã nhận chất thải từ bên A.. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

Điều 5: Điều khoản chung

- 5.1 Bảo mật: Các giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc sở hữu của các Bên và các Bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho người khác nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia.
- 5.2 Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.
- 5.3 Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.
- 5.4 Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

- 6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2024 đến hết ngày 01/03/2025
- 6.2 Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 6.3 Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.
- 6.4 Hợp đồng này được hai bên cam kết thực hiện, trường hợp xảy ra tranh chấp hai bên sẽ cùng giải quyết thông qua đàm phán trên tinh thần hợp tác và xây dựng. Nếu không giải quyết được thông qua hình thức trên, tranh chấp sẽ được đưa lên Tòa án Tỉnh Thanh Hóa, phán quyết của tòa án sẽ có hiệu lực cuối cùng.
- 6.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Chi Phương



TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Việc chấp hành các quy định pháp luật của các đơn vị khai thác chế biến đá
làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh

Tên Dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Chùa,
thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1100/UBND-CN ngày 20/01/2022 về việc Triển khai thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về việc quản lý nhà nước về cấp phép, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến nay.

Căn cứ Công văn số 422/TTTH-P4 ngày 02/3/2022 của Thanh tra tỉnh về việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4436/QĐ-SXD ngày 22/6/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc Thành lập đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của các đơn vị khai thác, chế biến đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Hôm nay, ngày 05/7/2022, Sở Xây dựng phối hợp cùng các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của các đơn vị khai thác chế biến đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh năm 2022 tại thị trấn Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

1. THÀNH PHẦN.

1. Sở Xây dựng:

- Ông: Nguyễn Hữu Đức

- Ông: Nguyễn Hữu Biên

- PTP phòng Quản lý VLXD;

- CV phòng Quản lý VLXD.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ông: Vũ Ngọc Biên

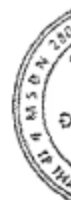
- PTP phòng TNKS.

3. Sở Công Thương:

- Ông: Nguyễn Đức Chung

- CV phòng An toàn CN môi trường.

4. UBND huyện Yên Định:



Ông: Nguyễn Đình Quy - CV phòng TNMT.

5. UBND thị trấn Yên Lâm:

- Ông: Bùi Văn Thao - Công chức Địa chính xây dựng.

6. UBND xã Yên Tâm:

- Ông: Nguyễn Cao Cường - Phó Chủ tịch UBND.

- Ông: Lê Văn Thanh - Công chức Địa chính xây dựng.

7. Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang:

- Bà: Đỗ Thị Phương - Giám đốc.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA.

1. Về kiểm tra hồ sơ pháp lý.

1.1. Hồ sơ đầu tư dự án.

- Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh, diện tích mỏ 23.144,3 m², diện tích khai thác 16.664,3 m², diện tích khu vực khai trường 6.480 m²; công suất khai thác 15.000 m³/năm; thời hạn khai thác: 25/6/2034.

- Hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và các văn bản thẩm định: Thẩm định TKBVTC số 6529/SXD-VLXD 05/11/2018 của Sở Xây dựng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 635365 ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa, diện tích 16.664,3 m². Khu vực khai trường theo báo cáo của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Văn bản thông báo khởi công xây dựng công trình gửi cơ quan QLNN về xây dựng tại địa phương.

+ Giấy phép xây dựng số 755/GPXD-U BND ngày 24/3/2020 của UBND huyện Yên Định.

- Hồ sơ hoàn công xây dựng công trình khai thác, chế biến đá: chưa thực hiện.

1.2. Hồ sơ về quản lý hoạt động khai thác, chế biến đá.

- Hồ sơ công bố hợp quy chất sản phẩm đá xây dựng: Đơn vị đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập hồ sơ do Bộ Xây dựng chỉ định để thực hiện công bố.

- Báo cáo sản lượng khai thác, chế biến khoáng sản đá 2020, 2021 và 06 tháng đầu năm 2022:

- Năm 2020: đá xây dựng 7.441,05 m³, đá xẻ 1.502.89 m³.

11/06/2022

- Năm 2021: đá xây dựng 8.317,80 m³, đá xẻ 2.846,73 m³.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020, 2021 (theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/12/2018 của Bộ Xây dựng): Đã lập báo cáo giám sát môi trường hàng năm nhưng chưa đúng mẫu quy định của Bộ Xây dựng, chưa gửi báo cáo cho Sở Xây dựng.

1.3. Hồ sơ quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: Đơn vị không sử dụng vật liệu nổ.

1.4. Hồ sơ an toàn lao động.

- Huấn luyện cấp thẻ ATLD, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; quy trình vận hành thiết bị: Chưa xuất trình đầy đủ (có danh sách huấn luyện nhưng chưa xuất trình thẻ, có cấp phát bảo hộ nhưng chưa lập danh sách).

- Đã lập nội quy an toàn lao động.

- Giám đốc điều hành mỏ: Vũ Hùng Cường; sinh ngày 08/01/1990. Quê quán: xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường, Nam Định. Đại học Mỏ Địa chất chuyên ngành kỹ sư kỹ thuật mỏ.

2. Về kiểm tra hiện trường.

1. Việc tổ chức khai thác, chế biến khoáng sản theo thiết kế (Cắm mốc giới, phương án khai thác; sản phẩm sản xuất chế biến; thu hồi sản phẩm sau khai thác, chế biến):

- Về cắm mốc giới: Đơn vị đã thực hiện cắm mốc giới tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra các mốc số 1, 2, 3 và 6 đã bị đất đá vùi lấp nên không xác định được.

- Phương án khai thác: Vị trí khai thác theo hồ sơ thiết kế; chiều cao tầng khai thác 3 tầng từ 5-7m/ thiết kế 10m.

- Sản phẩm sản xuất chế biến; thu hồi sản phẩm sau khai thác, chế biến: tại khu vực mỏ đơn vị khai thác bao gồm đá khối và đá VLXD thông thường; trên khu vực khai trường có sản phẩm và đang chế biến đá khối và đá VLXD thông thường (có xưởng chế biến đá khối và trạm nghiền sàng công suất 25m³/h).

2. Đầu tư xây dựng công trình, thiết bị khai thác, chế biến theo dự án đầu tư: Đơn vị đã thực hiện đầu tư xây dựng công trình phục vụ khai thác, chế biến theo dự án đầu tư xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 755/GPXD-U UBND ngày 24/3/2020 của UBND huyện Yên Định.

1
2
3
4
5
6
7

3. Thực hiện vệ sinh an toàn lao động; bảo vệ môi trường tại khu vực khai thác, chế biến: Mặt bằng sản xuất chưa gọn gàng, công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp chưa sạch sẽ; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân chưa đầy đủ.

4. Thực hiện quản lý, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: Đơn vị không sử dụng VL nổ công nghiệp.

5. Niêm yết nội quy an toàn lao động, bảo quản và vận hành thiết bị tại nơi sản xuất: Đơn vị đã thực hiện.

III. CÁC TỒN TẠI.

1. Về hồ sơ.

- Hồ sơ hoàn công xây dựng công trình khai thác, chế biến đá: chưa thực hiện.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020, 2021 (theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/12/2018 của Bộ Xây dựng): Đã lập báo cáo giám sát môi trường hàng năm nhưng chưa đúng mẫu quy định của Bộ Xây dựng, chưa gửi báo cáo cho Sở Xây dựng.

- Huấn luyện cấp thẻ ATLĐ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; quy trình vận hành thiết bị: Chưa xuất trình đầy đủ (có danh sách huấn luyện nhưng chưa xuất trình thẻ, có cấp phát bảo hộ nhưng chưa lập danh sách).

2. Về hiện trường.

- Về cấm mốc giới: Đơn vị đã thực hiện cấm mốc giới tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra các mốc số 1, 2, 3 và 6 đã bị đất đá vùi lấp nên không xác định được.

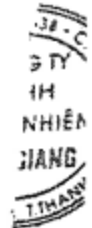
- Thực hiện vệ sinh an toàn lao động; bảo vệ môi trường tại khu vực khai thác, chế biến: Mặt bằng sản xuất chưa gọn gàng, công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp chưa sạch sẽ; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân chưa đầy đủ.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ.

1. Về hồ sơ.

Đề nghị Công ty khắc phục hoàn thiện các hồ sơ đã nêu tại mục 1.III báo cáo về Sở Xây dựng trước ngày 15/7/2022.

2. Về hiện trường.



- Đề nghị công ty thực hiện kiểm tra cắm lại mốc giới; tổ chức phương án khai thác đảm bảo theo thiết kế.

- Thực hiện an toàn lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp tại nơi sản xuất theo quy định.

Biên bản được đọc để các bên cùng nghe, thống nhất thông qua và được lập thành 07 bản. Hội nghị kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

Đoàn kiểm tra

Nguyễn Hữu Đức

UBND thị trấn Yên Lâm

Bùi Văn Thao

UBND Huyện Yên Định
Phòng TNMT

Nguyễn Đình Quy

Công ty TNHH đá tự
nhiên Nam Giang



Đỗ Thị Phương

UBND xã Yên Tâm



Nguyễn Cao Cường





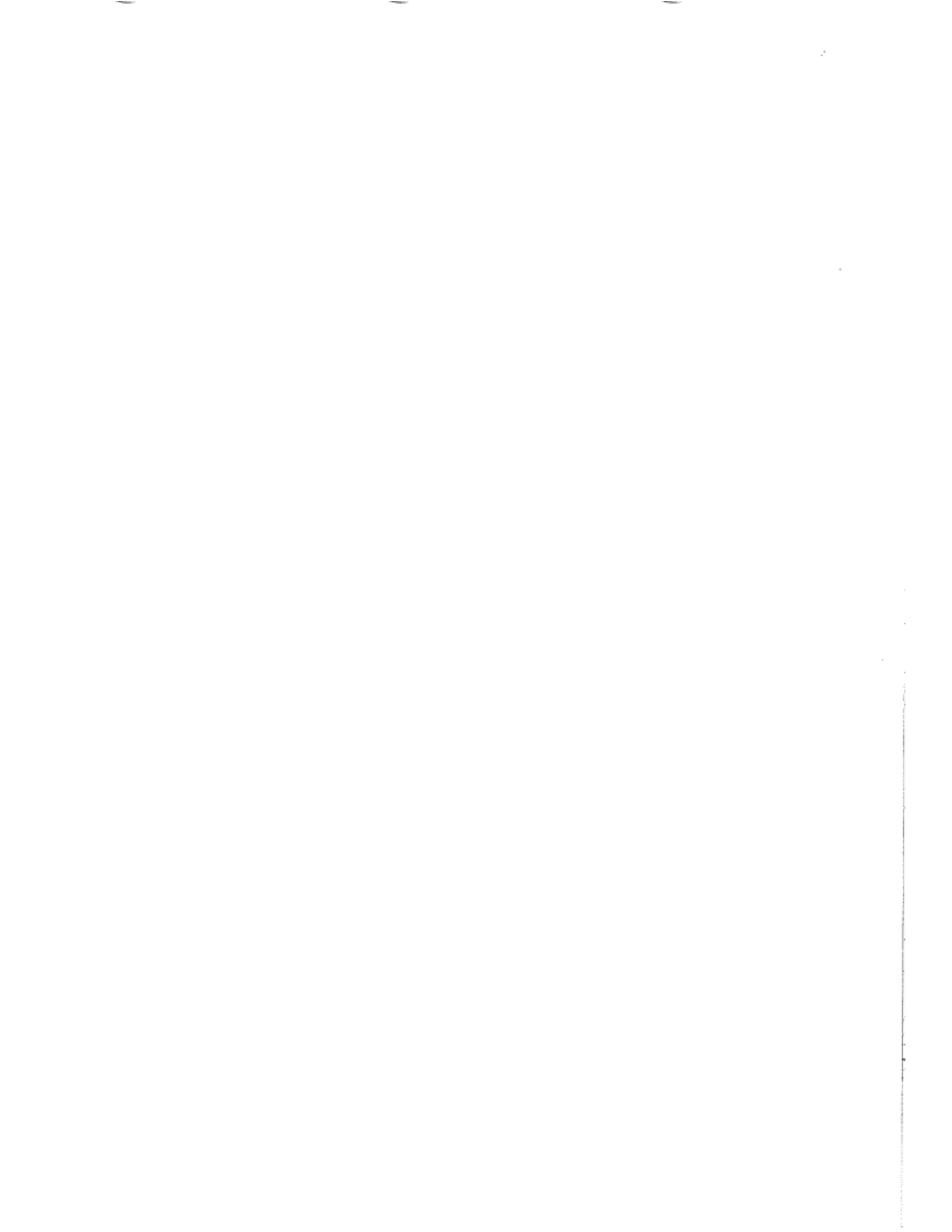
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

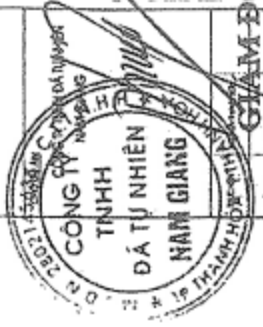
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: TT YÊN LÂM VÀ XÃ YÊN TÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

THANH HOÁ NĂM 2024





GIẤM ĐỐC

Chi Phương

THI CÔNG VÀ THI CÔNG HOÀN THIỆN
 CÔNG TRÌNH
 KHU TẮC HỒ ĐÀ VÀ
 UỶN KINH PHÒNG THƯỜNG,
 TỈNH THỦY ĐIỆN ĐỀ XE
 HƯỚNG SÔNG SÔNG THAM

ĐƠN VỊ HOÀN CÔNG

BIÊN BẢN
BỂ TỰ HOẠI

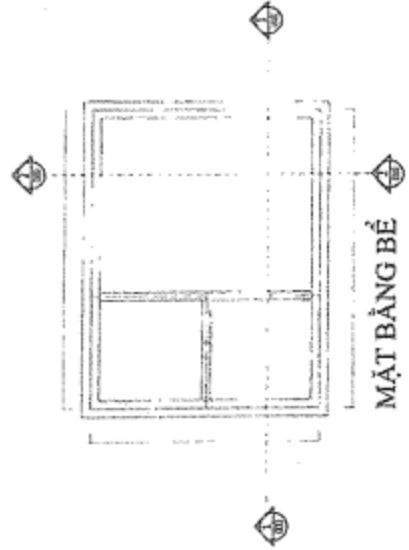
NGÀY THỰC HIỆN: .../.../2018
 TÊN BẢN VẼ: ...
 TÊN ĐƠN VỊ: ...
 TÊN NGƯỜI VẼ: ...
 TÊN NGƯỜI KIỂM TRA: ...



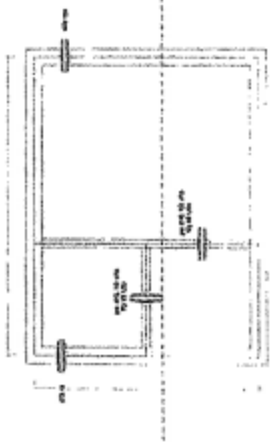
MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2



MẶT BẰNG BỂ



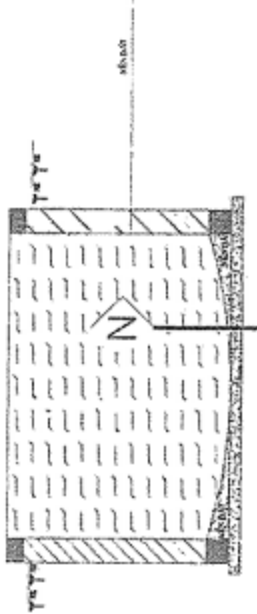
BỐ TRÍ THÔNG THỦY

↑ N
 HỆ TỌA ĐỘ BỂ ĐÀ VÀ UỶN KINH PHÒNG THƯỜNG
 HỆ TỌA ĐỘ BỂ ĐÀ VÀ UỶN KINH PHÒNG THƯỜNG





MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2

KÍCH THƯỚC D X R X S = 65 X 5 X 2 (M)
 CỐT ĐÁY +13M, KẾT CẤU: NỀN ĐẤT, ĐỘ MÁI ĐỐC 1:1



Đ. Thị Phương
 TRƯỞNG VÀ KÊNH NHẬP QUẢN

COBAN KHU THÁC LỎ ĐÁ VÀ LÂM NGHIỆP KHÔNG THUỘC TÀI SẢN ĐÁ NHỒ ĐỀ BÈ

HỆ THỐNG THỦ CÔNG, XỬ LÝ MỐC MÌN, NƯỚC THẢ

BẦY VỆ HOÀN CÔNG

TRƯỜNG
 NGÀY PHẢI NHẬP
 TRƯỜNG
 1900 - 4940 -





GIÁM ĐỐC

Đỗ Chi Phuong

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

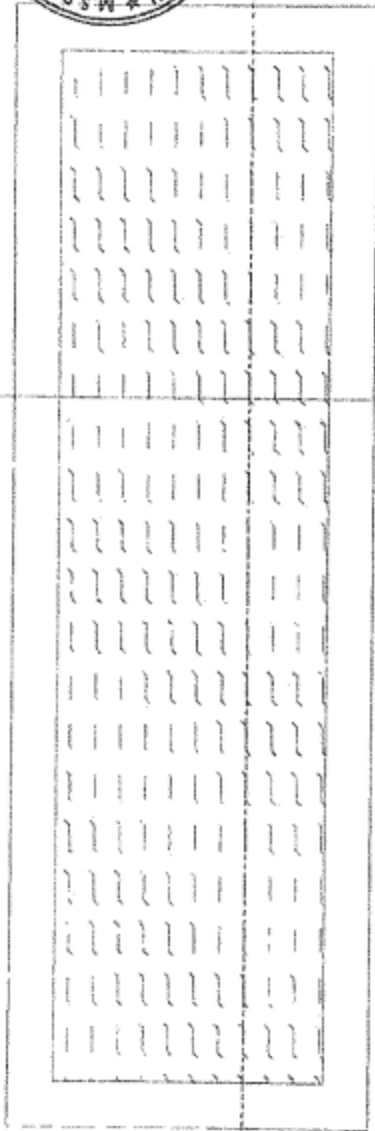
KINH THẠC MÔ DÀ VỚI
LÀM MỘT TRONG THƯỜNG,
TÀI TƯ DẠ NHỎ ĐỂ XẾ

HỆ THỐNG THAI GIỮA XỬ LÝ
NƯỚC MUA, NƯỚC THẢI

BẢO VỆ HOÀN CÔNG

BỂ LẮNG 2

NGÀY MẪU NHẬP: .../.../...
TÊN BỒN: BỂ LẮNG 2
TRƯỜNG: ...



MẶT BẰNG BỂ LẮNG 2

KÍCH THƯỚC DXRXS = 27 X 10 X 2 (M)

CỐT ĐÁY +13M, KẾT CẤU: NÉN ĐẤT, ĐỘ MÃI ĐỐC 1:1





MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2

KÍCH THƯỚC D X R X S = 27 X 10 X 2 (M)

CÓT ĐÁY +13M, KẾT CẤU: NỀN ĐẤT, ĐỘ MÁI DỐC 1:1



GIÁM ĐỐC
Đỗ Chí Phương

CÔNG TY TNHH ĐÁ TỰ NHIÊN NAM GIANG TRƯỜNG LÊ VĂN THƯỜNG, NGUYỄN VĂN ĐỨC	
CÔNG VIỆC	KINH THÁC MỎ ĐÁ VÀ LẮM VỎ ĐÁ THÔNG THƯỜNG, TẬN PHỤ ĐÁ MỎ ĐỂ XÉ
TRẠNG THÁI CÔNG VIỆC	HỆ THỐNG ĐÁI GOM, SỬ DỤNG NƯỚC LƯU, NƯỚC THẢI
BẢNG VẼ HOÀN CÔNG	
BẾ LẮNG 2	
THỜI GIAN	2021
THẺ ĐÁI	2021
1/20	1/20





VIMCERTS 170

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
Thanh Hóa Branch of Standardisation - Metrology and Quality
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Thanh Hóa Technical service Centre for Standards and Quality
Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hóa
Add: Highway 1A, Quang Thinh comue, Thanh Hoa city
E-mail: trungtamtdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM THE TEST RESULTS

Số (N^o): 2168 - TNH(S)/2022

KHÔNG KHÍ

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu 22/12/2022

(date of receipt)

221222/11-12

Số lượng : 02 mẫu.

(Number of)

Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang

Mỏ đá vôi xã Yên Lâm, Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Thời gian phân tích: 22/12/2022 - 30/12/2022

(Time measurement)

TT Oder (1)	Tên chỉ tiêu Items (2)	Phương pháp thử Test method (3)	Đơn vị tính Unit (4)	Kết quả thử Results (5)	
				K1	K2
Quan trắc hiện trường					
1 ^a	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	20,8	20,4
2 ^a	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	%	64,2	63,5
3 ^a	Tốc độ gió	HD-08TB/HS	m/s	0,5÷1,1	0,6÷1,0
4 ^a	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	dB(A)	68÷69	57÷59
Phân tích môi trường					
5 ^a	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	59,6	57,3
6 ^a	CO	SOP.32	µg/m ³	3650	<3500
7 ^b	Bụi (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/m ³	165,9	135,7

Ghi chú:

+ K1: Không khí khu vực khai thác;

+ K2: Không khí khu vực bên ngoài theo hướng Nam cách khu vực mỏ 100m;

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Tô Văn Oanh

TỔ TRƯỞNG

Team Leader

Nguyễn Thị Hào

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hùng Nam

Ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.

- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimcerts 170

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



VIMCERTS 170

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
Thanh Hoa Branch of Standardisation - Metrology and Quality
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Thanh Hoa Technical service Center for Standards and Quality
Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hoá
Add: Highway 1A, Quang Thinh comue, Thanh Hoa city
E-mail: trungtamtdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 2169 - TNH(S)/2022

NƯỚC THẢI

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu 22/12/2022

(date of receipt)

221222/13

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang

Mỏ đá vôi xã Yên Lâm, Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

Thời gian phân tích: 22/12/2022 - 30/12/2022

(Time measurement)

TT Order (1)	Tên chỉ tiêu Items (2)	Phương pháp thử Test method (3)	Đơn vị tính Unit (4)	Kết quả thử Results (5)
				NT
Quan trắc hiện trường				
1 ^a	pH	TCVN 6492:2011	-	6,92
Phân tích môi trường				
2 ^a	Tổng chất rắn lơ lửng	TCVN 6625: 2000	mg/l	48,0
3 ^a	Hàm lượng COD	SMEWW 5220B:2017	mg/l	46,6
4 ^a	Hàm lượng BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	32,8
5 ^a	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	TCVN 6179-1:1996	mg/l	5,24
6 ^a	Coliforms	TCVN 6187-2:1996	MPN/100ml	3,8.10 ³

Ghi chú: + NT: Mẫu nước thải chung thải ra môi trường.

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Nguyễn Thị Ngọc Anh

TỔ TRƯỞNG

Team Leader

Nguyễn Thị Hào

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice Director

TRUNG TÂM

DỊCH VỤ KỸ THUẬT

TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG

CHẤT LƯỢNG

THANH HÓA

VIMCERTS 170

Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.

- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecets 170

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

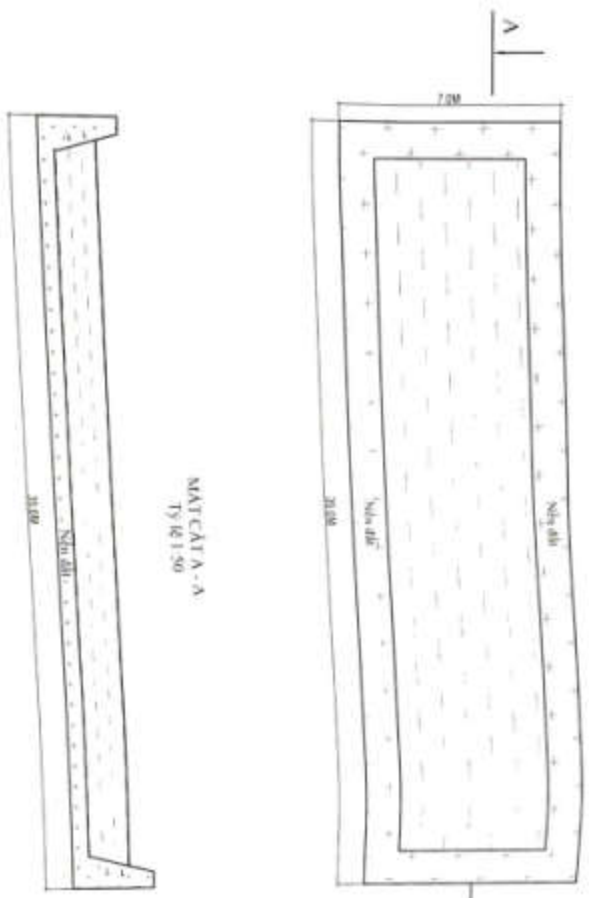
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)

MẶT ĐẲNG HỒI LANG NƯỚC THẢI
(Tỷ lệ 1:50)

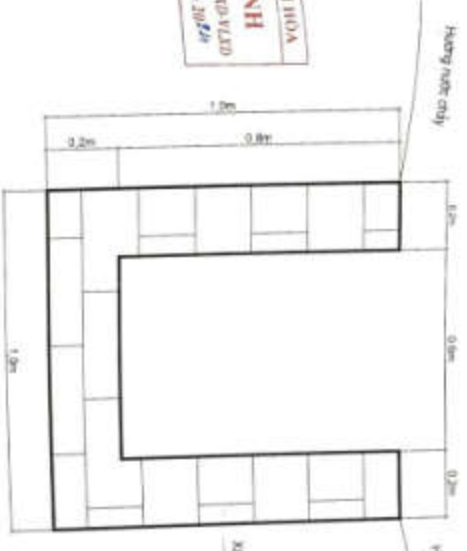


MẶT CẮT A - A
Tỷ lệ 1:50

Khu mô tả với lập thiết kế cơ điện kiến trúc chi tiết vận đơn giằng, công tác tiêu thoát nước sử dụng là phương pháp tự chảy. Các công trình thoát nước chủ yếu là hệ thống rãnh thoát nước và an lũng ghen:

- + Hệ thống rãnh thoát nước, kích thước: dài 65,0 m x rộng 0,8 m x sâu 0,6. Kết cấu: Rãnh gạch, độ mái dốc 1:1.
- + Hồ lắng 1: Kích thước D×R×S = 65,0 x 5,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m. Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.
- + Hồ lắng 2: Kích thước D×R×S = 27,0 x 10,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m. Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.

SỞ XÂY DỰNG THÀNH HÒA
ĐÀ THẨM ĐÌNH
Thị trấn Hòa An - Huyện Đông Anh - TP. HÀ NỘI
Ngày 05 tháng 02 năm 2024



MẶT CẮT NGANG RÃNH THOÁT NƯỚC
(Tỷ lệ 1:20)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ
ĐÀ THẨM ĐÌNH
Thị trấn Hòa An - Huyện Đông Anh - TP. HÀ NỘI
Ngày 05 tháng 02 năm 2024
Kỹ thuật viên

<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ ĐÀ THẨM ĐÌNH Thị trấn Hòa An - Huyện Đông Anh - TP. HÀ NỘI Ngày 05 tháng 02 năm 2024</p>		<p>CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH BÀ TƯ PHƯỚC HÀM QUANG Số 10 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Nguyễn Văn Linh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Số 10 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Nguyễn Văn Linh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội</p>	
<p>CHỨC DANH ĐẠI BIỂU</p>	<p>HỌ VÀ TÊN NGUYỄN VĂN LINH</p>	<p>CHỨC DANH ĐẠI BIỂU</p>	<p>HỌ VÀ TÊN NGUYỄN VĂN LINH</p>
<p>CHỮ KÝ</p>		<p>CHỮ KÝ</p>	
<p>CHỖ ĐÓNG CHỮ</p>	<p>CHỖ ĐÓNG CHỮ</p>	<p>CHỖ ĐÓNG CHỮ</p>	<p>CHỖ ĐÓNG CHỮ</p>

DÀN VẼ CÁC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC
(BỘ CHỮ CHỮ SỐ 01/2024)

<p>Ngày vẽ</p>	<p>Tỷ lệ</p>	<p>ĐVT/C: 25</p>
<p>01/2024</p>	<p>1:1 500</p>	<p></p>

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

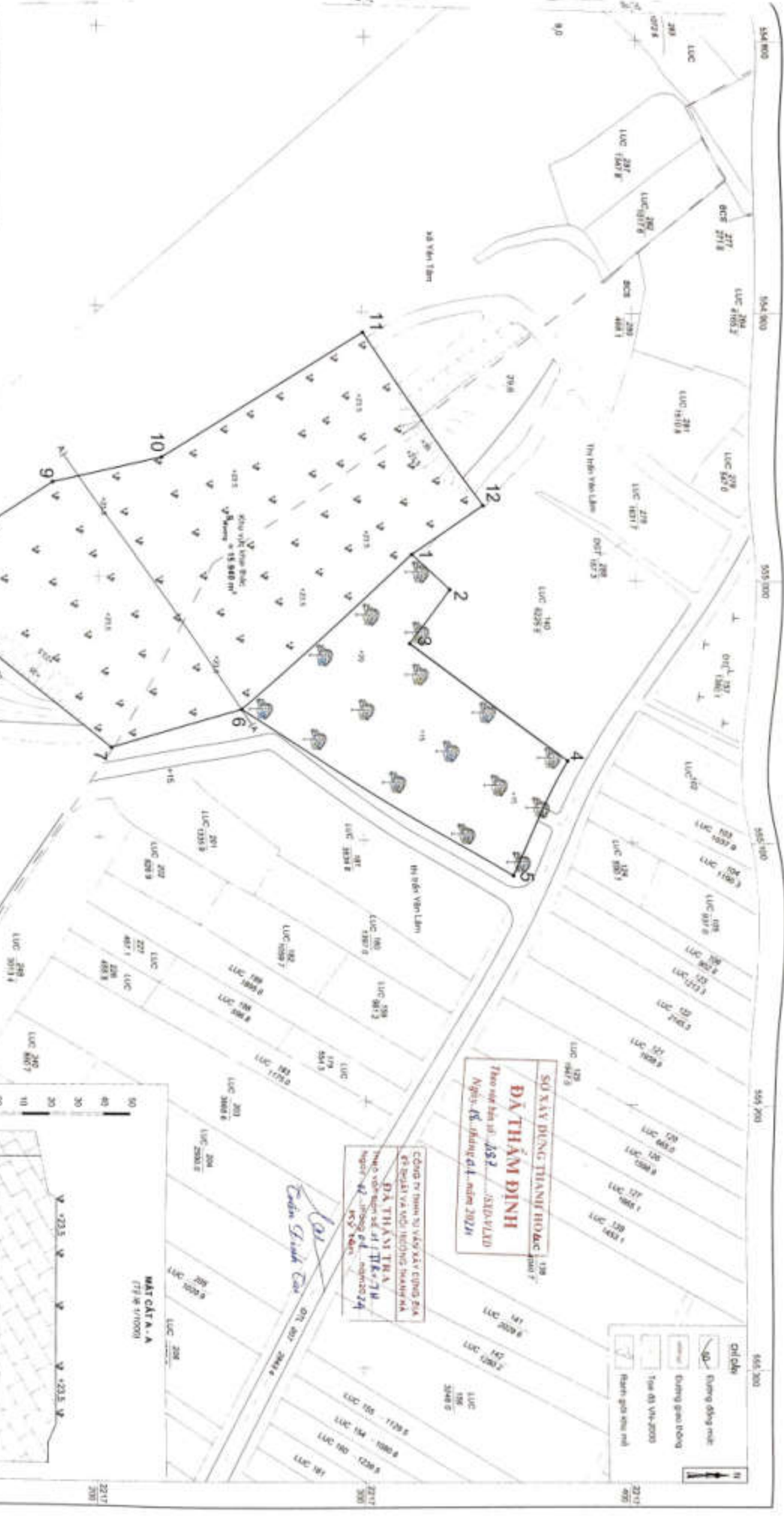
STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4

STT	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
2	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
3	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
4	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
5	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
6	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
7	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
8	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
9	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
10	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
11	2217 317,4	554 907,4	554 907,4
12	2217 317,4	554 907,4	554 907,4



SƠ XÂY DỰNG THÁNG HOẠC
ĐÀ THÂM ĐÌNH
 Theo hợp đồng số 22/SL-STE/VILO
 Ngày 15 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐÀ
 63 BÊN LỀ VÀO HƯỚNG THANH HÓA
ĐÀ THÂM ĐÌNH
 Ông Võ Văn Sỹ, Giám đốc
 Ông Nguyễn Văn Sỹ, Phó Giám đốc

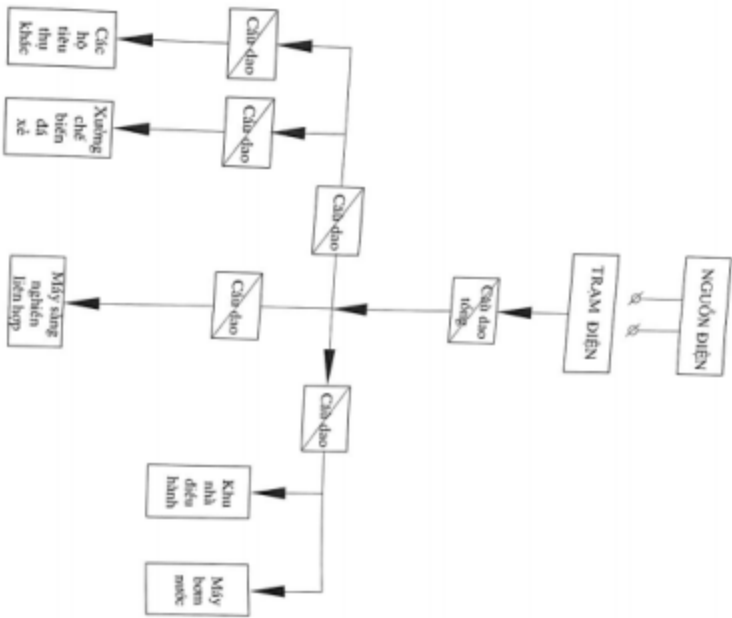
MẶT CÁT A
 (Tỷ lệ 1/1000)



BẢN ĐỒ CHỈ DẪN, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(KẾ HOẠCH THÁNG HOẠC 01/2024)

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	NGÀY CHỮ KÝ
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	NGÀY CHỮ KÝ
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	NGÀY CHỮ KÝ
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	NGÀY CHỮ KÝ

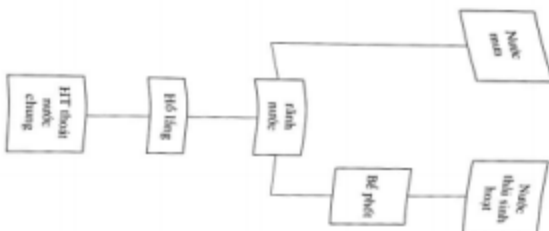
SƠ ĐỒ CUNG CẤP ĐIỆN



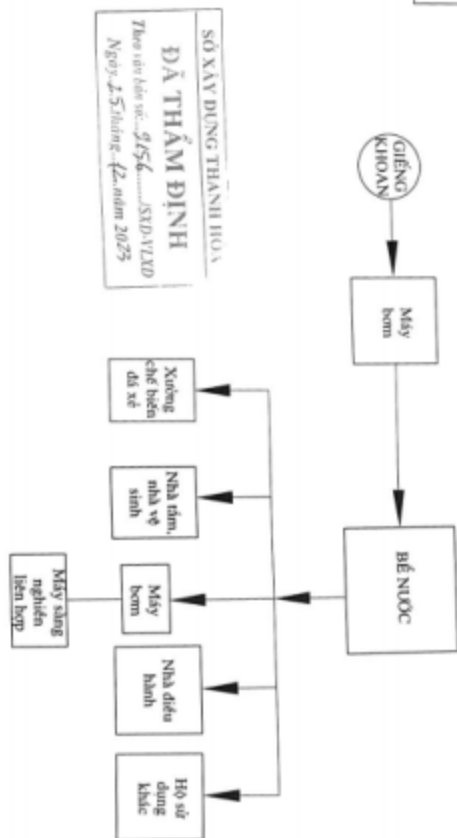
SƠ ĐỒ CUNG CẤP KHÍ NÉN



SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI



SƠ ĐỒ CUNG CẤP NƯỚC



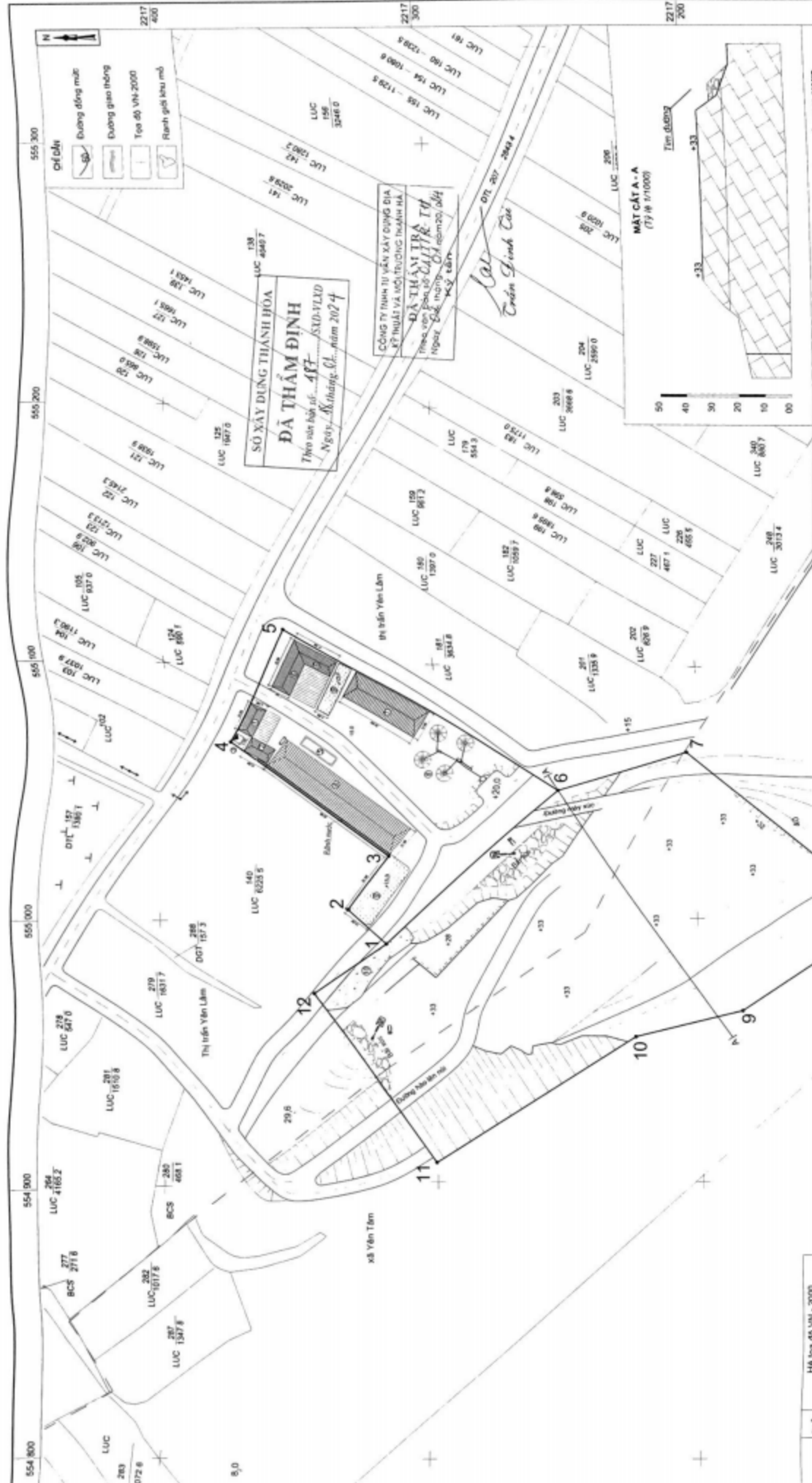
SỞ XÂY DỰNG THÀNH HỒA
ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Theo số tài liệu: 9/256.../SXD-VTXD
 Ngày: 25/Tháng 12- năm 2025

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
 TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ
 VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HỒA
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG THÀNH HỒA
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ: 12/2023
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ: 12/2023
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ: 12/2023

<p>CHỖ ĐÁO TỤ CÔNG TY TNHH BÀ TƯ ANH NHIÊN NAM QUẢNG KINH VỆ THIẾT KẾ CƠ SỞ CẤP NƯỚC THÀNH QUẢNG MIỆNG MIỀN BẮC VÀ KHU LÃM VỊNH TRƯỜNG THÀNH HỒA, TỈNH MIỀN BẮC, TỈNH MIỀN BẮC VÀ KHU LÃM VỊNH, MIỀN BẮC</p>		<p>CHỖ ĐÁO TỤ CÔNG TY TNHH BÀ TƯ ANH NHIÊN NAM QUẢNG KINH VỆ THIẾT KẾ CƠ SỞ CẤP NƯỚC THÀNH QUẢNG MIỀN MIỀN BẮC VÀ KHU LÃM VỊNH TRƯỜNG THÀNH HỒA, TỈNH MIỀN BẮC, TỈNH MIỀN BẮC VÀ KHU LÃM VỊNH, MIỀN BẮC</p>	
<p>CHỨC DANH</p>	<p>HỌ VÀ TÊN</p>	<p>CHỨC DANH</p>	<p>HỌ VÀ TÊN</p>
<p>QUẢN ĐỐC</p>	<p>LÊ VĂN HỒE</p>	<p>CHỨC TRƯỞNG</p>	<p>TRẦN VĂN HỒE</p>
<p>CHỨC TRƯỞNG</p>	<p>TRẦN VĂN HỒE</p>	<p>CHỨC TRƯỞNG</p>	<p>TRẦN VĂN HỒE</p>
<p>THỜI GIAN</p>	<p>12/2023</p>	<p>THỜI GIAN</p>	<p>12/2023</p>
<p>THỜI GIAN</p>	<p>12/2023</p>	<p>THỜI GIAN</p>	<p>12/2023</p>

**SƠ ĐỒ CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC,
 THOÁT NƯỚC VÀ KHÍ NÉN**
 (MẪU CHỈNH TRẮNG 12/2023)

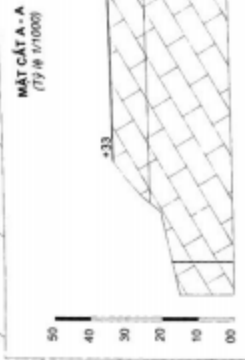
Họ tên: 12/2023
 Tỷ lệ: 1/1.000
 BVT/KCS.19



SỞ XÂY DỰNG THÀNH HÒA
ĐÁ THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số 457/SXD-VLĐD
 Ngày 18 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỊA
 KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÀ
ĐÁ THẨM TRẮC TỰ
 Thành viên của Công ty Cổ phần
 Ngành Dịch vụ môi trường và địa kỹ thuật
 KÝ SẴN

Chân Chính Cao
 Trưởng Đơn vị

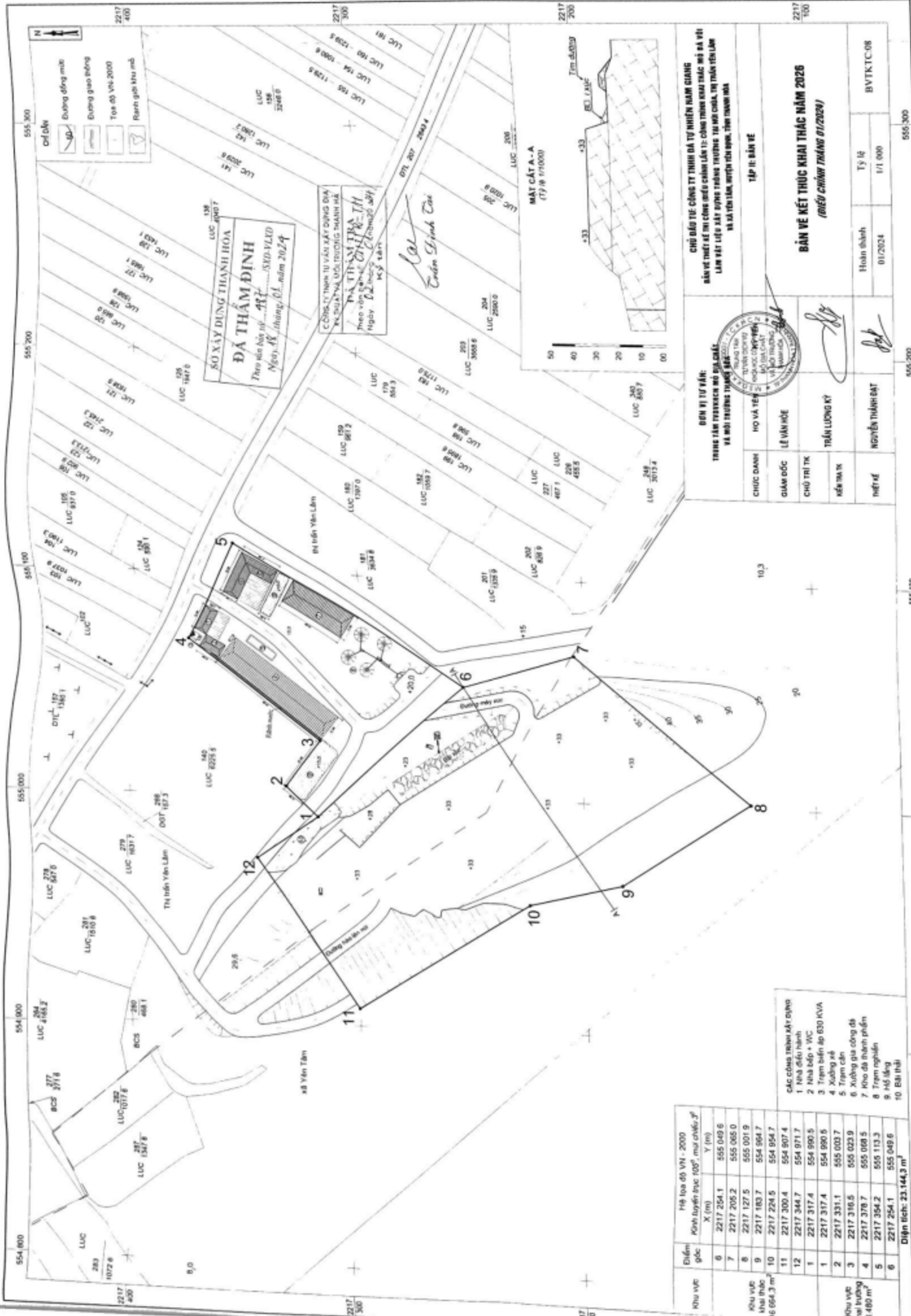


CHỖ ĐÓN TỤ CÔNG TY TNHH ĐÁ TƯ NGHIỆP NAM GIANG
 BẢN VẼ THIẾT KẾ MẶT CẮT A-A LƯỚI 1:20 CHỖ ĐÓN TỤ CÔNG TY TNHH ĐÁ TƯ NGHIỆP NAM GIANG
 LÀM VIỆC VIỆT LIỆU ĐƠN VỊ TRƯỞNG TỰ NƠI CÔNG VIỆC VÀ TRẢI NGHIỆM LÀM
 VIỆC VÀ XÂY DỰNG, NGUYỄN VĂN HỮU, LÊN THƯỜNG HỮU

BỘN HỒ TỰ SẴN: TRƯỜNG LÊN THƯỜNG HỮU (CHỖ ĐÓN TỤ) VÀ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN VĂN HỮU (LÊN THƯỜNG HỮU)		TẬP LỀ BẢN VẼ	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	HOÀN THÀNH	Tỷ lệ
GIÁM ĐỐC	LÊ VĂN HỮU	01/2024	1/1 000
CHỦ TRƯỞNG	TRẦN LƯƠNG KỶ		
KÊM HẠNH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH ĐẠT		

CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 1 Nhà điều hành
 2 Nhà bếp + WC
 3 Trạm biến áp 500 KVA
 4 Xưởng sửa
 5 Trạm cần
 6 Xưởng gia công đá
 7 Kho đá thành phẩm
 8 Trạm nghiền
 9 Hồ lắng
 10 Bể thải

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000		Diện tích: 23.144,3 m ²
		X (m)	Y (m)	
Khu vực khai thác 16.654,3 m ²	6	2217 254 1	555 049 6	
	7	2217 205 2	555 065 0	
	8	2217 127 5	555 001 9	
	9	2217 183 7	554 964 7	
	10	2217 224 5	554 954 7	
	11	2217 300 4	554 907 4	
Khu vực khai thác 6.480 m ²	1	2217 344 7	554 971 7	
	2	2217 317 4	554 990 5	
	3	2217 317 4	554 990 5	
	4	2217 317 4	554 990 5	
	5	2217 331 1	555 003 7	
	6	2217 316 5	555 023 9	
Khu vực khai thác 6.480 m ²	7	2217 378 7	555 068 5	
	8	2217 354 2	555 113 3	
	9	2217 254 1	555 049 6	
	10	2217 254 1	555 049 6	



CHỦ ĐÁO TỰC CÔNG TY TNHH DẠ TỰ NHIÊN NAM GIANG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG CHI TIẾT LẦN 1: CHỈ THỊ VÀO CÔNG TRÌNH VÀ NHẢY
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỚC THUẬN TÀI MỘT CHỖ, TỰ THỰC HIỆN
VÀ SỬ DỤNG SẴN SẴN CHỖ SẠCH, TỰ NHIÊN NHÀ

ĐƠN VỊ TỰ VẤN:
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH ĐẠT

CHỨC DANH: HO VÀ TÊN: **TRẦN LƯƠNG KÝ**
QUẢN ĐỐC: LÊ VĂN HỒ
CHỦ THÌ TK: **TRẦN LƯƠNG KÝ**
KẾ TOÁN TK: **NGUYỄN THÀNH ĐẠT**
NGƯỜI DẪN: **NGUYỄN THÀNH ĐẠT**

TẬP HỒ BÀN VẼ

BẢN VẼ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 2026
(ĐIỀU CHỈNH THÁNG 01/2024)

Hoàn thành: 01/2024
 Tỷ lệ: 1/1.000
 BVT/KTC-08

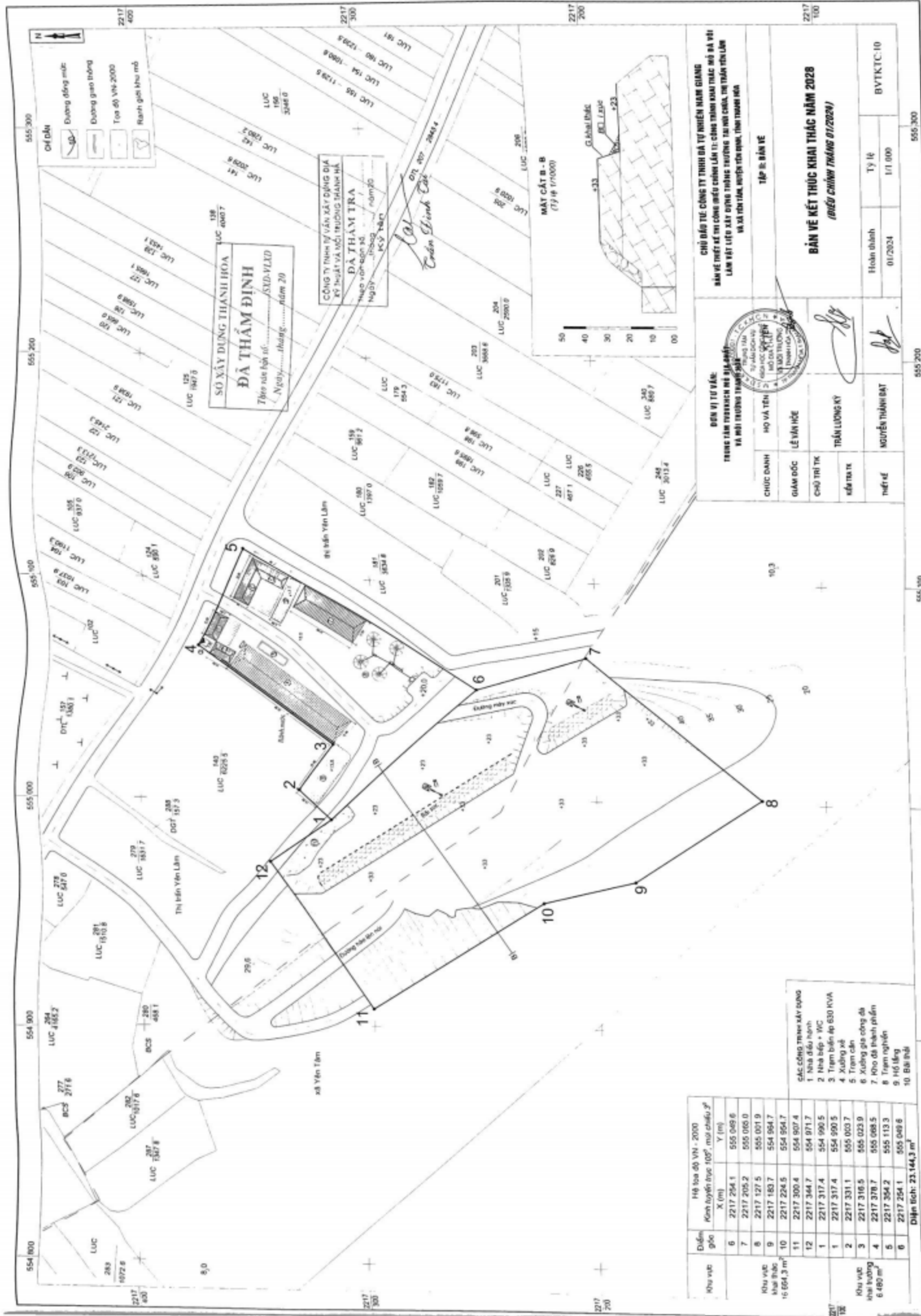
CÁC CÔNG TRÌNH SẴN DỰNG

- Nhà điện hành
- Nhà bếp + WC
- Trạm biến áp 630 KVA
- Xưởng xe
- Trạm cứu
- Xưởng gara công đá
- Khu đá thanh phẩm
- Trạm nghiền
- Hố lắng
- Bể thu nước

Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000	
	X (m)	Y (m)
6	2217 254.1	555 049.6
7	2217 200.2	555 065.0
8	2217 127.5	555 001.9
9	2217 183.7	554 964.7
10	2217 224.5	554 954.7
11	2217 300.4	554 907.4
12	2217 344.7	554 971.7
1	2217 317.4	554 990.5
2	2217 317.4	554 990.5
3	2217 331.1	555 003.7
4	2217 316.5	555 023.9
5	2217 378.7	555 058.5
6	2217 354.2	555 113.3
6	2217 254.1	555 049.6

Diện tích: 33.144,3 m²

Khu vực	Diện tích (m ²)
Khu vực khai thác	6.480 m ²
Khu vực	16.664,3 m ²
Khu vực	6.480 m ²



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC ĐÀ THẨM ĐỊNH
 KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
 ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Ngày: 15/08/2024
 PCY: 15/08/2024

SỞ XÂY DỰNG THÀNH HÒA
ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Tên dự án: ...
 Ngày: ... tháng ... năm 20...

CHỖ ĐÓNG TÜR CÔNG TỶ THƯỜNG ĐÀ TỰ TRIỂN NAM GIANG
BẢN VẼ KẾT THÚC CÔNG TRÌNH LÊN TI: CÔNG TRÌNH HOẠ THỰC MÔ ĐÀ VÀ
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THƯỜNG TẠM NHỎ CHỮA THỦY VĂN VÀ
VÀ SỬ DỤNG MẶT CÁT B - B (7/9/1/10/2024)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: TRUNG TÂM PHONG KẾ HOẠCH VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC ĐÀ THẨM ĐỊNH VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH SÀI GÒN		TÊN DỰ ÁN: ĐÀ THẨM ĐỊNH	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
QUẢN ĐỐC	LÊ VĂN HỒ	TRẦN LƯƠNG KỶ	
CHỦ THÌ TK		KHAI THÁC	
THIẾT KẾ		THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ		THIẾT KẾ	

BẢN VẼ KẾT THÚC KHAI THÁC NĂM 2028
(NGÀY CHẤM THÁNG 01/2028)

Hoàn thành: 01/2024
 Tỷ lệ: 1/1.000
 BVT/KTC: 10

STT	Mô tả	Diện tích (m ²)
1	Nhà điều hành	554 907.4
2	Nhà bếp + WC	554 971.7
3	Trạm biến áp 630 KVA	554 990.5
4	Xưởng xe	554 990.5
5	Trạm cứu	555 003.7
6	Xưởng gia công đá	555 023.9
7	Kho đã thành phẩm	555 088.5
8	Trạm nghiền	555 113.3
9	Hố lắng	555 049.6
10	Bãi đỗ	554 900.0

GÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

- Nhà điều hành
- Nhà bếp + WC
- Trạm biến áp 630 KVA
- Xưởng xe
- Trạm cứu
- Xưởng gia công đá
- Kho đã thành phẩm
- Trạm nghiền
- Hố lắng
- Bãi đỗ

Điểm	Hệ tọa độ VN - 2000	Diện tích (m ²)
1	X (m) Y (m)	
2	2217 254.1 555 049.6	
3	2217 205.2 555 065.0	
4	2217 127.5 555 071.9	
5	2217 183.7 554 994.7	
6	2217 224.5 554 954.7	
7	2217 300.4 554 907.4	
8	2217 344.7 554 971.7	
9	2217 317.4 554 990.5	
10	2217 317.4 554 990.5	
11	2217 331.1 555 003.7	
12	2217 316.5 555 023.9	
13	2217 378.7 555 088.5	
14	2217 354.2 555 113.3	
15	2217 254.1 555 049.6	
Diện tích: 23.144,3 m²		



SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA
ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Theo số báo số: 4837 - SXD-VLSD
 Ngày: 08. tháng 04. năm 2024

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NHÀ
 KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
ĐÀ THẨM TRẠ
 Mã số doanh nghiệp: 1312/2019
 Ngày: 04. tháng 04. năm 2019
 K.V. Yên

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HIỆN NANG GIANG
 Bản vẽ thiết kế thi công (nếu có) lần 1: công trình kiến trúc, nội thất và
 LAM MẶT LƯỚI MÁI CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TAY HỒ CHÁNH, THÔN YÊN LÂM
 VÀ XÃ YÊN LÂM, HUYỆN YÊN LÂM, TỈNH THANH HÓA

BẢN ĐỒ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
 (ĐIỀU CHỈNH THEO SỐ 01/2024)

ĐẾN VI TỰ VẤN:
 TRANH TÂM TRANTRACH MÃ SỐ 001
 VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA

CHỨC DANH | **HỌ VÀ TÊN**
QUẢN ĐỐC | **LÊ VĂN HÒE**
CHỦ TRƯỞNG | **TRẦN LƯƠNG KỶ**
THIẾT KẾ | **NGUYỄN THÁNH DŨNG**

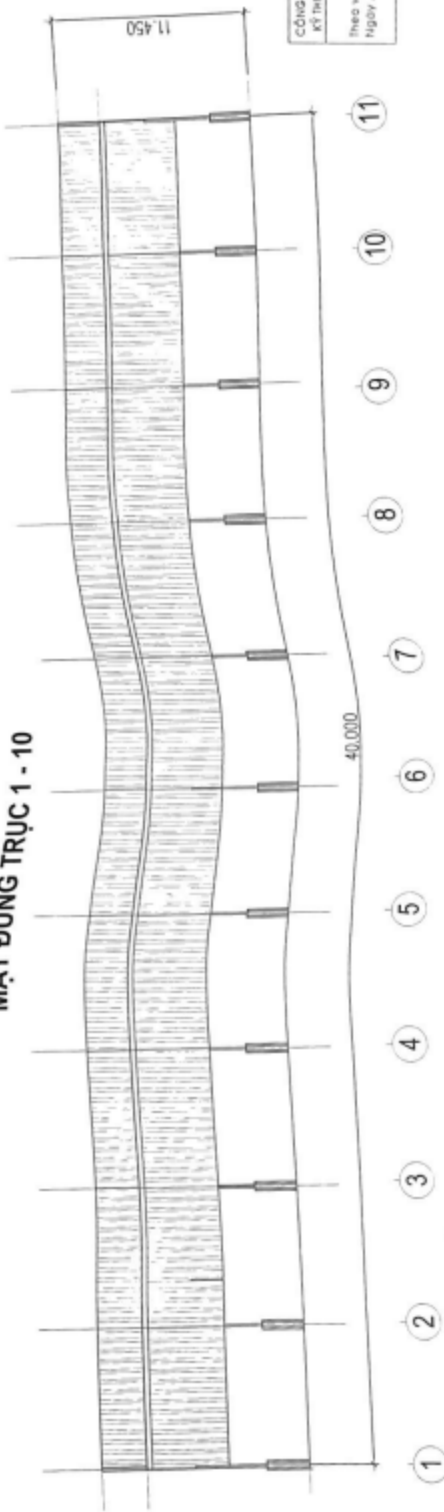
TẬP THỂ BẢN VẼ

Ngày: 08. tháng 04. năm 2024

Khu vực	Hệ tọa độ VN - 2000	
	X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 16.654,3 m ²	6	2217 254 1 555 049 0
	7	2217 205 2 555 065 0
	8	2217 127 5 555 001 9
	9	2217 183 7 554 954 7
	10	2217 224 5 554 954 7
	11	2217 300 4 554 907 4
Khu vực khai thác 6.480 m ²	12	2217 344 7 554 971 7
	1	2217 317 4 554 990 5
	2	2217 331 1 555 032 9
	3	2217 316 5 555 022 9
	4	2217 378 7 555 068 5
	5	2217 354 2 555 113 3
6	2217 254 1 555 049 0	

Diện tích: 23.144,3 m²

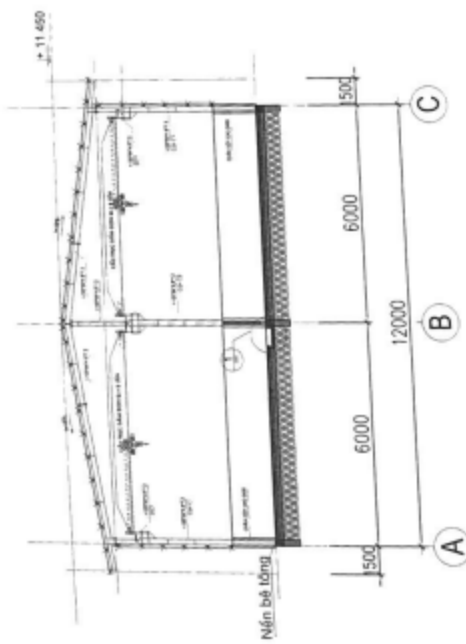
MẶT ĐỨNG TRỰC 1 - 10



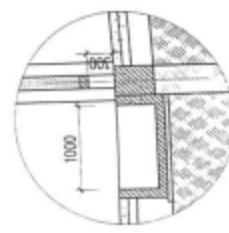
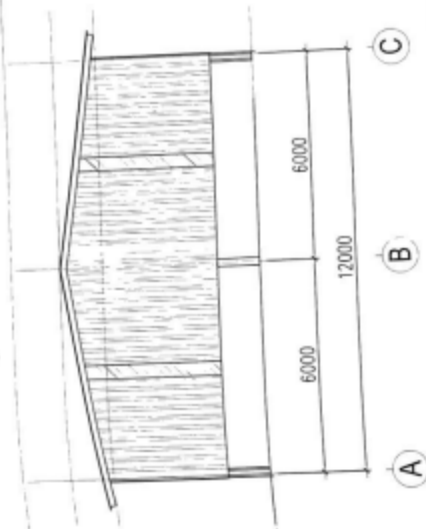
CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CẦU
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
ĐÀ THẮM ĐỊNH
Theo văn bản số
Ngày tháng năm 20.....
Ký tên
Lai
Chấn Đình Đào

MẶT CẮT A-A

SỐ XÂY DỰNG THANH HÓA
ĐÀ THẮM ĐỊNH
Theo văn bản số
Ngày tháng năm 20.....



MẶT ĐỨNG TRỰC A - C



CHI TIẾT 1
TỶ LỆ 1:25

- GHI CHÚ**
- Các cấu kiện của khung được làm từ thép I (120 x 64 x 4.8) mm có $r = 2100 \text{ kg/cm}^2$
 - Sau khi gia công xong, các cấu kiện được làm sạch bằng phun cát, sau đó được sơn phủ 01 lớp
 - Đường hàn liên kết các cấu kiện là đường hàn góc (hàn bằng máy dài suốt chiều dài liên kết)
 - Sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu
 - Cột chịu bằng thép I, số lượng 18 cột
 - Nền đỡ bê tông mác M200, dày 20 cm

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH DÀ TỰ NHIÊN THANH GIANG
BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH SỐ 11. CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỘT ĐÀ VÀ 04 VỊ
LÀM VƯỢT LƯỚI XÂY DỰNG TRƯỜNG THƯỜNG LÊN MỞ CỬA, NG. TRẦN VĂN LÂN
VIA.33 HẸN TẠM, MƯỜNG TÍCH HÒA, THƯỜNG HÓA

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	HỌ ĐA CHỨC DANH	CHỖ ĐÓNG CHỮ
QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH	LI VĂN HỒ		
CHỦ TRÌ TK	TRẦN LƯƠNG KỶ		
VIÊN TRƯỞNG TK			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH DẠT		
	Hoàn thành	Tỷ lệ	BVTKTC-30
	01/2024	1/1.000	

BẢN VẼ XƯỜNG XÉ ĐÀ (PHẦN KẾT CẤU)
(MỖU CHỖN THÁNG 01/2024)

TẬP II. BẢN VẼ

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5
- 6
- 7
- 8
- 9
- 10
- 11



SỞ VÀ ĐÌNH THANH HÓA
ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Địa chỉ: ...
 Ngày: ... tháng ... năm 20...

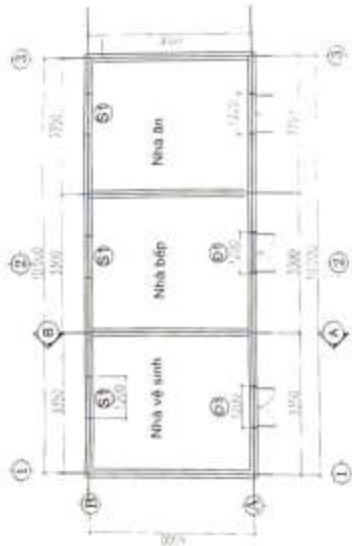
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ
ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Địa chỉ: ...
 Ngày: ... tháng ... năm 20...

GHI CHÚ:
 - MÀU LỚP TỖN SÔNG 0,4 MM
 - HỆ THỐNG XÀ GỖ THÉP U (80 X 40 X 4) MM
 - DIỆN TÍCH MÀN: 480 M² X 120% = 576 M²

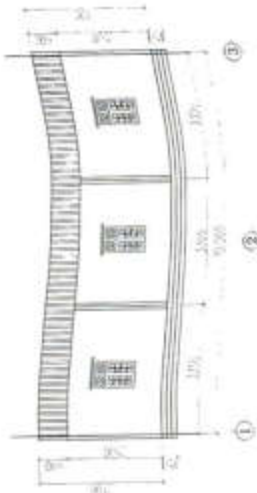
BẢN VẼ THỰC TRƯỜNG TÂM (TRƯỜNG) VÀ CÁC CHỖ VÀ MÔI TRƯỜNG (SÂN) VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ ĐÀ THẨM ĐỊNH Địa chỉ: ... Ngày: ... tháng ... năm 20...	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
QUẢN LÝ	LE THÁI QUANG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
CHỦ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN QUANG	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
PHỤ TRƯỞNG	...	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
THỰC HIỆN	...	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
...	...	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN

BẢN VẼ XƯƠNG KẾ MÀN (PHẦN MẶT BẰNG MÀN)
 (MÀN CHỖ THỰC HIỆN 01/2024)

Họ và tên: ...
 Ngày: 01/2024
 Chức vụ: ...
 Ký hiệu: ...
 Ký hiệu: 01/2024

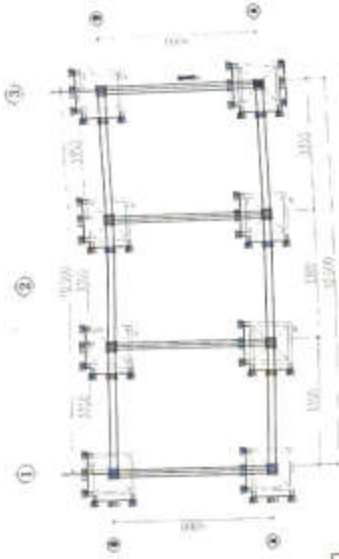


MẶT BẰNG

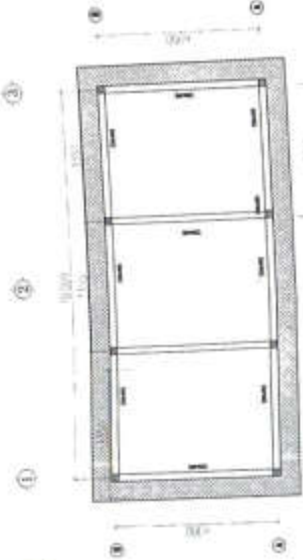


MẶT ĐÔNG TRỤC 3-1

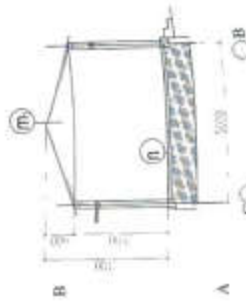
SỞ XÂY DỰNG THÀNH HÒA
ĐÀ THẠM ĐÌNH
 Trụ sở: Số 17, Ngõ 2, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
 Ngày lập: tháng 07 năm 2024



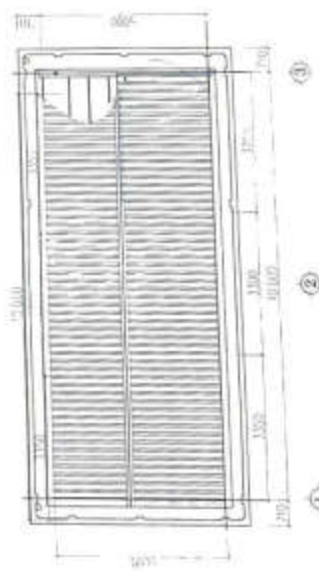
MẶT BẮC CẮT VÁCH



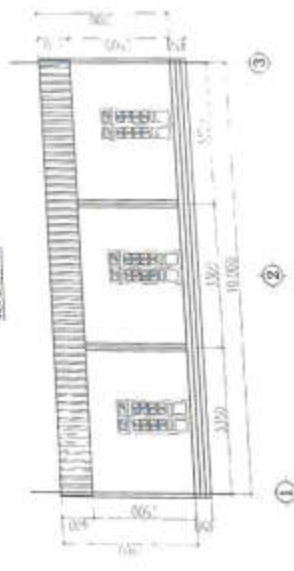
MẶT PHẪNG CẮT CỬA



MẶT ĐÔNG TRỤC 3-2



MẶT BẮC MÀN



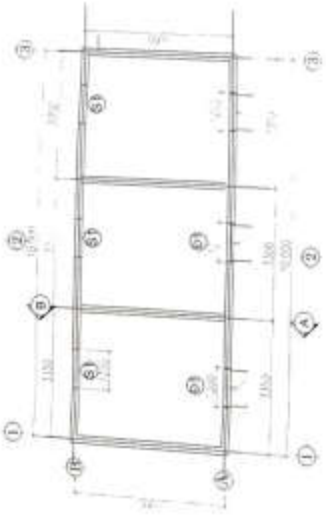
MẶT ĐÔNG TRỤC 1-2

CÔNG TY THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÀ
 KỸ THUẬT VÀ UỐT: NGUYỄN VĂN AN
ĐÀ THẠM TRẦN
 Theo văn bản số 01/774.4.2.2.1
 Ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Kỹ sư

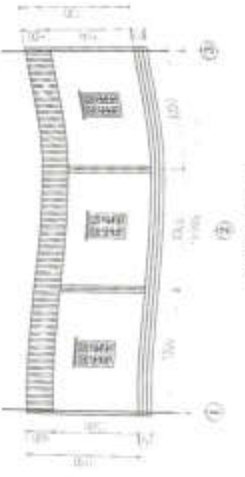
Đà Thạm Trần
 Trưởng Đơn vị

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÒA SỐ 17, NGÕ 2, ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH BÀ TỴ MIỀN NAM ĐƯƠNG BÀ TỴ MIỀN NAM ĐƯƠNG LAM HAT LIEU XAY DỰNG THƯƠNG TRUYỀN TÀI SẢN CHỐI, THẺ MIỀN TÂY LAM VÀ XÂY DỰNG NỘI THẤT NỘI DUNG TÍNH TOÁN NHÀ	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	TẬP THỂ BẮN VẼ	
QUẢN LÝ	LÊ VĂN HÒE		
CHỦ TRÌ TH	TRẦN LƯƠNG KÝ		
KẾT TRÚC			
THỜI GIAN			
HOÀN THÀNH 01/2024		TỶ LỆ 1/1.000	
BẮN VẼ BẾP + WC (MẸO CHỮA TRƯỜNG 01/2024)		BVT/KTC.27	

ĐƠN CHẤM
 MẪU CHẤM CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 MẪU CHẤM CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 MẪU CHẤM CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

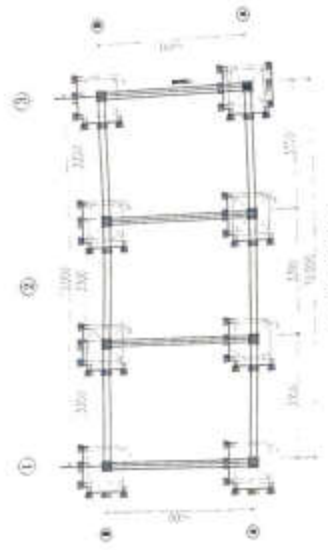


MẶT BẰNG

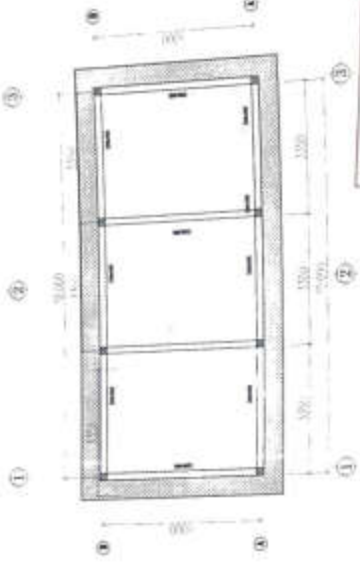


MẶT PHÒNG BẾC 1.1

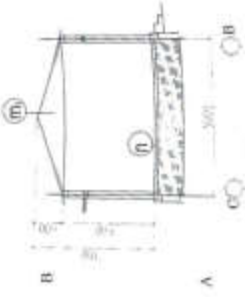
SỞ XÂY DỰNG THÀNH HỒA
ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Thời gian làm việc: 01/2024
 Ngày: tháng năm 20



MẶT NHÀ CỘT CẦU



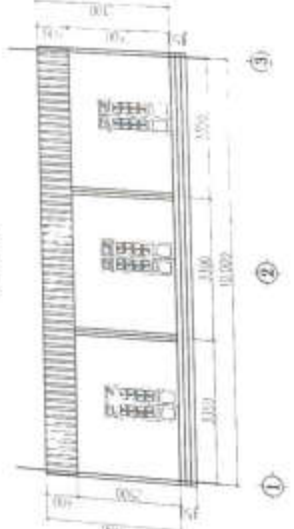
MẶT NHÀ CỘT CẦU



MẶT PHÒNG BẾC 1.1



MẶT MANG MẶT



MẶT PHÒNG BẾC 1.1

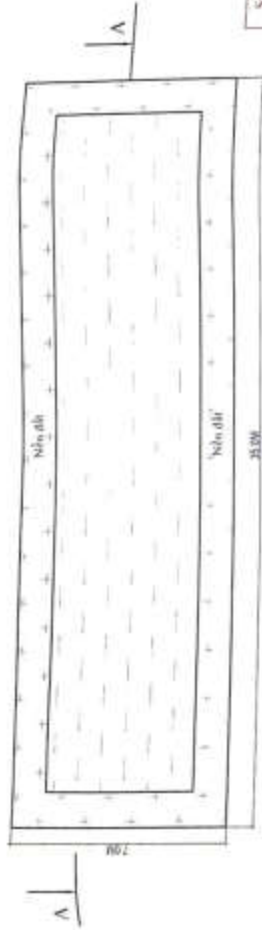
CÔNG TY THIẾT KẾ VÀN SẮC DỰNG ĐÀ
 KỸ THUẬT VÀ KIẾN TRÚC THÀNH HỒA
ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Thời gian làm việc: 01/2024
 Ngày: tháng năm 20

Lai
 Trần Văn Lai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ KIẾN TRÚC THÀNH HỒA VÀ NHỊ TRUNG THÀNH ĐÀ NẴNG		CHỨC DANH: HO VÀ TÊN QUẢN LÝ: LÊ VĂN HÒE CHỦ TRÌ TK: TRẦN LƯƠNG KỶ KIỂM TRA TK: NGUYỄN THÀNH BÁT		TẬP D. BẢN VẼ BẢN VẼ NHÀ ĐIỀU HÀNH (ĐIỀU CHỈNH NGÀY 01/2024)	
CHỖ BẢO TỒN CÔNG TY TNHH ĐÀ VÀ NHỊ TRUNG THÀNH HỒA BẢN VẼ THIẾT KẾ TỪ CÔNG TIẾP CẬN LÊN TỪ CÔNG TRÌNH KHÁC MỘT SỐ VÀ VỚI LAM VÀI LƯỚI XÂY DỰNG TRƯỜNG THƯỜNG TẬP HỢI CHƠI, TRÒ CHƠI TÊN LAM VÀ VÀ TÊN LAM, MỘT SỐ TÊN KHÁC, TÊN TRƯỜNG HỒA		CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI		Họ tên thành viên 01/2024 Tỷ lệ 1/1 000	
BẢNG CHỨC DANH VÀ TÊN		NGUỒN THÀNH BÁT		BV/KTC.26	

CHỖ CHỮA LƯỚI
 CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI
 CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI
 CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI
 CHỖ CHỮA LƯỚI: CHỖ CHỮA LƯỚI

MẶT BẰNG HỒ LẮNG NƯỚC THẢI
(Tỷ lệ 1:50)



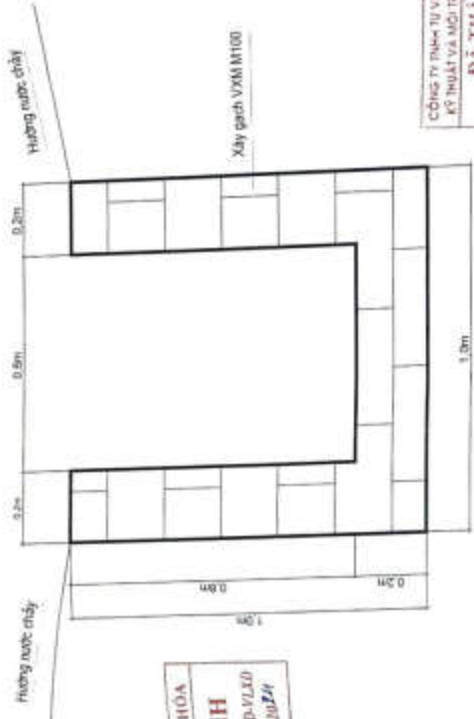
MẶT CẮT A-A
Tỷ lệ 1:50



Khu mô đã với lập thiết kế có điều kiện địa chất thủy văn đơn giản, công tác tiêu thoát nước sử dụng là phương pháp tự chảy. Các công trình thoát nước chủ yếu là hệ thống rãnh thoát nước và ao lắng gồm:

- + Hệ thống rãnh thoát nước, kích thước: dài 65,0 m x rộng 0,8 m x sâu 0,6. Kết cấu: Bê tông gạch, độ mái dốc 1:1, độ dốc dọc rãnh 1 = 5%.
- + Hồ lắng 1: Kích thước DxDxS = 65,0 x 5,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m; Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.
- + Hồ lắng 2: Kích thước DxDxS = 27,0 x 10,0 x 2,0 m, cốt đáy +13,0 m, Kết cấu: Nền đất, độ mái dốc 1:1.

MẶT CẮT NGANG RÃNH THOÁT NƯỚC
(Tỷ lệ 1:20)



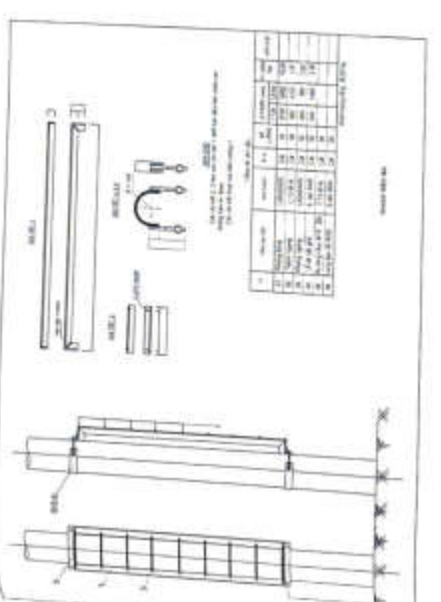
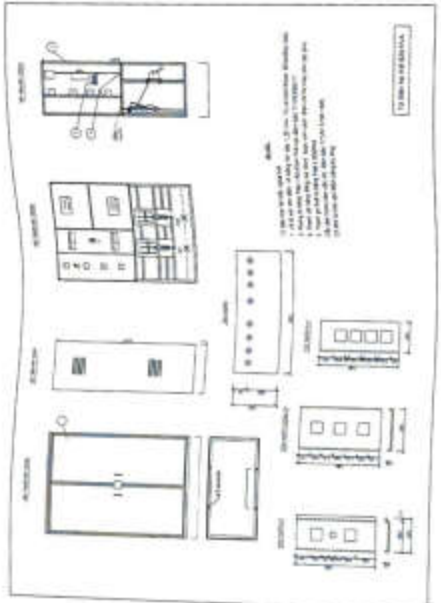
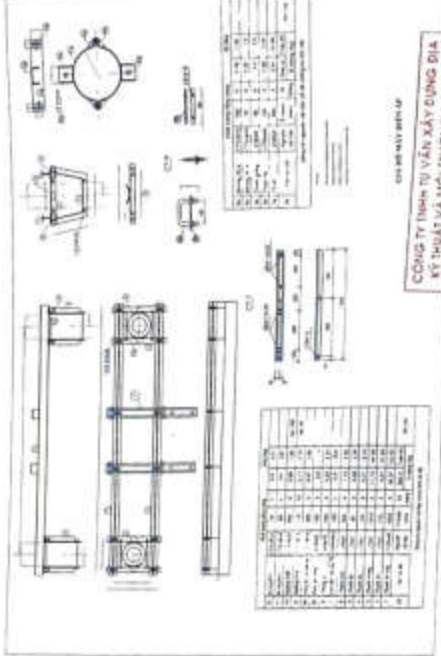
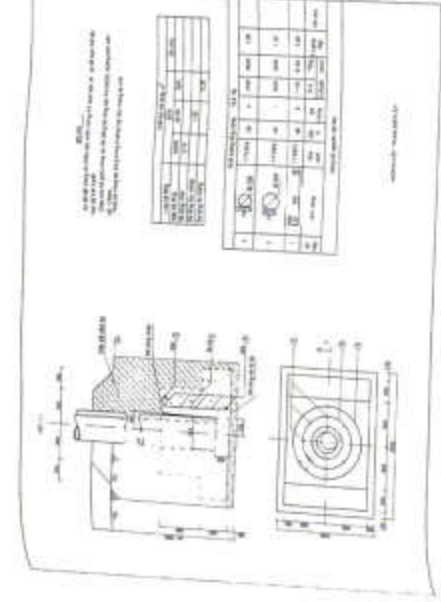
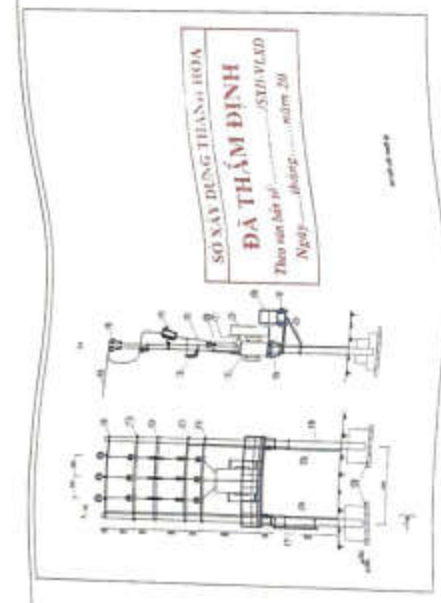
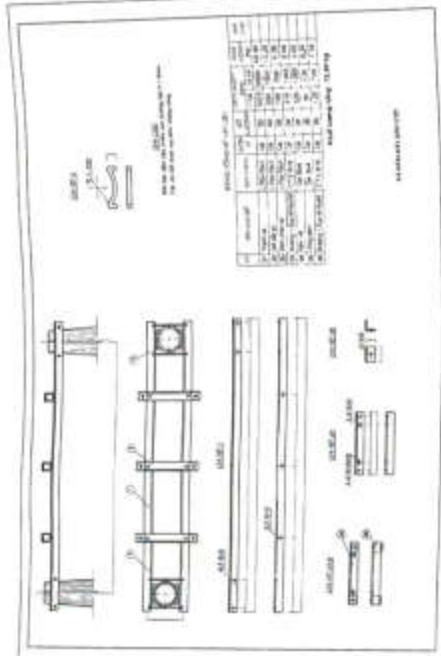
SƠ XÂY DỰNG THÀNH HÓA
ĐÀ THẨM ĐỊNH
Theo số hồ sơ: **477-35XD-VLKD**
Ngày: **15 tháng 04 năm 2024**

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỊA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÓA
ĐÀ THẨM TRƯA
Thập vận đơn số: **011TR-TP**
Ngày: **02 tháng 04 năm 2024**
Ký tên: *Đàm Thẩm Trưa*

Đàm Thẩm Trưa

BÊN TƯ VẤN: TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỊA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÓA (Seal)		CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐÀ TỰ NHIÊN NAM GIANG Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Seal)	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	Họ tên thành	Tỷ lệ
GIÁM ĐỐC	LÊ VĂN HỒ	01/2024	1/1.000
CHỦ TRƯỞNG	TRẦN LƯƠNG KỶ		
KHAI TRƯỞNG			
THẺ	NGUYỄN THÀNH ĐẠT		BVTKTC.25

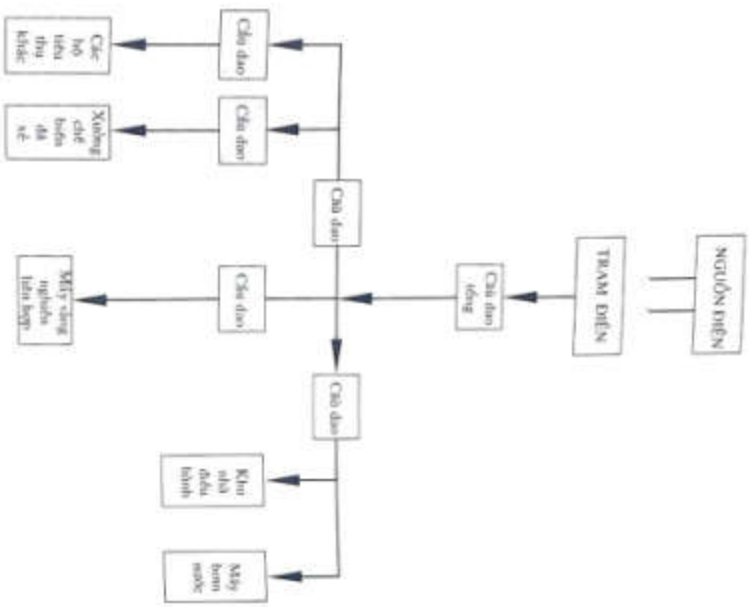
BẢN VẼ CÁC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC
(ĐIỀU CHỈNH NGÀY 01/2024)



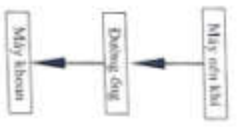
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỊA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐÀ THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số...
 Ngày... tháng... năm 20...
 Ký tên: *[Signature]*

ĐƠN TƯ VẤN: TRUNG TÂM TÀI CHÍNH MÔ BUA CHẾ VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NGUYỄN VĂN GIANG BẢN KẾ THIỆT KẾ THỦ CÔNG TRIỂN CHƠI LẦN 11: CÔNG TRÌNH KHU NHÀ MÀU VÀ VƯỜN XÂY DỰNG XÂY DỰNG TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ VÀ THIẾT KẾ.	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN		
QUẢN ĐỐC	LÊ VĂN HỒ		
CHỦ TRÌ TK	TRẦN LƯƠNG KỶ		
KẾN TRÚC			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Hoàn thành 01/2024	Tỷ lệ 1/1.000
BẢN VẼ TRẠM BIẾN ÁP (630 KVA) (MÔĐÚN CHÍNH THÁNG 01/2024)		TẬP 3: BẢN VẼ	
		BVTKTC-24	

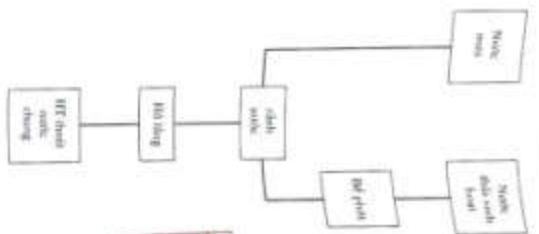
SƠ ĐỒ CÔNG CẤP ĐIỆN



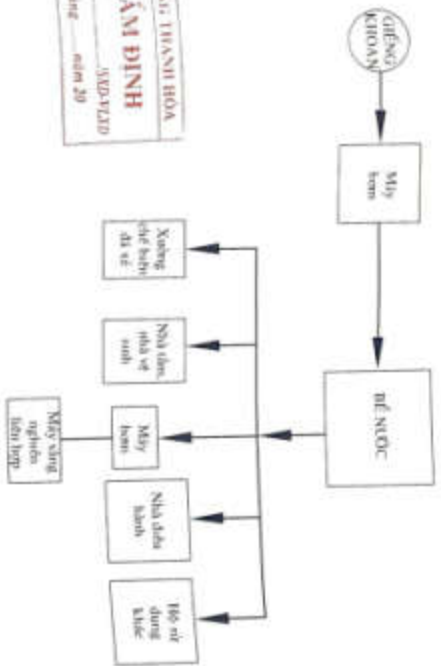
SƠ ĐỒ CÔNG CẤP KHÍ NÉN



SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI



SƠ ĐỒ CÔNG CẤP NƯỚC



SƠ XÂY DỰNG: THÀNH HÓA ĐÀ THẮM ĐỊNH
 Tầng trên lầu 01
 Người: ... tháng ... năm 20...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ DUNG GIA
 KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÓA
ĐÀ THẮM ĐỊNH
 Số 100 Nguyễn Huệ
 Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: 0903 123 456

Châu Đình Đạt

<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ DUNG GIA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÓA ĐÀ THẮM ĐỊNH</p>		<p>ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ DUNG GIA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH HÓA ĐÀ THẮM ĐỊNH</p>	
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
CHỦ THI CÔNG	TRẦN VĂN AN	THI CÔNG	TRẦN VĂN AN
THỜI GIAN	15 NGÀY	THỜI GIAN	15 NGÀY
ĐỊA ĐIỂM	TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM	TRƯỜNG

SƠ ĐỒ CÔNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC, THOÁT NƯỚC VÀ KHÍ NÉN
 (BỘT CHANH TRẮNG 01/2020)

Họ tên: ...
 Ngày: ... tháng ... năm 20...